

Số: 1145 /QĐ - UBND

Triệu Sơn, ngày 24 tháng 2 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách kết quả hỗ trợ
người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg
ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.
(theo danh sách rà soát năm 2014)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/04/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở;

Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 25/7/2017 của Chính phủ về việc thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 27/6/2019 của Chính phủ về thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư 09/2013/TT - BXD ngày 01/7/2013 của Bộ xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 22/2013/QĐ - TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở;

Căn cứ Văn bản số 3017/BXD-QLN ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 27/6/2019 của Chính phủ;

Thực hiện Văn bản số 293/SXD-QLN ngày 15/01/2019 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc lập báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ - TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét Tờ trình số 356 /TTr - BCĐ ngày 24/2/2020 của Trưởng ban chỉ đạo thực hiện Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg huyện Triệu Sơn về việc đề nghị phê duyệt danh sách kết quả hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phê duyệt danh sách kết quả hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ, gồm những nội dung sau:

1. Tổng số hộ gia đình có công với cách mạng đã được hỗ trợ về nhà ở theo danh sách phê duyệt năm 2014, trên địa bàn huyện Triệu Sơn: **2.809 hộ**

Trong đó:

- Số hộ xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ): 1.139 hộ
- Số hộ sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ): 1.670 hộ.

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

2. Kinh phí thực hiện hỗ trợ: **78.960 triệu đồng**

Bằng chữ: Bảy mươi tám tỷ, chín trăm sáu mươi triệu đồng.

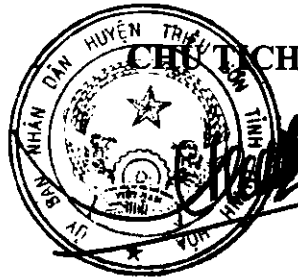
Điều 2. Giao cho Ban chỉ đạo thực hiện Quyết định 22/2013/QĐ - TTg huyện Triệu Sơn; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính - Kế hoạch tổ chức thực hiện, hướng dẫn các xã, thị trấn thực hiện thanh quyết toán vốn hỗ trợ theo đúng quy định của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Lao động - TBXH, Tài chính - Kế hoạch; Ban chỉ đạo thực hiện Quyết định số 22/2013/QĐ - TTg huyện; Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận

- Như điều 3, QĐ;
- Sở Xây dựng (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- Sở Lao động - TB &XH (b/c);
- Lưu: VT; BCĐ; KTHT.



Vũ Đức Kính

**TỔNG HỢP DANH SÁCH KẾT QUẢ HỖ TRỢ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG VỀ NHÀ Ở
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 22/2013/QĐ-TTg NGÀY 26/12/2013 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

(Theo danh sách rà soát năm 2014)

(Kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2020 của UBND huyện Triệu Sơn)

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
1	2	3	4	5	
1	Xã Thọ Tiến		62	102	
1	Lê Thị Tuyết	Bái Giang, Thọ Tiến	40.000.000		
2	Phạm Khắc Cồn	Bái Giang, Thọ Tiến	40.000.000		
3	Phạm Văn Hợp	Bái Giang, Thọ Tiến		20.000.000	
4	Hoàng Văn Vinh	Bái Giang, Thọ Tiến		20.000.000	
5	Nguyễn Ngọc Lê	Bái Giang, Thọ Tiến		20.000.000	
6	Vũ Thị Thiềm	Bái Giang, Thọ Tiến		20.000.000	Đăng ký XM
7	Phạm Văn Bình	Bái Giang, Thọ Tiến		20.000.000	
8	Bùi Xuân Thi	Bái Giang, Thọ Tiến	40.000.000		
9	Kiều Thị Ngôn	Bái Giang, Thọ Tiến		20.000.000	
10	Lê Thanh Hải	Bái Giang, Thọ Tiến		20.000.000	
11	Vũ Trọng Cát	Bái Giang, Thọ Tiến		20.000.000	Đăng ký XM
12	Lê Trọng Đắc	Bái Giang, Thọ Tiến		20.000.000	
13	Nguyễn Bá Phiêu	Bái Giang, Thọ Tiến		20.000.000	
14	Vũ Bá Tín	Bái Giang, Thọ Tiến	40.000.000		
15	Lê Thị Chính	Bái Giang, Thọ Tiến		20.000.000	
16	Trần Quang Thái	Hữu Vy 1, Thọ Tiến	40.000.000		
17	Võ Thịnh	Hữu Vy 1, Thọ Tiến		20.000.000	
18	Lê Viết Tinh	Hữu Vy 1, Thọ Tiến	40.000.000		
19	Vũ Văn Thung	Hữu Vy 1, Thọ Tiến		20.000.000	
20	Lê Thị Xuân	Hữu Vy 1, Thọ Tiến	40.000.000		
21	Lê Minh San	Hữu Vy 1, Thọ Tiến	40.000.000		
22	Lê Hồng Quang	Hữu Vy 1, Thọ Tiến	40.000.000		
23	Lê Trọng Diễm	Hữu Vy 1, Thọ Tiến		20.000.000	
24	Lê Thanh Bình	Hữu Vy 1, Thọ Tiến		20.000.000	
25	Nguyễn Văn Nghĩa	Hữu Vy 1, Thọ Tiến	40.000.000		
26	Nguyễn Quốc Gia	Hữu Vy 1, Thọ Tiến	40.000.000		
27	Lê Thị Dậu	Hữu Vy 1, Thọ Tiến		20.000.000	
28	Lê Thị Đẻ	Hữu Vy 1, Thọ Tiến		20.000.000	
29	Mai Đình Lương	Hữu Vy 1, Thọ Tiến		20.000.000	
30	Nguyễn Mạnh Trí	Hữu Vy 1, Thọ Tiến	40.000.000		
31	Trần Văn Cấp	Hữu Vy 1, Thọ Tiến	40.000.000		
32	Lê Viết Tinh	Hữu Vy 1, Thọ Tiến	40.000.000		
33	Nguyễn Minh Tự	Hữu Vy 1, Thọ Tiến		20.000.000	
34	Phạm Thị Bến	Hữu Vy 2, Thọ Tiến		20.000.000	

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
35	Lê Thị Hoa	Hữu Vy 2, Thọ Tiến		20.000.000	
36	Lê Thị Chính	Hữu Vy 2, Thọ Tiến		20.000.000	
37	Trần Đức Lưu	Hữu Vy 2, Thọ Tiến		20.000.000	
38	Lê Đình Mậu	Hữu Vy 2, Thọ Tiến		20.000.000	
39	Nguyễn Văn Loan	Hữu Vy 2, Thọ Tiến	40.000.000		
40	Nguyễn Hạnh Lộc	Hữu Vy 2, Thọ Tiến		20.000.000	
41	Trần Đình Chương	Hữu Vy 2, Thọ Tiến	40.000.000		
42	Nguyễn Thanh Nhân	Hữu Vy 2, Thọ Tiến	40.000.000		
43	Nguyễn Viết Long	Hữu Vy 2, Thọ Tiến	40.000.000		
44	Trần Đức Duy	Hữu Vy 2, Thọ Tiến		20.000.000	
45	Nguyễn Hữu Giản	Hữu Vy 2, Thọ Tiến		20.000.000	Đăng ký XM
46	Lê Văn Tuấn	Hòa Xa, Thọ Tiến		20.000.000	
47	Lê Trí Thụ	Hòa Xa, Thọ Tiến		20.000.000	Đăng ký XM
48	An Đình Hòe	Hòa Xa, Thọ Tiến		20.000.000	Đăng ký XM
49	Lê Công Trà	Hoành Cừ, Thọ Tiến		20.000.000	
50	Lê Công Chử	Hoành Cừ, Thọ Tiến		20.000.000	
51	Lê Công Hán	Hoành Cừ, Thọ Tiến		20.000.000	
52	Lê Công Hòa	Hoành Cừ, Thọ Tiến		20.000.000	
53	Lê Văn Đào	Hoành Cừ, Thọ Tiến		20.000.000	
54	Lê Văn Dậu	Hoành Cừ, Thọ Tiến		20.000.000	
55	Lê Công Hòe	Hoành Cừ, Thọ Tiến	40.000.000		
56	Phạm Thị Vân	Hoành Cừ, Thọ Tiến	40.000.000		
57	Vũ Văn Phúc	Hoành Cừ, Thọ Tiến	40.000.000		
58	Hà Huy Tụng	Hoành Cừ, Thọ Tiến		20.000.000	
59	Nguyễn Đăng Vây	Dân Tiến, Thọ Tiến	40.000.000		
60	Nguyễn Văn Mạnh	Dân Tiến, Thọ Tiến	40.000.000		
61	Trịnh Đình Lương	Dân Tiến, Thọ Tiến	40.000.000		
62	Nguyễn Văn Qúa	Dân Tiến, Thọ Tiến		20.000.000	
63	Đỗ Xuân Nghiêm	Dân Tiến, Thọ Tiến		20.000.000	
64	Trần Thị Nghị	Dân Tiến, Thọ Tiến		20.000.000	
65	Lê Xuân Thành	Dân Tiến, Thọ Tiến		20.000.000	
66	Nguyễn Văn Tài	Dân Tiến, Thọ Tiến	40.000.000		
67	Lê Văn Hoàng	Dân Tiến, Thọ Tiến		20.000.000	
68	Trần Thị Định	Dân Tiến, Thọ Tiến	40.000.000		
69	Lê Văn Dũng	Dân Tiến, Thọ Tiến	40.000.000		
70	Nguyễn Thị Lan	Dân Tiến, Thọ Tiến	40.000.000		
71	Lê Đình Hùng	Dân Tiến, Thọ Tiến		20.000.000	Đăng ký XM
72	Trần Huy Thìn	Dân Tiến, Thọ Tiến	40.000.000		
73	Tổng Đăng Khoa	Dân Tiến, Thọ Tiến	40.000.000		
74	Trần Thanh Long	Dân Tiến, Thọ Tiến		20.000.000	
75	Nguyễn Trọng Thiệp	Dân Tiến, Thọ Tiến		20.000.000	
76	Chu Đình Hạnh	Dân Tiến, Thọ Tiến	40.000.000		
77	Lê Công Tiệp	Dân Tiến, Thọ Tiến		20.000.000	
78	Vũ Trọng Hòe	Dân Tiến, Thọ Tiến		20.000.000	
79	Trần Xuân Tấn	Dân Tiến, Thọ Tiến		20.000.000	

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở(20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
80	Kiều Đình Hoàn	Lạc Lâm, Thọ Tiến		20.000.000	
81	Dương Văn Hạnh	Lạc Lâm, Thọ Tiến	40.000.000		
82	Lê Trọng Thắng	Lạc Lâm, Thọ Tiến	40.000.000		
83	Trịnh Thị Lương	Lạc Lâm, Thọ Tiến	40.000.000		
84	Nguyễn Thị Huân	Lạc Lâm, Thọ Tiến	40.000.000		
85	Trần Viết Hồng	Lạc Lâm, Thọ Tiến		20.000.000	
86	Trần Thanh Hải	Lạc Lâm, Thọ Tiến		20.000.000	
87	Lê Thị Thêu	Lạc Lâm, Thọ Tiến	40.000.000		
88	Nguyễn Văn Sỹ	Lạc Lâm, Thọ Tiến		20.000.000	Đăng ký XM
89	Kiều Anh Dũng	Lạc Lâm, Thọ Tiến		20.000.000	
90	Ngô Chí Lượng	Lạc Lâm, Thọ Tiến		20.000.000	
91	Lê Thị Hường	Lạc Lâm, Thọ Tiến		20.000.000	
92	Nguyễn Hồng Quân	Lạc Lâm, Thọ Tiến	40.000.000		
93	Lê Thị Thu	Bắc Sơn, Thọ Tiến	40.000.000		
94	Trần Thị Tuyền	Bắc Sơn, Thọ Tiến		20.000.000	
95	Nguyễn Văn Tri	Bắc Sơn, Thọ Tiến	40.000.000		
96	Hoàng Hạp	Bắc Sơn, Thọ Tiến		20.000.000	
97	Lê Xuân Bảy	Bắc Sơn, Thọ Tiến		20.000.000	Đăng ký XM
98	Lê Vĩnh Bé	Bắc Sơn, Thọ Tiến	40.000.000		
99	Đoàn Thị Mẫn	Bình Trị, Thọ Tiến		20.000.000	
100	Nguyễn Thị Mận	Bình Trị, Thọ Tiến		20.000.000	
101	Đoàn Hùng Tráng	Bình Trị, Thọ Tiến		20.000.000	Đăng ký XM
102	Đoàn Minh Trứ	Bình Trị, Thọ Tiến	40.000.000		
103	Đoàn Văn Thiêng	Bình Trị, Thọ Tiến		20.000.000	
104	Đặng Văn Giang	Bình Trị, Thọ Tiến		20.000.000	
105	Đoàn Khắc Châu	Bình Trị, Thọ Tiến		20.000.000	
106	Lê Ngọc Thúc	Bình Trị, Thọ Tiến		20.000.000	
107	Đoàn Văn Sùng	Bình Trị, Thọ Tiến		20.000.000	
108	Đoàn Khắc Tuy	Bình Trị, Thọ Tiến	40.000.000		
109	Đoàn Tiến Hùng	Bình Trị, Thọ Tiến		20.000.000	
110	Lê Thị Kịch	Bình Trị, Thọ Tiến		20.000.000	
111	Lê Công Chiến	Bình Trị, Thọ Tiến	40.000.000		
112	Lê Văn Vy	Bình Trị, Thọ Tiến	40.000.000		
113	Lê Văn Bích	Bình Trị, Thọ Tiến	40.000.000		
114	Lê Tiến Triệu	Bình Trị, Thọ Tiến	40.000.000		
115	Lê Đình Lý	Bình Trị, Thọ Tiến	40.000.000		
116	Lê Chí Minh	Bình Trị, Thọ Tiến		20.000.000	
117	Nguyễn Tiến Hữu	Bình Trị, Thọ Tiến		20.000.000	
118	Lê Văn Diệp	Bình Trị, Thọ Tiến	40.000.000		
119	Đoàn Văn Trác	Bình Trị, Thọ Tiến		20.000.000	Đăng ký XM
120	Đoàn Đức Thuận	Bình Trị, Thọ Tiến		20.000.000	
121	Đoàn Thị Quyết	Bình Trị, Thọ Tiến	40.000.000		
122	Trần Thanh Hải	Bình Trị, Thọ Tiến		20.000.000	
123	Nguyễn Thị Loan	Bình Trị, Thọ Tiến		20.000.000	
124	Vũ Thị Nhung	Bình Trị, Thọ Tiến		20.000.000	

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
125	Lê Văn Hạo	Bình Trị, Thọ Tiến	40.000.000		
126	Trần Văn Đệ	Hoàng xa, Thọ Tiến		20.000.000	
127	Trần Văn Tăng	Hoàng xa, Thọ Tiến	40.000.000		
128	Phan Văn Cậy	Hoàng xa, Thọ Tiến	40.000.000		
129	Lê Văn Với	Hoàng xa, Thọ Tiến		20.000.000	Đăng ký XM
130	Đoàn Khắc Quang	Hoàng xa, Thọ Tiến		20.000.000	
131	Vũ Thị Lan	Hoàng xa, Thọ Tiến	40.000.000		
132	Lê Văn Đạm	Hoàng xa, Thọ Tiến	40.000.000		
133	Tô Thị Cảnh	Hoàng xa, Thọ Tiến		20.000.000	Đăng ký XM
134	Lê Đình Tản	Hoàng xa, Thọ Tiến		20.000.000	
135	Lê Văn Nhiên	Hoàng xa, Thọ Tiến		20.000.000	Đăng ký XM
136	Nguyễn Văn Cờ	Hoàng xa, Thọ Tiến		20.000.000	Đăng ký XM
137	Nguyễn Hải Thành	Hoàng xa, Thọ Tiến		20.000.000	Đăng ký XM
138	Nguyễn Thị Vân	Hoàng xa, Thọ Tiến	40.000.000		
139	Lê Văn Ngôn	Hoàng xa, Thọ Tiến		20.000.000	
140	Phạm Thị Nhung	Hoàng xa, Thọ Tiến		20.000.000	
141	Trần Văn Tài	Hoàng xa, Thọ Tiến		20.000.000	
142	Nguyễn Văn Minh	Hoàng xa, Thọ Tiến		20.000.000	
143	Nguyễn Thị Độ	Hoàng xa, Thọ Tiến		20.000.000	
144	Lê Thị Tầm	Hoàng xa, Thọ Tiến	40.000.000		
145	Trịnh Đình Minh	Hoàng xa, Thọ Tiến		20.000.000	
146	Trần Văn Sỹ	Hoàng xa, Thọ Tiến		20.000.000	
147	Nguyễn Văn Khuê	Hoàng xa, Thọ Tiến	40.000.000		
148	Lê Thanh Xuân	Hoàng xa, Thọ Tiến		20.000.000	
149	Lê Thị Tản	Hữu Vy 1, Thọ Tiến		20.000.000	
150	Lê Thị Lan	Dân Tiến, Thọ Tiến		20.000.000	
151	Phạm Văn Sồn	Dân Tiến, Thọ Tiến	40.000.000		
152	Lê Thị Thái	Dân Tiến, Thọ Tiến	40.000.000		
153	Đàm Thị Mỡ	Dân Tiến, Thọ Tiến		20.000.000	
154	Lê Bá Quế	Dân Tiến, Thọ Tiến	40.000.000		
155	Trần Thanh Sơn	Bắc Sơn, Thọ Tiến	40.000.000		
156	Hoàng Minh Sự	Lạc Lâm, Thọ Tiến		20.000.000	
157	Nguyễn Thị Nhân	Lạc Lâm, Thọ Tiến		20.000.000	Đăng ký XM
158	Đào Thị Hà	Lạc Lâm, Thọ Tiến		20.000.000	
159	Lê Công Hầu	Hoành Cừ, Thọ Tiến		20.000.000	
160	Lê Thị Thúy	Lạc Lâm, Thọ Tiến		20.000.000	
161	Vũ Thị Mai	Lạc Lâm, Thọ Tiến	40.000.000		
162	Lê Văn Thử	Hòa Xa, Thọ Tiến		20.000.000	
163	Lê Hồng An	Bái Giang, Thọ Tiến		20.000.000	
164	Bùi Xuân Lạo	Bái Giang, Thọ Tiến		20.000.000	
2	Thị trấn Triệu Sơn		5	9	
A	Thị Trấn (cũ)				
1	Lê Thị Thuốc (Lê Xuân Hợi)	Tân Thanh, Thị Trấn	40.000.000		
2	Trịnh Ngọc Thêu	Tân Sơn, Thị Trấn	40.000.000		

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
3	Lê Văn Trọng	Tân Thanh, Thị Trấn		20.000.000	
4	Lê Thiên Sơn	Bà Triệu, Thị Trấn		20.000.000	
5	Nguyễn Văn Dân	Tô Vĩnh Diện, Thị Trấn	40.000.000		
6	Lê Văn Nghĩa	Tân Phong, Thị Trấn	40.000.000		
7	Nguyễn Hữu Nhân	Bà Triệu, Thị Trấn	40.000.000		
8	Phạm Đình Thắng	Bà Triệu, Thị Trấn		20.000.000	
9	Phùng Văn Ái	Bà Triệu, Thị Trấn		20.000.000	
10	Nguyễn Thị Hưng	Bà Triệu, Thị Trấn		20.000.000	
11	Lê Thị Chén	Bà Triệu, Thị Trấn		20.000.000	
12	Mai Văn Uyên	Lê Lợi, Thị Trấn		20.000.000	
13	Nguyễn Thị Thủy	Lê Lợi, Thị Trấn		20.000.000	
14	Trần Hợp Sinh	Tân Phong, Thị Trấn		20.000.000	
B	Xã Minh Dân (cũ)		13	15	
1	Lê Đình Canh	Thôn 1, Minh Dân	40.000.000		
2	Trần Phú Thọ	Thôn 5, Minh Dân	40.000.000		
3	Lê Đề	Thôn 2, Minh Dân	40.000.000		
4	Lê Thị Tri	Thôn 2, Minh Dân	40.000.000		
5	Lê Thị Hòa	Thôn 5, Minh Dân	40.000.000		
6	Nguyễn Văn Khôn	Thôn 3, Minh Dân	40.000.000		
7	Trịnh Hữu Sơn	Thôn 1, Minh Dân	40.000.000		
8	Lê Viết Lực	Thôn 1, Minh Dân	40.000.000		
9	Lê Từ Cần	Thôn 2, Minh Dân	40.000.000		
10	Phạm Văn Hải	Thôn 3, Minh Dân	40.000.000		
11	Nguyễn Viết Chồng	Thôn 4, Minh Dân	40.000.000		
12	Lê Đình Dinh	Thôn 2, Minh Dân	40.000.000		
13	Trịnh Ngọc Tiến	Thôn 6, Minh Dân		20.000.000	
14	Lê Viết Lưu	Thôn 1, Minh Dân		20.000.000	
15	Lê Kim San	Thôn 1, Minh Dân		20.000.000	
16	Lê Thị Vụ	Thôn 1, Minh Dân		20.000.000	
17	Lê Đình Hình	Thôn 1, Minh Dân	40.000.000		
18	Lê Đình Thành	Thôn 2, Minh Dân		20.000.000	
19	Lê Đình Thắng	Thôn 2, Minh Dân		20.000.000	
20	Lê Xuân Tâm	Thôn 3, Minh Dân		20.000.000	
21	Phạm Văn Phòng	Thôn 3, Minh Dân		20.000.000	
22	Nguyễn Trọng Bạ	Thôn 3, Minh Dân		20.000.000	
23	Trần Phú Thi	Thôn 4, Minh Dân		20.000.000	
24	Lê Hữu Hồng	Thôn 6, Minh Dân		20.000.000	
25	Lê Quang Trung	Thôn 1, Minh Dân		20.000.000	
26	Trịnh Văn Tiến	Thôn 2, Minh Dân		20.000.000	
27	Lê Xuân Trọng	Thôn 3, Minh Dân		20.000.000	
28	Lê Thanh Quán	Thôn 4, Minh Dân		20.000.000	
C	Xã Minh Châu (cũ)		45	30	
1	Vũ Thị Truất	Thôn 1, Minh Châu	40.000.000		
2	Lê Đình Cảnh	Thôn 1, Minh Châu	40.000.000		
3	Hà Thị Ghe	Thôn 1, Minh Châu		20.000.000	

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
4	Lê Đình Nương	Thôn 1, Minh Châu		20.000.000	
5	Hà Quang Đức	Thôn 1, Minh Châu	40.000.000		
6	Trịnh Huy Sê	Thôn 1, Minh Châu		20.000.000	
7	Hà Xuân Liên	Thôn 1, Minh Châu	40.000.000		
8	Hà Văn Xét	Thôn 1, Minh Châu		20.000.000	
9	Trịnh Hữu Phi	Thôn 2, Minh Châu		20.000.000	
10	Trịnh Huy Huynh	Thôn 2, Minh Châu	40.000.000		
11	Trịnh Huy Huê	Thôn 2, Minh Châu	40.000.000		
12	Hà Xuân Quyết	Thôn 2, Minh Châu	40.000.000		
13	Trịnh Huy Nghinh	Thôn 2, Minh Châu	40.000.000		
14	Hà Quang Dũng	Thôn 2, Minh Châu	40.000.000		
15	Trịnh Thị Đức	Thôn 3, Minh Châu	40.000.000		
16	Hà Quang Bích	Thôn 3, Minh Châu		20.000.000	
17	Lê Thị Mừng	Thôn 3, Minh Châu	40.000.000		
18	Hà Thị Tien	Thôn 3, Minh Châu		20.000.000	
19	Vũ Trọng Cương	Thôn 3, Minh Châu	40.000.000		
20	Trịnh Ngọc Thọ	Thôn 3, Minh Châu	40.000.000		
21	Lê Xuân Trường	Thôn 3, Minh Châu	40.000.000		
22	Lê Xuân Thông	Thôn 3, Minh Châu	40.000.000		
23	Mai Thị Biên	Thôn 3, Minh Châu		20.000.000	Đăng ký XM
24	Hà Quang Tại	Thôn 3, Minh Châu	40.000.000		
25	Nguyễn Thị Nhiều	Thôn 3, Minh Châu	40.000.000		
26	Hà Quang Thuyết	Thôn 3, Minh Châu	40.000.000		
27	Nguyễn Văn Chanh	Thôn 4, Minh Châu		20.000.000	
28	Lê Đình Xưởng	Thôn 4, Minh Châu	40.000.000		
29	Trịnh Huy Kiêu	Thôn 4, Minh Châu		20.000.000	
30	Lê Thị Sơn	Thôn 4, Minh Châu	40.000.000		
31	Lê Ngọc Huân	Thôn 4, Minh Châu		20.000.000	
32	Hà Quang Sươi	Thôn 4, Minh Châu		20.000.000	
33	Hà Thị Thơ	Thôn 4, Minh Châu		20.000.000	
34	Hà Quang Nguyệt	Thôn 4, Minh Châu		20.000.000	
35	Hà Xuân Nam	Thôn 4, Minh Châu		20.000.000	Đăng ký XM
36	Lê Đình Hán	Thôn 4, Minh Châu	40.000.000		
37	Hà Công Khoan	Thôn 5, Minh Châu		20.000.000	
38	Hà Văn Tiểu	Thôn 5, Minh Châu		20.000.000	
39	Hà Quang Việt	Thôn 5, Minh Châu	40.000.000		
40	Mai Văn Hội	Thôn 5, Minh Châu	40.000.000		
41	Luyện Thị Phiên	Thôn 5, Minh Châu	40.000.000		
42	Trịnh Huy Hùng	Thôn 5, Minh Châu		20.000.000	
43	Vũ Thị Kim	Thôn 5, Minh Châu	40.000.000		
44	Hà Công Nhắm	Thôn 5, Minh Châu	40.000.000		
45	Hà Công Cộg	Thôn 5, Minh Châu	40.000.000		
46	Lê Thị Ré	Thôn 5, Minh Châu	40.000.000		
47	Hà Văn Thơ	Thôn 5, Minh Châu	40.000.000		
48	Trịnh Huy Cầu	Thôn 7, Minh Châu		20.000.000	

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
49	Lê Xuân Du	Thôn 7, Minh Châu	40.000.000		
50	Hà Quang Giáo	Thôn 7, Minh Châu		20.000.000	
51	Vũ Xuân Nho	Thôn 7, Minh Châu		20.000.000	
52	Trần Thị Mông (Đặng V. Tộ)	Thôn 7, Minh Châu	40.000.000		Đăng ký SC
53	Hà Xuân Tiên	Thôn 7, Minh Châu	40.000.000		
54	Hà Trọng Nhĩ	Thôn 7, Minh Châu	40.000.000		
55	Hà Thị Nhẹ	Thôn 5, Minh Châu		20.000.000	
56	Vũ Trọng Cẩn	Thôn 3, Minh Châu	40.000.000		
57	Hà Xuân Dồn	Thôn 5, Minh Châu	40.000.000		Đăng ký SC
58	Hà Văn Thoảng	Thôn 5, Minh Châu	40.000.000		
59	Lê Ngọc Sáng	Thôn 2, Minh Châu	40.000.000		
60	Trịnh Ngọc Tạo	Thôn 1, Minh Châu		20.000.000	
61	Hà Xuân Nam	Thôn 1, Minh Châu		20.000.000	
62	Hà Trọng Thúy	Thôn 1, Minh Châu		20.000.000	
63	Hà Trọng Đán	Thôn 1, Minh Châu	40.000.000		Đăng ký SC
64	Bùi Khả Lộc	Thôn 1, Minh Châu		20.000.000	
65	Hà Quang Tuân	Thôn 2, Minh Châu		20.000.000	
66	Hà Xuân Dung	Thôn 2, Minh Châu	40.000.000		
67	Trịnh Thị Tùng	Thôn 2, Minh Châu		20.000.000	
68	Trịnh Ngọc Nghị	Thôn 3, Minh Châu	40.000.000		
69	Lê Đình Đệ	Thôn 3, Minh Châu	40.000.000		
70	Hà Quang Chiến	Thôn 3, Minh Châu	40.000.000		
71	Vũ Trọng Tới	Thôn 3, Minh Châu		20.000.000	
72	Hà Văn Bơi	Thôn 5, Minh Châu	40.000.000		
73	Lê Thị Ty	Thôn 7, Minh Châu	40.000.000		
74	Lê Đình Thục	Thôn 7, Minh Châu	40.000.000		
75	Đào Thị Sáng	Thôn 7, Minh Châu		20.000.000	Đăng ký XM
3	Xã Dân Lý		2	4	
1	Lê Văn Trám	Thôn 1, Dân Lý	40.000.000		
2	Nguyễn Thị Sáng	Thôn 14, Dân Lý	40.000.000		
3	Lê Đình Bưởi	Thôn 7, Dân Lý		20.000.000	
4	Lê Văn Tình	Thôn 9, Dân Lý		20.000.000	
5	Lê Xuân Tre	Thôn 10, Dân Lý		20.000.000	
6	Lê Văn Nguyên	Thôn 11, Dân Lý		20.000.000	
4	Xã Thọ Phú		8	7	
1	Lê Sỹ Hùng	Xóm 1, Thọ Phú		20.000.000	
2	Lê Hồng Mậu	Xóm 1, Thọ Phú		20.000.000	
3	Lê Thanh Hồng	Xóm 1, Thọ Phú	40.000.000		
4	Dương Thị Tròn	Xóm 3a, Thọ Phú		20.000.000	
5	Lê Văn Tuyển	Xóm 4, Thọ Phú	40.000.000		
6	Hoàng Thị Lan	Xóm 6, Thọ Phú		20.000.000	
7	Vũ Văn Quế	Xóm 2, Thọ Phú	40.000.000		
8	Hoàng Thị Nghị	Xóm 6, Thọ Phú		20.000.000	
9	Vũ Thị Thị	Xóm 7, Thọ Phú	40.000.000		
10	Hoàng Thị Lâm	Xóm 8, Thọ Phú	40.000.000		

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
11	Vũ Văn Dũng	Xóm 9, Thọ Phú		20.000.000	
12	Hoàng Minh Thụ	Xóm 9, Thọ Phú		20.000.000	
13	Hoàng Đình Ảnh	Xóm 9, Thọ Phú	40.000.000		
14	Hà Đình Thế	Xóm 9, Thọ Phú	40.000.000		
15	Chu Thanh Ngọc	Xóm 10, Thọ Phú	40.000.000		
5	Xã Thọ Tân		30	147	
1	Nguyễn Văn Vân	Thôn 2, Thọ Tân		20.000.000	
2	Lê Văn Bài	Thôn 2, Thọ Tân		20.000.000	
3	Đàm Duy Năm	Thôn 2, Thọ Tân		20.000.000	
4	Phan Công Dân	Thôn 2, Thọ Tân		20.000.000	
5	Trịnh Xuân Bái	Thôn 2, Thọ Tân		20.000.000	
6	Lê Khắc Thực	Thôn 2, Thọ Tân		20.000.000	
7	Đào Thị Tềnh	Thôn 2, Thọ Tân		20.000.000	
8	Trịnh Thị Kính	Thôn 2, Thọ Tân		20.000.000	
9	Lê Khắc Đào	Thôn 2, Thọ Tân		20.000.000	
10	Lê Trạc Minh	Thôn 2, Thọ Tân		20.000.000	
11	Phan Công Thọ	Thôn 2, Thọ Tân		20.000.000	
12	Nguyễn Văn Ngôn	Thôn 2, Thọ Tân		20.000.000	
13	Lê Khắc Các	Thôn 2, Thọ Tân		20.000.000	
14	Nguyễn Xuân Thanh	Thôn 2, Thọ Tân		20.000.000	
15	Phạm Ngọc Lợi	Thôn 2, Thọ Tân		20.000.000	
16	Lê Xuân Thu	Thôn 2, Thọ Tân		20.000.000	
17	Phạm Văn Khuyên	Thôn 2, Thọ Tân		20.000.000	
18	Nguyễn Thị Tâm	Thôn 2, Thọ Tân		20.000.000	
19	Lê Khắc Linh	Thôn 2, Thọ Tân		20.000.000	
20	Đàm Duy Thông	Thôn 2, Thọ Tân		20.000.000	
21	Lê Văn Kênh	Thôn 2, Thọ Tân		20.000.000	
22	Lê Khắc Hiệp	Thôn 2, Thọ Tân		20.000.000	
23	Lê Thị Lượ	Thôn 2, Thọ Tân		20.000.000	
24	Lê Xuân Quyết	Thôn 3, Thọ Tân	40.000.000		
25	Trần Thọ Cận	Thôn 3, Thọ Tân		20.000.000	
26	Lê Hữu Tuyên	Thôn 3, Thọ Tân		20.000.000	
27	Vũ Văn Hùng	Thôn 3, Thọ Tân		20.000.000	
28	Vũ Thị Kim	Thôn 3, Thọ Tân		20.000.000	
29	Lê Hữu Lái	Thôn 3, Thọ Tân		20.000.000	
30	Vũ Văn Bình	Thôn 3, Thọ Tân		20.000.000	
31	Nguyễn Đức Tiến	Thôn 3, Thọ Tân		20.000.000	
32	Nguyễn Văn Càng	Thôn 4, Thọ Tân		20.000.000	
33	Lê Trạc Nhuận	Thôn 4, Thọ Tân		20.000.000	
34	Đặng Xuân Phúc	Thôn 4, Thọ Tân		20.000.000	
35	Nguyễn Hoài Phương	Thôn 4, Thọ Tân		20.000.000	
36	Lê Văn Lập	Thôn 4, Thọ Tân		20.000.000	
37	Nguyễn Thị Hán	Thôn 4, Thọ Tân		20.000.000	
38	Đàm Thị Xuyên	Thôn 4, Thọ Tân		20.000.000	
39	Nguyễn Tôn Dược	Thôn 4, Thọ Tân		20.000.000	

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
40	Nguyễn Thìn Xuân	Thôn 4, Thọ Tân		20.000.000	
41	Trần Trung Hòa	Thôn 4, Thọ Tân		20.000.000	
42	Đặng Chí Dương	Thôn 4, Thọ Tân		20.000.000	
43	Dương Văn Tuyên	Thôn 4, Thọ Tân		20.000.000	
44	Lê Thị Hưng	Thôn 4, Thọ Tân		20.000.000	
45	Kiều Văn Luyện	Thôn 4, Thọ Tân		20.000.000	
46	Nguyễn Tôn Hòa	Thôn 4, Thọ Tân		20.000.000	
47	Lê Thị Giao	Thôn 4, Thọ Tân		20.000.000	
48	Nguyễn Thị Mền	Thôn 4, Thọ Tân		20.000.000	
49	Nguyễn Thanh Lâm	Thôn 4, Thọ Tân		20.000.000	
50	Lê Văn Vương	Thôn 4, Thọ Tân		20.000.000	
51	Nguyễn Văn Lòng	Thôn 4, Thọ Tân		20.000.000	
52	Lê Quang Vần	Thôn 4, Thọ Tân		20.000.000	
53	Đàm Duy Thứ	Thôn 4, Thọ Tân		20.000.000	
54	Dương Đình Đồng	Thôn 4, Thọ Tân		20.000.000	
55	Nguyễn Thị Vinh	Thôn 4, Thọ Tân		20.000.000	
56	Nguyễn Anh Ty	Thôn 5, Thọ Tân		20.000.000	Đăng ký XM
57	Lê Đình Huê	Thôn 5, Thọ Tân		20.000.000	Đăng ký XM
58	Đặng Quang Trung	Thôn 5, Thọ Tân	40.000.000		
59	Nguyễn Đức Trọng	Thôn 5, Thọ Tân		20.000.000	
60	Phạm Trọng Ban	Thôn 5, Thọ Tân		20.000.000	
61	Đàm Duy Nhuận	Thôn 5, Thọ Tân	40.000.000		
62	Lê Huy Đình	Thôn 5, Thọ Tân		20.000.000	
63	Lê Huy Xuyên	Thôn 5, Thọ Tân		20.000.000	
64	Nguyễn Văn Lưu	Thôn 5, Thọ Tân		20.000.000	
65	Nguyễn Ngọc Tập	Thôn 5, Thọ Tân		20.000.000	
66	Đặng Quang Minh	Thôn 5, Thọ Tân	40.000.000		
67	Trịnh Văn Tuấn	Thôn 5, Thọ Tân		20.000.000	
68	Trịnh Xuân Hùng	Thôn 5, Thọ Tân		20.000.000	
69	Nguyễn Thị Lịch	Thôn 5, Thọ Tân		20.000.000	
70	Kiều Thị Lương	Thôn 5, Thọ Tân		20.000.000	
71	Lê Xuân Vĩnh	Thôn 5, Thọ Tân		20.000.000	
72	Nguyễn Văn Hào	Thôn 5, Thọ Tân		20.000.000	Đăng ký XM
73	Trịnh Duy Bộ	Thôn 6, Thọ Tân		20.000.000	
74	Lê Văn Quỳnh	Thôn 6, Thọ Tân		20.000.000	
75	Trịnh Duy Bình	Thôn 6, Thọ Tân	40.000.000		
76	Trần Thị Năm	Thôn 7, Thọ Tân		20.000.000	
77	Lê Văn Hợi	Thôn 7, Thọ Tân	40.000.000		
78	Lê Văn Tế	Thôn 7, Thọ Tân		20.000.000	
79	Đỗ Trung Đình	Thôn 7, Thọ Tân		20.000.000	
80	Hoàng Văn Diệp	Thôn 7, Thọ Tân		20.000.000	
81	Hoàng Văn Khải	Thôn 7, Thọ Tân		20.000.000	
82	Nguyễn Thị Chúc	Thôn 7, Thọ Tân		20.000.000	
83	Lê Thị Hội (Lê V Minh)	Thôn 7, Thọ Tân		20.000.000	
84	Nguyễn Văn Trung	Thôn 7, Thọ Tân	40.000.000		

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
85	Trịnh Duy Chuyên	Thôn 7, Thọ Tân		20.000.000	
86	Nguyễn Thị Lâm (L.N.Đình)	Thôn 7, Thọ Tân		20.000.000	
87	Trần Văn Tình	Thôn 7, Thọ Tân		20.000.000	
88	Trần Văn Lâm	Thôn 7, Thọ Tân		20.000.000	
89	Lê Thiên Thai	Thôn 7, Thọ Tân		20.000.000	
90	Hoàng Thị Yên	Thôn 7, Thọ Tân		20.000.000	
91	Dương Văn Lân (Vũ B Liệu)	Thôn 8, Thọ Tân		20.000.000	
92	Lê Thị Vân	Thôn 8, Thọ Tân		20.000.000	
93	Nguyễn Văn Khoa	Thôn 8, Thọ Tân		20.000.000	
94	Lê Thị Tương	Thôn 8, Thọ Tân		20.000.000	
95	Nguyễn Văn Bón	Thôn 8, Thọ Tân		20.000.000	
96	Lê Thọ Đàm	Thôn 8, Thọ Tân		20.000.000	
97	Trần Lương Tuyên	Thôn 8, Thọ Tân		20.000.000	
98	Nguyễn Văn Thước	Thôn 1, Thọ Tân	40.000.000		
99	Trịnh Xuân Hòa	Thôn 1, Thọ Tân		20.000.000	Đăng ký XM
100	Lê Văn Tài	Thôn 1, Thọ Tân		20.000.000	
101	Lê Văn Sơn	Thôn 1, Thọ Tân	40.000.000		
102	Nguyễn Văn Thạch	Thôn 1, Thọ Tân	40.000.000		
103	Lê Xuân Trinh	Thôn 1, Thọ Tân		20.000.000	Đăng ký XM
104	Lê Văn Luân	Thôn 1, Thọ Tân		20.000.000	
105	Nguyễn Văn Khoan	Thôn 1, Thọ Tân		20.000.000	
106	Lê Đình Cẩm	Thôn 1, Thọ Tân		20.000.000	
107	Lê Thị Thiêng (L.Đ. Thực)	Thôn 1, Thọ Tân		20.000.000	Đăng ký XM
108	Trịnh Xuân Hùng	Thôn 1, Thọ Tân		20.000.000	
109	Nguyễn Thị Ky	Thôn 1, Thọ Tân		20.000.000	
110	Nguyễn Thìn Chi	Thôn 1, Thọ Tân		20.000.000	
111	Trần Văn Lập	Thôn 1, Thọ Tân	40.000.000		
112	Đặng Văn Tuyên	Thôn 1, Thọ Tân		20.000.000	
113	Lê Thị Liên (H.V Truật)	Thôn 1, Thọ Tân		20.000.000	Đăng ký XM
114	Nguyễn Đăng Liệu	Thôn 1, Thọ Tân		20.000.000	
115	Lê Thị Huệ (Ng.H Nhân)	Thôn 2, Thọ Tân		20.000.000	
116	Nguyễn Đức Nhuận	Thôn 2, Thọ Tân		20.000.000	
117	Phạm Văn Tư	Thôn 2, Thọ Tân		20.000.000	
118	Nguyễn Thị Hiền	Thôn 3, Thọ Tân		20.000.000	
119	Lê Thị Nhị	Thôn 3, Thọ Tân	40.000.000		
120	Trần Văn Luyện	Thôn 3, Thọ Tân		20.000.000	
121	Lường Quang Phác	Thôn 4, Thọ Tân		20.000.000	
122	Hoàng Thị Nhi	Thôn 4, Thọ Tân	40.000.000		
123	Đàm Thị Nguyệt	Thôn 4, Thọ Tân		20.000.000	
124	Phạm Văn Năm	Thôn 4, Thọ Tân	40.000.000		Đăng ký SC
125	Nguyễn Thị Thục	Thôn 4, Thọ Tân		20.000.000	
126	Lê Bá Xây	Thôn 4, Thọ Tân		20.000.000	
127	Lê Hữu Láng	Thôn 5, Thọ Tân	40.000.000		
128	Phạm Văn Nhung	Thôn 5, Thọ Tân	40.000.000		
129	Đới Văn Khả	Thôn 6, Thọ Tân	40.000.000		

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
130	Lê Văn Bang	Thôn 7, Thọ Tân		20.000.000	
131	Trần Văn Hào	Thôn 7, Thọ Tân		20.000.000	
132	Trần Quang Thọ	Thôn 7, Thọ Tân		20.000.000	
133	Lê Văn Chân	Thôn 7, Thọ Tân		20.000.000	
134	Lê Thọ Lách	Thôn 8, Thọ Tân		20.000.000	
135	Lê Thị Hòa	Thôn 8, Thọ Tân		20.000.000	
136	Hoàng Văn Cầu	Thôn 8, Thọ Tân		20.000.000	
137	Ngô Thị Tâm	Thôn 3, Thọ Tân		20.000.000	
138	Trần Thị Hồng	Thôn 3, Thọ Tân		20.000.000	
139	Lê Minh Nông	Thôn 3, Thọ Tân		20.000.000	
140	Phạm Thị Thục	Thôn 3, Thọ Tân		20.000.000	
141	Lê Hữu Tiệp	Thôn 3, Thọ Tân		20.000.000	
142	Nguyễn Tài Liên	Thôn 3, Thọ Tân		20.000.000	
143	Phạm Văn Tùng	Thôn 3, Thọ Tân		20.000.000	
144	Phạm Đắc Kỳ	Thôn 3, Thọ Tân		20.000.000	
145	Hà Văn Hòa	Thôn 5, Thọ Tân	40.000.000		
146	Đặng Thị Hơ	Thôn 5, Thọ Tân		20.000.000	
147	Lê Ngọc Quyển	Thôn 7, Thọ Tân		20.000.000	
148	Nguyễn Thị Liệu	Thôn 1, Thọ Tân		20.000.000	Đăng ký XM
149	Nguyễn Thị Khương	Thôn 1, Thọ Tân		20.000.000	
150	Nguyễn Văn Tú	Thôn 1, Thọ Tân		20.000.000	
151	Lê Xuân Sinh	Thôn 1, Thọ Tân		20.000.000	
152	Nguyễn Thị Định	Thôn 5, Thọ Tân		20.000.000	Đăng ký XM
153	Đàm Duy Bộ	Thôn 1, Thọ Tân		20.000.000	
154	Trần Thị Hạnh (L. T. Nguyệt)	Thôn 5, Thọ Tân	40.000.000		
155	Trần Thị Phong	Thôn 1, Thọ Tân	40.000.000		
156	Nguyễn Đình Hoạch	Thôn 2, Thọ Tân		20.000.000	
157	Nguyễn Văn Cừ	Thôn 2, Thọ Tân		20.000.000	
158	Nguyễn Đức Phong	Thôn 3, Thọ Tân		20.000.000	
159	Nguyễn Thị Nhi (N.H. Minh)	Thôn 3, Thọ Tân	40.000.000		
160	Phạm Thị Bảy	Thôn 4, Thọ Tân	40.000.000		
161	Nguyễn Huy Phúc	Thôn 5, Thọ Tân	40.000.000		
162	Đới Văn Ước	Thôn 5, Thọ Tân	40.000.000		
163	Ngô Minh Sáu	Thôn 7, Thọ Tân	40.000.000		
164	Lê Thanh Hải (L.T. My)	Thôn 7, Thọ Tân	40.000.000		
165	Nguyễn Đăng Thợi	Thôn 8, Thọ Tân	40.000.000		
166	Nguyễn Đình Hào	Thôn 8, Thọ Tân	40.000.000		
167	Trần Thọ Quyết	Thôn 3, Thọ Tân		20.000.000	
168	Lê Thị Chính	Thôn 1, Thọ Tân	40.000.000		
169	Đàm Duy Vẽ	Thôn 1, Thọ Tân	40.000.000		
170	Nguyễn Ngọc Hợp	Thôn 5, Thọ Tân		20.000.000	
171	Phạm Văn Phụng	Thôn 5, Thọ Tân		20.000.000	
172	Hoàng Thị Lan	Thôn 5, Thọ Tân		20.000.000	
173	Trịnh Văn Hiệp	Thôn 5, Thọ Tân		20.000.000	
174	Lê Đức Hường (Tuông)	Thôn 5, Thọ Tân		20.000.000	

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
175	Nguyễn Thị Nụ	Thôn 5, Thọ Tân		20.000.000	
176	Nguyễn Thị Phúc	Thôn 5, Thọ Tân		20.000.000	
177	Nguyễn Thị Khuyên	Thôn 5, Thọ Tân		20.000.000	
6	Thị trấn Nưa		96	244	
1	Lê Viết Nam	Xóm 01	40.000.000		
2	Lê Thị Minh	Xóm 01	40.000.000		
3	Lê Minh Châu	Xóm 01	40.000.000		
4	Lê Bất Tầm	Xóm 01	40.000.000		
5	Đặng Thị Mùi	Xóm 01	40.000.000		
6	Lê Bá Hải	Xóm 02	40.000.000		
7	Lê Viết Nghiêm	Xóm 02	40.000.000		
8	Lê Thị Thêu	Xóm 02	40.000.000		
9	Lê Đình Cầu	Xóm 02	40.000.000		
10	Lê Thị Côn	Xóm 02	40.000.000		
11	Lê Đình Bồn	Xóm 03	40.000.000		
12	Lê Ngọc Phơ	Xóm 03	40.000.000		
13	Vũ Thị Thông	Xóm 03	40.000.000		
14	Vương Mạnh Hạng	Xóm 03	40.000.000		
15	Lê Trọng Bình	Xóm 03	40.000.000		
16	Trương Bá Vinh	Xóm 03	40.000.000		
17	Trịnh Đình Tám	Xóm 03	40.000.000		
18	Nguyễn Thị Oanh	Xóm 03	40.000.000		
19	Lê Thị Bảy	Xóm 04	40.000.000		
20	Lê Bất Toàn	Xóm 04	40.000.000		
21	Lê Văn Giác	Xóm 04	40.000.000		
22	Lê Nguyên Năm	Xóm 04	40.000.000		
23	Lê Bất Trinh	Xóm 04	40.000.000		
24	Lê Văn Trác	Xóm 04	40.000.000		
25	Lê Thị Chính	Xóm 04	40.000.000		
26	Nguyễn Bá Nhân	Xóm 04	40.000.000		
27	Lê Thị Bảy	Xóm 05	40.000.000		
28	Trương Bá Hiệp	Xóm 05	40.000.000		
29	Lê Văn Thu	Xóm 06	40.000.000		
30	Lê Đình Hương	Xóm 06	40.000.000		
31	Lê Đình Kim	Xóm 06	40.000.000		
32	Doãn Thị Diên	Xóm 06	40.000.000		
33	Lê Tường Vi	Xóm 06	40.000.000		
34	Lê Huy Hồi	Xóm 06	40.000.000		
35	Lê Viết Bang	Xóm 06	40.000.000		
36	Lê Thị Tiệc	Xóm 06	40.000.000		
37	Hứa Thị Căn	Xóm 07	40.000.000		
38	Lê Bất Bình	Xóm 07	40.000.000		
39	Hoàng Thị Lọc	Xóm 07	40.000.000		
40	Lê Đình Nhu	Xóm 07	40.000.000		
41	Lê Thị Độ	Xóm 07	40.000.000		

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
42	Lê Khắc Sáu	Xóm 07	40.000.000		
43	Lê Minh Hương	Xóm 07	40.000.000		
44	Lê Đình Tân	Xóm 07	40.000.000		
45	Doãn Ngọc San	Xóm 07	40.000.000		
46	Lê Hồng Sinh	Xóm 08	40.000.000		
47	Lương Quốc Hường	Xóm 08	40.000.000		
48	Nguyễn Hữu Vệ	Xóm 08	40.000.000		
49	Nguyễn Văn Đô	Xóm 08	40.000.000		
50	Nguyễn Bá Nhí	Xóm 08	40.000.000		
51	Đoàn Công Mẫn	Xóm 08	40.000.000		
52	Nguyễn Bá Bình	Xóm 08	40.000.000		
53	Trần Huy Nhân	Xóm 08	40.000.000		
54	Phạm Thị Tính	Xóm 09	40.000.000		
55	Lê Đăng Liên	Xóm 09	40.000.000		
56	Lê Viết Dậu	Xóm 09	40.000.000		
57	Lê Bất An	Xóm 09	40.000.000		
58	Nguyễn Văn Phụng	Xóm 09	40.000.000		
59	Lê Thị Kẹo	Xóm 09	40.000.000		
60	Nguyễn Văn Nhi	Xóm 10	40.000.000		
61	Lê Phi Hùng	Xóm 11	40.000.000		
62	Lê Bất Bình	Xóm 11	40.000.000		
63	Nguyễn Trọng Nghi	Xóm 11	40.000.000		
64	Nguyễn Bá Thiên	Xóm 12	40.000.000		
65	Doãn Đài	Xóm 12	40.000.000		
66	Lê Trung Kiên	Xóm 12	40.000.000		
67	Lê Đình Sâm	Xóm 12	40.000.000		
68	Lê Văn Yêm	Xóm 12	40.000.000		
69	Lê Đăng Vy	Xóm 12	40.000.000		
70	Nhữ Văn Lượng	Xóm 13	40.000.000		
71	Lê Văn Triệu	Xóm 13	40.000.000		
72	Lê Đồng Ký	Xóm 13	40.000.000		
73	Nguyễn Thị Hán	Xóm 08	40.000.000		
74	Lê Viết Chử	Xóm 08	40.000.000		
75	Lê Văn Định	Xóm 01		20.000.000	
76	Lê Xuân Thanh	Xóm 01		20.000.000	
77	Lê Viết Tân	Xóm 01		20.000.000	
78	Lê Nguyên Ban	Xóm 02		20.000.000	
79	Lê Bá Dậu	Xóm 02		20.000.000	
80	Lê Đình Phán	Xóm 02		20.000.000	
81	Trần Văn Khải	Xóm 02		20.000.000	
82	Lê Nguyên Dục	Xóm 02		20.000.000	
83	Lê Thị Nu	Xóm 03		20.000.000	
84	Trịnh Thị Quế	Xóm 03		20.000.000	
85	Hoàng Văn Luyến	Xóm 03		20.000.000	
86	Lê Văn Hoè	Xóm 03		20.000.000	

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
87	Lê Ngọc Thụ	Xóm 03		20.000.000	
88	Lê Đình Tính	Xóm 03		20.000.000	
89	Lê Đình Thuộc	Xóm 03		20.000.000	
90	Lê Bát Ninh	Xóm 03		20.000.000	
91	Nguyễn Bá viết	Xóm 03		20.000.000	
92	Vũ Duy Lanh	Xóm 03		20.000.000	
93	Lê Thanh Nghị	Xóm 03		20.000.000	
94	Lê Đức Sáu	Xóm 03		20.000.000	
95	Trịnh Đình Sáu	Xóm 03		20.000.000	
96	Lê Đình Ninh	Xóm 03		20.000.000	
97	Lê Thị Y	Xóm 03		20.000.000	
98	Lê Văn Tuất	Xóm 04		20.000.000	
99	Nguyễn Bá Cộ	Xóm 04		20.000.000	
100	Vương Tiến Đức	Xóm 04		20.000.000	
101	Lê Thị Lọc	Xóm 04		20.000.000	
102	Lê Văn Vinh	Xóm 04		20.000.000	
103	Lê Bát Hành	Xóm 04		20.000.000	
104	Lê Ngọc Khang	Xóm 04		20.000.000	
105	Lê Ngọc Huy	Xóm 04		20.000.000	
106	Lê Thị Xuyên	Xóm 05		20.000.000	
107	Lê Văn Tư	Xóm 05		20.000.000	
108	Lê Thị Miến	Xóm 05		20.000.000	
109	Lê Thị Chung	Xóm 05		20.000.000	
110	Lê Đình Lỡ	Xóm 05		20.000.000	
111	Lê Đình Kiên	Xóm 05		20.000.000	
112	Lê Bát Quyên	Xóm 05		20.000.000	
113	Lê Thị Dân	Xóm 05		20.000.000	
114	Lê Đình Huy	Xóm 06		20.000.000	
115	Lê Bát Dòn	Xóm 06		20.000.000	
116	Lê Đình Nam	Xóm 06		20.000.000	
117	Hứa Viết Nho	Xóm 06		20.000.000	
118	Hứa Viết Hợi	Xóm 06		20.000.000	
119	Trịnh Đình Khang	Xóm 06		20.000.000	
120	Nguyễn Thị Ái	Xóm 06		20.000.000	
121	Hứa Viết Lơi	Xóm 06		20.000.000	
122	Nguyễn Nho Quế	Xóm 07		20.000.000	
123	Trần Huy Thu	Xóm 07		20.000.000	
124	Doãn Trung Kiên	Xóm 07		20.000.000	
125	Lê Nguyên Chanh	Xóm 07		20.000.000	
126	Nguyễn Sơn Dân	Xóm 07		20.000.000	
127	Trương Bá Tư	Xóm 07		20.000.000	
128	Lê Thị Thân	Xóm 07		20.000.000	
129	Hoàng Năng Sơn	Xóm 07		20.000.000	
130	Lê Thị Hòa	Xóm 07		20.000.000	
131	Hứa Khắc Thụy	Xóm 07		20.000.000	

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
132	Lê Đình Tạo	Xóm 07		20.000.000	
133	Lê Đình Cát	Xóm 07		20.000.000	
134	Lê Đình Tám	Xóm 07		20.000.000	
135	Lê Bát Quý	Xóm 07		20.000.000	
136	Lê Đình Năm	Xóm 07		20.000.000	
137	Hoàng Xuân Lưu	Xóm 07		20.000.000	
138	Lê Đăng Vinh	Xóm 07		20.000.000	
139	Hoàng Năng Sản	Xóm 07		20.000.000	
140	Lê Thị Bường	Xóm 08		20.000.000	
141	Hứa Khắc Dung	Xóm 08		20.000.000	
142	Lê Văn Cương	Xóm 08		20.000.000	
143	Lê Ngọc Hoà	Xóm 08		20.000.000	
144	Nguyễn Thị Mậu	Xóm 08		20.000.000	
145	Lê Liên Phương	Xóm 08		20.000.000	
146	Lê Đăng Gián	Xóm 09		20.000.000	
147	Lê Đình Tám	Xóm 09		20.000.000	
148	Lê Thị Lịch	Xóm 09		20.000.000	
149	Lê Đăng Hỷ	Xóm 09		20.000.000	
150	Lê Minh Hoàng	Xóm 10		20.000.000	
151	Lê Văn Sang	Xóm 10		20.000.000	
152	Phạm Văn Sinh	Xóm 10		20.000.000	
153	Lê Thị Sen	Xóm 10		20.000.000	
154	Lê Viết Hùng	Xóm 11		20.000.000	
155	Lê Đức Sáng	Xóm 11		20.000.000	
156	Lê Khả Ninh	Xóm 11		20.000.000	
157	Hứa Khắc Ngật	Xóm 11		20.000.000	
158	Lê Bát Kiên	Xóm 11		20.000.000	
159	Nguyễn Huy Thon	Xóm 11		20.000.000	
160	Hoàng Xuân Ân	Xóm 11		20.000.000	
161	Nguyễn Bá Giáp	Xóm 11		20.000.000	
162	Lê Khả Đức	Xóm 11		20.000.000	
163	Lê Bát Lân	Xóm 11		20.000.000	
164	Hứa Khắc Kim	Xóm 11		20.000.000	
165	Nguyễn Bá Chức	Xóm 11		20.000.000	
166	Lê Thị Khánh	Xóm 11		20.000.000	
167	Lê Đăng Vinh	Xóm 11		20.000.000	
168	Hứa Khắc Dũng	Xóm 11		20.000.000	
169	Lê Đình Chúc	Xóm 12		20.000.000	
170	Hứa Đình Ngọc	Xóm 12		20.000.000	
171	Lê Thị Vân	Xóm 12		20.000.000	
172	Hứa Khắc Ngũ	Xóm 12		20.000.000	
173	Lê Viết Huy	Xóm 12		20.000.000	
174	Lê Bát Khâm	Xóm 12		20.000.000	
175	Đình Văn An	Xóm 12		20.000.000	
176	Hứa Khắc Thoại	Xóm 12		20.000.000	

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
177	Lê Kim Chính	Xóm 12		20.000.000	
178	Lê Hồng Thịnh	Xóm 13		20.000.000	
179	Lê Đồng Tiềm	Xóm 13		20.000.000	
180	Hứa Đình Soạn	Xóm 13		20.000.000	
181	Hứa Đình Nam	Xóm 13		20.000.000	
182	Hứa Thế Riều	Xóm 13		20.000.000	
183	Hoàng Duy Ngà	Xóm 13		20.000.000	
184	Hoàng Duy Đẩu	Xóm 13		20.000.000	
185	Hứa Thế Trọng	Xóm 13		20.000.000	
186	Phạm Thị Bù	Xóm 08		20.000.000	
187	Nguyễn Văn Cường	Xóm 08		20.000.000	
188	Lê Thị Cúc	Xóm 08		20.000.000	
189	Hoàng Thị Đợc	Xóm 08		20.000.000	
190	Lê Thị Dục	Xóm 08		20.000.000	
191	Đinh Thị Hường	Xóm 08		20.000.000	
192	Nguyễn Minh Huệ	Xóm 08		20.000.000	
193	Vũ Thị Khởi	Xóm 08		20.000.000	
194	Lê Thị Lắm	Xóm 08		20.000.000	
195	Hà Thị Lãng	Xóm 08		20.000.000	
196	Lê Thị Ngọt	Xóm 08		20.000.000	
197	Vũ Xuân Sanh	Xóm 08		20.000.000	
198	Khuơng Thị Thục	Xóm 08		20.000.000	
199	Lã Huy Trường	Xóm 08		20.000.000	
200	Trương Thị Thanh	Xóm 08		20.000.000	
201	Phạm Thị Thanh	Xóm 08		20.000.000	
202	Nguyễn Thị Thắng	Xóm 08		20.000.000	
203	Vũ Thị Việt	Xóm 08		20.000.000	
204	Hà Thị Vân	Xóm 08		20.000.000	
205	Lê Thị Xuyên	Xóm 08		20.000.000	
206	Lê Duy Vinh	Xóm 08		20.000.000	
207	Lâm Thị Tầm	Xóm 08		20.000.000	
208	Nguyễn Văn Khái	Xóm 08		20.000.000	
209	Phạm Thị Ngà	Xóm 08		20.000.000	
210	Vũ Văn Quỳnh	Xóm 08		20.000.000	
211	Lê Thị Nhuận	Xóm 08		20.000.000	
212	Nguyễn Thị Huân	Xóm 08		20.000.000	
213	Đinh Liên	Xóm 08		20.000.000	
214	Lương Thế Sự	Xóm 08		20.000.000	
215	Đặng Thị Tước	Xóm 08		20.000.000	
216	Đới Thị Mạnh	Xóm 07	40.000.000		
217	Lê Trọng Sơn	Xóm 01		20.000.000	
218	Lê Ngọc Quyển	Xóm 02		20.000.000	
219	Lê Đình Tháp	Xóm 02		20.000.000	
220	Nguyễn Nho Thọ	Xóm 07		20.000.000	
221	Lê Thị Bính	Xóm 13		20.000.000	

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
222	Đoàn Thị Viên	Xóm 14		20.000.000	
223	Lê Ngọc Nhữ	Xóm 08		20.000.000	
224	Hứa Thị Nguyệt	Xóm 08		20.000.000	
225	Trịnh Thị Thanh	Xóm 02	40.000.000		
226	Nguyễn Văn Lập	Xóm 06	40.000.000		
227	Lê Văn Luyện	Xóm 11	40.000.000		
228	Lê Thị Nghi	Xóm 01		20.000.000	
229	Lê Đăng Nguyệt	Xóm 01		20.000.000	
230	Lê Khắc Tân	Xóm 02		20.000.000	
231	Lê Thị Liên	Xóm 03		20.000.000	
232	Lê Thị Thư	Xóm 03		20.000.000	
233	Trịnh Xuân Hoa	Xóm 03		20.000.000	
234	Lê Đăng Hạnh	Xóm 05		20.000.000	
235	Lê Sỹ Trang	Xóm 05		20.000.000	
236	Hứa Như Hy	Xóm 06		20.000.000	
237	Lê Đức Thiệu	Xóm 06		20.000.000	
238	Lê Đình Tho	Xóm 07		20.000.000	
239	Lê Thị Đạt	Xóm 10		20.000.000	
240	Tạ Đình Huy	Xóm 10		20.000.000	
241	Lê Đình Sáu	Xóm 11		20.000.000	
242	Phạm Văn Sáu	Xóm 11		20.000.000	
243	LêBAT Tiến	Xóm 11		20.000.000	
244	Nguyễn Văn Toan	Xóm 12		20.000.000	
245	Hứa Đình Thuận	Xóm 13		20.000.000	
246	Hứa Đình Thắng	Xóm 13		20.000.000	
247	Nguyễn Thị Bảy	Xóm 08		20.000.000	
248	Trần Thị Hào	Xóm 08		20.000.000	
249	Nguyễn Thị Luyện	Xóm 08		20.000.000	
250	Trịnh Thị Lạo	Xóm 08		20.000.000	
251	Trần Thị Nghiên	Xóm 08		20.000.000	
252	Ngô Thị Song	Xóm 08		20.000.000	
253	Lê Trường Thanh	Xóm 08		20.000.000	
254	Trịnh Thị Thiệu	Xóm 08		20.000.000	
255	Vũ Văn Toan	Xóm 08		20.000.000	
256	Hồ Cẩn	Xóm 08		20.000.000	
257	Nguyễn Hữu Thanh	Xóm 08		20.000.000	
258	Lê Văn Bích	Xóm 01		20.000.000	
259	Lê Viết Tráng	Xóm 02		20.000.000	
260	Lê Đình Trạc	Xóm 02		20.000.000	
261	Lê Văn Thành	Xóm 03		20.000.000	
262	Hứa Khắc Ký	Xóm 07		20.000.000	
263	Trịnh Đình Ca	Xóm 08		20.000.000	
264	Lê Viết Chấn	Xóm 08		20.000.000	
265	Lê Đăng Nhu	Xóm 11		20.000.000	
266	Lê Thanh Ba	Xóm 12		20.000.000	

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
267	Lê Thị Lý	Xóm 13		20.000.000	
268	Lê Đồng Nhật	Xóm 13		20.000.000	
269	LêBATBa	Xóm 01	40.000.000		
270	Vũ Thị Lụa	Xóm 01		20.000.000	
271	Nguyễn Thị Tý	Xóm 01		20.000.000	
272	Lê Đình Ty	Xóm 03	40.000.000		
273	Tạ Thị Thường	Xóm 03		20.000.000	
274	Lê Đình Thơm	Xóm 03		20.000.000	
275	LêBATYên	Xóm 03		20.000.000	
276	Vương Tiến Mạo	Xóm 03		20.000.000	
277	Lê Minh Duyên	Xóm 03		20.000.000	
278	Lê Thị Bút	Xóm 05		20.000.000	
279	LêBATThiếu	Xóm 06	40.000.000		
280	Nguyễn Thị Nay	Xóm 07	40.000.000		
281	Nguyễn Thị Mực	Xóm 08	40.000.000		
282	Ninh Thị Nền	Xóm 08		20.000.000	
283	Bàng Đức Tuyên	Xóm 08		20.000.000	
284	Nguyễn Văn Trọng	Xóm 09	40.000.000		
285	LêBATCôn	Xóm 11	40.000.000		
286	Nguyễn Thị Ngát	Xóm 11		20.000.000	
287	LêBATNăm	Xóm 11	40.000.000		
288	Nguyễn Xuân Bình	Xóm 11		20.000.000	
289	Lê Thị Phẩm	Xóm 12	40.000.000		
290	Hứa Thị Bường	Xóm 12		20.000.000	
291	Doãn Thị Phương	Xóm 12		20.000.000	
292	Lê Đăng Bình	Xóm 12		20.000.000	
293	Vũ Thị Vượng	Xóm 12		20.000.000	
294	Lê Văn Cương	Xóm 12	40.000.000		
295	Lê Thị Nhung	Xóm 13	40.000.000		
296	Phạm Văn Bạo	Xóm 13		20.000.000	
297	Lê Đình Khải	Thôn 07		20.000.000	
298	Lê Thị Rặt	Thôn 13		20.000.000	
299	Hứa Như Tiếp	Thôn 09		20.000.000	
300	Lưu Văn Môn	Thôn 10		20.000.000	
301	Phạm Bình Minh	Thôn 08	40.000.000		
302	Lê Trọng Hoa	Thôn 06		20.000.000	
303	Ngô Xuân Mạnh	Thôn 06		20.000.000	
304	Phạm Ngọc Quý	Thôn 08		20.000.000	
305	Lê Đình Nam	Thôn 05		20.000.000	
306	Lê Sỹ Trinh	Thôn 05		20.000.000	
307	Lê Văn Giáp	Xóm 04		20.000.000	
308	Lê Tất Đắc	Xóm 05		20.000.000	
309	Tạ Văn Thanh	Xóm 06		20.000.000	
310	Mai Xuân Lễ	Xóm 10		20.000.000	
311	Lê Trọng Nghiên	Xóm 11		20.000.000	

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
312	Lê Trọng Tấn	Xóm 13		20.000.000	
313	Lê Thị Chính	Xóm 04		20.000.000	
314	Lê Viết Cộ	Xóm 06		20.000.000	
315	Hứa Như Cồng	Xóm 06		20.000.000	
316	Hứa Như Lồng	Xóm 06	40.000.000		
317	Lê Viết Hoi	Xóm 01		20.000.000	
318	Hứa Thị Hân	Xóm 02		20.000.000	
319	Lê Bất Triệu	Xóm 12		20.000.000	
320	Hoàng Vinh Quy	Xóm 08		20.000.000	
321	Mai Xuân Mạnh	Xóm 9		20.000.000	
322	Lê Xuân Kỳ	Xóm 3		20.000.000	
323	Viên Ngọc Cảnh	Xóm 8		20.000.000	
324	Trần Huy Thế	Xóm 8	40.000.000		
325	Hứa Thế Chuyên	Xóm 13		20.000.000	
326	Nguyễn Nho Quang	Xóm 11		20.000.000	
327	Nguyễn Thị Ngộ	Xóm 11		20.000.000	
328	Trần Anh Tác	Xóm 10		20.000.000	
329	Bùi Thị Thanh	Xóm 8		20.000.000	
330	Lê Minh Tâm	Xóm 8		20.000.000	
331	Lê Thị Bao	Xóm 11		20.000.000	
332	Ngô Thị Lộc	Xóm 8		20.000.000	
333	Lê Đồng Thụ	Xóm 13		20.000.000	
334	Nguyễn Bá Phú	Xóm 11	40.000.000		
335	Nguyễn Thị Cư	Xóm 09	40.000.000		
336	Trịnh Thị Lý	Xóm 04		20.000.000	
337	Trần Quang Tự	Xóm 01	40.000.000		
338	Lê Văn Bằng	Xóm 04		20.000.000	
339	Lê Đăng Cơ	Xóm 06	40.000.000		
340	Ngô Thị Nhung	Xóm 03		20.000.000	
7	Xã Xuân Thọ		31	47	
1	Lê Văn Nhân	Xóm 1, Xuân Thọ	40.000.000		
2	Lê Đức Nụ	Xóm 1, Xuân Thọ	40.000.000		
3	Lê Thị Ân	Xóm 1, Xuân Thọ	40.000.000		
4	Lê Văn Tài	Xóm 1, Xuân Thọ	40.000.000		
5	Lê Văn Việt	Xóm 1, Xuân Thọ	40.000.000		
6	Lê Đức Việt	Xóm 1, Xuân Thọ	40.000.000		
7	Lê Quang Kiên	Xóm 1, Xuân Thọ	40.000.000		
8	Lê Thị Cúc	Xóm 1, Xuân Thọ	40.000.000		
9	Lê Đức Ty	Xóm 3, Xuân Thọ	40.000.000		
10	Lê Thị Đặn	Xóm 3, Xuân Thọ	40.000.000		
11	Lê Ngọc Vinh	Xóm 3, Xuân Thọ	40.000.000		
12	Lê Văn Bưởi	Xóm 3, Xuân Thọ	40.000.000		
13	Lê Thị Sinh	Xóm 4, Xuân Thọ	40.000.000		
14	Lê Thị Ngoan	Xóm 4, Xuân Thọ	40.000.000		
15	Lê Quang Chiến	Xóm 5, Xuân Thọ	40.000.000		

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
16	Nguyễn Duyên	Xóm 5, Xuân Thọ	40.000.000		
17	Lê Thị Nhân	Xóm 6, Xuân Thọ	40.000.000		
18	Trần Lê Hiệu	Xóm 7, Xuân Thọ		20.000.000	
19	Trương Thị Mùi (Phan V. Tráng)	Xóm 8, Xuân Thọ	40.000.000		
20	Trương Như Ý	Xóm 9, Xuân Thọ	40.000.000		
21	Phan Thanh Phúc	Xóm 9, Xuân Thọ	40.000.000		
22	Trương Sỹ Thụy	Xóm 9, Xuân Thọ	40.000.000		
23	Nguyễn Văn Lịch	Xóm 10, Xuân Thọ	40.000.000		
24	Lê Quang Tề	Xóm 1, Xuân Thọ		20.000.000	
25	Lê Văn Ban	Xóm 1, Xuân Thọ		20.000.000	
26	Lê Văn Đẩu	Xóm 3, Xuân Thọ		20.000.000	
27	Lê Quý Hội	Xóm 3, Xuân Thọ		20.000.000	
28	Lê Thị Đào	Xóm 3, Xuân Thọ		20.000.000	
29	Lê Thị Nghi	Xóm 3, Xuân Thọ		20.000.000	
30	Lê Quang Tư	Xóm 3, Xuân Thọ		20.000.000	
31	Lê Đức Lô	Xóm 4, Xuân Thọ		20.000.000	
32	Lê Quang Dũng	Xóm 4, Xuân Thọ		20.000.000	
33	Lê Văn Lợi	Xóm 5, Xuân Thọ		20.000.000	
34	Lê Thị Sắc	Xóm 5, Xuân Thọ		20.000.000	
35	Lê Đức Thọ	Xóm 5, Xuân Thọ		20.000.000	
36	Lê Xuân Đông	Xóm 5, Xuân Thọ		20.000.000	
37	Vũ Ngọc Toàn	Xóm 5, Xuân Thọ		20.000.000	
38	Lê Thị Sáng	Xóm 5, Xuân Thọ		20.000.000	
39	Lê Thị Tú	Xóm 6, Xuân Thọ		20.000.000	
40	Lê Thị Tuyền	Xóm 6, Xuân Thọ		20.000.000	
41	Lê Ngọc Sinh	Xóm 6, Xuân Thọ		20.000.000	
42	Lê Đức Chinh	Xóm 6, Xuân Thọ		20.000.000	
43	Lê Đức Oanh	Xóm 6, Xuân Thọ		20.000.000	
44	Lê Đức Bân	Xóm 6, Xuân Thọ		20.000.000	
45	Lê Ngọc Đàm	Xóm 6, Xuân Thọ		20.000.000	
46	Lê Đức Lược	Xóm 6, Xuân Thọ		20.000.000	
47	Trương Sỹ Giáp	Xóm 7, Xuân Thọ		20.000.000	
48	Nguyễn Đình Kiên	Xóm 7, Xuân Thọ		20.000.000	
49	Trần Lê Lộc	Xóm 7, Xuân Thọ		20.000.000	
50	Lê Văn Cóm	Xóm 8, Xuân Thọ		20.000.000	
51	Lê Văn Niên	Xóm 8, Xuân Thọ		20.000.000	
52	Trương Thị Hồng	Xóm 8, Xuân Thọ		20.000.000	
53	Phan Xuân Hương	Xóm 9, Xuân Thọ		20.000.000	
54	Phạm Xuân Đông	Xóm 10, Xuân Thọ		20.000.000	
55	Lê Huy Sơn	Xóm 10, Xuân Thọ		20.000.000	
56	Trần Lê minh	Xóm 10, Xuân Thọ		20.000.000	
57	Trần Lê Rịu	Xóm 10, Xuân Thọ		20.000.000	
58	Lê Văn Tộc	Xóm 2, Xuân Thọ	40.000.000		
59	Lê Thị Hoan	Xóm 6, Xuân Thọ	40.000.000		
60	Lê Văn Luận	Xóm 7, Xuân Thọ	40.000.000		

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
61	Phạm Thị Hào	Xóm 7, Xuân Thọ	40.000.000		
62	Lê Văn Nghị	Xóm 7, Xuân Thọ	40.000.000		
63	Lê Văn Môn	Xóm 8, Xuân Thọ	40.000.000		
64	Trần Duy Loan	Xóm 8, Xuân Thọ	40.000.000		
65	Trần Lê Thọ	Xóm 10, Xuân Thọ	40.000.000		
66	Lê Mạnh Hùng	Xóm 1, Xuân Thọ		20.000.000	
67	Lê Thị Rự	Xóm 2, Xuân Thọ		20.000.000	
68	Trần Thị Dương	Xóm 2, Xuân Thọ		20.000.000	
69	Ngô Tiến Cấp	Xóm 2, Xuân Thọ		20.000.000	
70	Lê Văn Thư	Xóm 3, Xuân Thọ		20.000.000	
71	Lê Văn Khuyến	Xóm 3, Xuân Thọ		20.000.000	
72	Lê Văn Nhiệm	Xóm 3, Xuân Thọ		20.000.000	
73	Lê Văn Lợi	Xóm 4, Xuân Thọ		20.000.000	
74	Trương Sỹ Nghị	Xóm 7, Xuân Thọ		20.000.000	
75	Nguyễn Cao Kính	Xóm 7, Xuân Thọ		20.000.000	
76	Lê Thị Dụ	Xóm 8, Xuân Thọ		20.000.000	
77	Lê Đức Cẩn	Xóm 4, Xuân Thọ	40.000.000		
78	Lê Đình Giao	Xóm 8, Xuân Thọ		20.000.000	
8	Xã Tiến Nông		37	26	
1	Phạm Văn Hoàn	Thôn 1, Tiến nông	40.000.000		
2	Đặng Văn Niên	Thôn 1, Tiến nông	40.000.000		
3	Hoàng Văn Cự	Thôn 1, Tiến nông		20.000.000	
4	Đào Hữu Tôn	Thôn 2, Tiến nông		20.000.000	
5	Nguyễn Thị Trác	Thôn 5, Tiến Nông		20.000.000	
6	Đào Thị Đăng	Thôn 6, Tiến nông	40.000.000		
7	Nguyễn Thị Tần	Thôn 7, Tiến Nông	40.000.000		
8	Nguyễn Tài Ty	Thôn 8, Tiến nông	40.000.000		
9	Đào Ngọc Dương	Thôn 9, Tiến Nông	40.000.000		
10	Đỗ Bá Lắm	Thôn 9, Tiến Nông	40.000.000		
11	Đào Thị Kính	Thôn 9, Tiến Nông	40.000.000		
12	Phạm Văn May	Thôn 1, Tiến nông	40.000.000		
13	Nguyễn Văn Đạo	Thôn 2, Tiến nông		20.000.000	
14	Lê Đình Thích	Thôn 2, Tiến nông	40.000.000		
15	Nguyễn Văn Ngọc	Thôn 2, Tiến nông		20.000.000	
16	Nguyễn Thị Lược	Thôn 2, Tiến nông		20.000.000	
17	Đỗ Đức Thấu	Thôn 2, Tiến nông		20.000.000	Đăng ký XM
18	Lê Đình Chiến	Thôn 2, Tiến nông		20.000.000	
19	Lê Đình Khoát	Thôn 2, Tiến nông		20.000.000	
20	Đào Thị Tung	Thôn 2, Tiến nông	40.000.000		
21	Lê Đình Vây	Thôn 2, Tiến nông	40.000.000		
22	Tô Thị Cẩn	Thôn 2, Tiến nông	40.000.000		
23	Nguyễn Duy Trường	Thôn 3, Tiến nông	40.000.000		
24	Lê Thị Cẩn	Thôn 3, Tiến nông	40.000.000		
25	Lê Trọng Thường	Thôn 3, Tiến nông		20.000.000	
26	Hoàng Thị Dân	Thôn 3, Tiến nông	40.000.000		

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
27	Nguyễn Văn Bàn	Thôn 4, Tiến nông	40.000.000		
28	Nguyễn Bá Hải	Thôn 4, Tiến nông	40.000.000		
29	Ngô Thị Yến	Thôn 4, Tiến nông	40.000.000		
30	Lê Đức Cường	Thôn 4, Tiến nông		20.000.000	
31	Lê Thị Nhu	Thôn 4, Tiến Nông	40.000.000		
32	Lê Thị Trinh	Thôn 4, Tiến nông		20.000.000	
33	Nguyễn Thị Đà	Thôn 4, Tiến Nông		20.000.000	Đăng ký XM
34	Lê Văn Học	Thôn 5, Tiến nông	40.000.000		
35	Nguyễn Văn Uyên	Thôn 5, Tiến nông	40.000.000		
36	Vũ Thị Mận	Thôn 6, Tiến nông	40.000.000		
37	Đỗ Bá Khải	Thôn 6, Tiến nông		20.000.000	
38	Nguyễn Thị Đạc	Thôn 7, Tiến nông	40.000.000		
39	Lê Văn Cẩm	Thôn 7, Tiến nông	40.000.000		
40	Nguyễn Duy Tô	Thôn 7, Tiến nông	40.000.000		
41	Nguyễn Thế Dịch	Thôn 7, Tiến nông		20.000.000	
42	Nguyễn Thị Xuân	Thôn 7, Tiến Nông		20.000.000	
43	Nguyễn Duy Bá	Thôn 7, Tiến nông		20.000.000	
44	Nguyễn Đoàn Tường	Thôn 7, Tiến nông		20.000.000	
45	Nguyễn Hoàng Biên	Thôn 7, Tiến nông		20.000.000	
46	Nguyễn Sỹ Sào	Thôn 7, Tiến nông		20.000.000	
47	Nguyễn Thị Thuân	Thôn 8, Tiến nông	40.000.000		
48	Nhâm Văn Thuận	Thôn 8, Tiến nông	40.000.000		
49	Đào Hữu Lan	Thôn 8, Tiến nông	40.000.000		
50	Nguyễn Ngọc Soạn	Thôn 8, Tiến nông		20.000.000	
51	Đào Hữu Hồi	Thôn 9, Tiến Nông	40.000.000		
52	Hà Thị Tổ	Thôn 9, Tiến Nông	40.000.000		
53	Đào Hữu Tiến	Thôn 9, Tiến Nông		20.000.000	
54	Lê Thế Lưu	Thôn 9, Tiến Nông		20.000.000	
55	Vũ Thị Bình	Thôn 9, Tiến Nông	40.000.000		
56	Đào Thị Biền	Thôn 9, Tiến Nông		20.000.000	
57	Hà Đào Vẻ	Thôn 9, Tiến Nông		20.000.000	
58	Phạm Thị Giai	Thôn 2, Tiến nông	40.000.000		
59	Phạm Thị Khuya	Thôn 2, Tiến nông	40.000.000		
60	Đỗ Bá Thái	Thôn 8, Tiến nông	40.000.000		
61	Đỗ Đức Chinh	Thôn 4, Tiến Nông	40.000.000		
62	Lê Đức Trần	Thôn 3, Tiến nông	40.000.000		
63	Lê Hồng Xe	Thôn 2, Tiến Nông		20.000.000	Đăng ký XM
9	Xã Thọ Cường		58	81	
1	Trịnh Quốc Ngừ	Thôn 1, Thọ Cường		20.000.000	
2	Phạm Ngọc Yến	Thôn 1, Thọ Cường		20.000.000	
3	Lê Đình Bình	Thôn 1, Thọ Cường		20.000.000	
4	Bùi Thị Thảo	Thôn 1, Thọ Cường		20.000.000	Đăng ký XM
5	Nguyễn Hữu Hy	Thôn 2, Thọ Cường		20.000.000	
6	Bùi Cao Xuân	Thôn 2, Thọ Cường		20.000.000	
7	Nguyễn Duy Tường	Thôn 2, Thọ Cường		20.000.000	

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
8	Lê Thanh Vượng	Thôn 2, Thọ Cường		20.000.000	
9	Trần Văn Quyết	Thôn 2, Thọ Cường		20.000.000	
10	Phạm Xuân Thọ	Thôn 2, Thọ Cường		20.000.000	
11	Phạm Văn Hào	Thôn 2, Thọ Cường	40.000.000		
12	Nguyễn Đức Tuyển	Thôn 2, Thọ Cường	40.000.000		
13	Doãn Văn Dung	Thôn 2, Thọ Cường	40.000.000		
14	Phạm Thị Bích	Thôn 2, Thọ Cường	40.000.000		
15	Đỗ Duy Đường	Thôn 2, Thọ Cường	40.000.000		
16	Phạm Hữu Được	Thôn 2, Thọ Cường	40.000.000		
17	Hoàng Kim Thọ	Thôn 3, Thọ Cường		20.000.000	
18	Phạm Duy Tiếp	Thôn 3, Thọ Cường		20.000.000	
19	Lê Văn Cẩn	Thôn 3, Thọ Cường		20.000.000	
20	Hoàng Thị Huệ	Thôn 3, Thọ Cường		20.000.000	Đăng ký XM
21	Đỗ Văn Thiệu	Thôn 3, Thọ Cường	40.000.000		
22	Lê Văn Máy	Thôn 3, Thọ Cường	40.000.000		
23	Lê Văn Ương	Thôn 4, Thọ Cường		20.000.000	
24	Lê Văn Gia	Thôn 4, Thọ Cường		20.000.000	
25	Lê Văn Long	Thôn 4, Thọ Cường		20.000.000	
26	Lê Thị Thập	Thôn 4, Thọ Cường		20.000.000	
27	Lê Văn Nê	Thôn 4, Thọ Cường	40.000.000		
28	Lê Văn Lai	Thôn 4, Thọ Cường	40.000.000		
29	Lê Đình Tuyết	Thôn 4, Thọ Cường	40.000.000		
30	Lê Hữu Thanh	Thôn 5, Thọ Cường		20.000.000	
31	Vũ Xuân Tậu	Thôn 5, Thọ Cường		20.000.000	
32	Lê Đình Vang	Thôn 5, Thọ Cường		20.000.000	
33	Lê Xuân Hữu	Thôn 5, Thọ Cường		20.000.000	
34	Lê Văn Dung	Thôn 5, Thọ Cường		20.000.000	
35	Lê Văn Minh	Thôn 5, Thọ Cường		20.000.000	
36	Lê Thị Lanh	Thôn 5, Thọ Cường	40.000.000		
37	Lê Thị Năm	Thôn 5, Thọ Cường	40.000.000		
38	Lê Văn Lễ	Thôn 5, Thọ Cường	40.000.000		
39	Lê Thị Mâu	Thôn 5, Thọ Cường	40.000.000		
40	Đặng Quyết Chí	Thôn 5, Thọ Cường	40.000.000		
41	Hoàng Thị Thi (L.Th.Chương)	Thôn 5, Thọ Cường	40.000.000		
42	Lê Văn Âm	Thôn 5, Thọ Cường	40.000.000		
43	Nguyễn Thị Thạo	Thôn 5, Thọ Cường	40.000.000		
44	Nguyễn Văn Hợi	Thôn 5, Thọ Cường	40.000.000		
45	Lê Văn Lựu	Thôn 5, Thọ Cường	40.000.000		
46	Lê Thị Cát	Thôn 6, Thọ Cường		20.000.000	
47	Lê Thị Mông	Thôn 6, Thọ Cường		20.000.000	
48	Nguyễn Văn Ý	Thôn 6, Thọ Cường		20.000.000	
49	Lê Đức Trung	Thôn 6, Thọ Cường		20.000.000	
50	Lê Đình Quang	Thôn 6, Thọ Cường		20.000.000	
51	Lê Thị Nhân	Thôn 6, Thọ Cường		20.000.000	
52	Lê Quốc Cộng	Thôn 6, Thọ Cường		20.000.000	

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
53	Lê Đình Tường	Thôn 6, Thọ Cường		20.000.000	
54	Lê Thanh Toàn	Thôn 6, Thọ Cường		20.000.000	
55	Lê Hữu Thư	Thôn 6, Thọ Cường		20.000.000	
56	Nghiêm Văn Đông	Thôn 6, Thọ Cường		20.000.000	
57	Lê Thị Ёn	Thôn 6, Thọ Cường		20.000.000	
58	Lê Đình Lật	Thôn 6, Thọ Cường	40.000.000		
59	Lê Thị Bưởi	Thôn 6, Thọ Cường	40.000.000		
60	Đặng Ngọc Hòa	Thôn 6, Thọ Cường	40.000.000		
61	Lê Minh Duy	Thôn 6, Thọ Cường	40.000.000		
62	Hoàng Chí Nguyễn	Thôn 6, Thọ Cường	40.000.000		
63	Trần Khắc Ong	Thôn 6, Thọ Cường	40.000.000		
64	Lê Đình Toan	Thôn 6, Thọ Cường	40.000.000		
65	Lê Đình Tương	Thôn 6, Thọ Cường	40.000.000		
66	Lê Xuân Huệ	Thôn 6, Thọ Cường		20.000.000	Đã ký XM
67	Lê Văn Đình	Thôn 6, Thọ Cường		20.000.000	Đã ký XM
68	Đặng Quyết Tâm	Thôn 6, Thọ Cường	40.000.000		
69	Lê Thị Liên	Thôn 6, Thọ Cường	40.000.000		
70	Lưu Minh Ngưỡng	Thôn 6, Thọ Cường	40.000.000		
71	Lê Minh Thu	Thôn 7, Thọ Cường		20.000.000	
72	Lê Quang Tạo	Thôn 7, Thọ Cường		20.000.000	
73	Lê Thị Vọng	Thôn 7, Thọ Cường		20.000.000	
74	Lê Thị Lành	Thôn 7, Thọ Cường		20.000.000	
75	Lê Đình Khiêm	Thôn 7, Thọ Cường		20.000.000	
76	Lê Đình Cư	Thôn 7, Thọ Cường		20.000.000	
77	Lê Đình Chiến	Thôn 7, Thọ Cường		20.000.000	
78	Lê Hữu Tiến	Thôn 7, Thọ Cường		20.000.000	
79	Lê Đình Xuân	Thôn 7, Thọ Cường		20.000.000	
80	Lê Đình Cương	Thôn 7, Thọ Cường		20.000.000	
81	Lê Đình Nhật	Thôn 7, Thọ Cường		20.000.000	
82	Lê Thanh Toàn	Thôn 7, Thọ Cường		20.000.000	
83	Lê Đình Thu	Thôn 7, Thọ Cường		20.000.000	
84	Đỗ Khánh Hùng	Thôn 7, Thọ Cường		20.000.000	
85	Lê Hữu Nghi	Thôn 7, Thọ Cường		20.000.000	
86	Lê Thành Công (Cổng)	Thôn 7, Thọ Cường		20.000.000	
87	Lê Công Huân	Thôn 7, Thọ Cường		20.000.000	
88	Lê Thanh Tộc	Thôn 7, Thọ Cường		20.000.000	
89	Nguyễn Thị Vượng	Thôn 7, Thọ Cường		20.000.000	
90	Lê Đình Hòa	Thôn 7, Thọ Cường		20.000.000	
91	Lê Đình Hậu	Thôn 7, Thọ Cường	40.000.000		
92	Lê Công Dân	Thôn 7, Thọ Cường	40.000.000		
93	Lê Văn Tuyền	Thôn 7, Thọ Cường	40.000.000		
94	Lê Đức Thuận	Thôn 8, Thọ Cường		20.000.000	
95	Lê Anh Tiến	Thôn 8, Thọ Cường		20.000.000	
96	Lê Đình Toán	Thôn 8, Thọ Cường		20.000.000	

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
97	Nguyễn Văn Tới	Thôn 8, Thọ Cường		20.000.000	
98	Lê Chức	Thôn 8, Thọ Cường		20.000.000	
99	Lê Thị Hương (L.Đình Chung)	Thôn 8, Thọ Cường	40.000.000		
100	Doãn Đình Hằng	Thôn 8, Thọ Cường	40.000.000		
101	Lê Đình Thái	Thôn 8, Thọ Cường	40.000.000		
102	Lê Đình Phán	Thôn 8, Thọ Cường	40.000.000		
103	Nguyễn Văn Tường	Thôn 8, Thọ Cường	40.000.000		
104	Lê Công Dậu (L.C.Chung)	Thôn 8, Thọ Cường	40.000.000		
105	Lê Thị Liên	Thôn 8, Thọ Cường	40.000.000		
106	Lê Thị Quý	Thôn 8, Thọ Cường		20.000.000	Đăng ký XM
107	Đào Ngọc Hiếu	Thôn 9, Thọ Cường		20.000.000	
108	Lê Đình Viên	Thôn 9, Thọ Cường		20.000.000	
109	Hoàng Thị Chắt	Thôn 9, Thọ Cường	40.000.000		
110	Nguyễn Văn Cảnh	Thôn 9, Thọ Cường	40.000.000		
111	Lê Đức Thịnh	Thôn 1, Thọ Cường	40.000.000		
112	Đình Thị Hương	Thôn 1, Thọ Cường	40.000.000		
113	Lê Hữu Dũng	Thôn 3, Thọ Cường		20.000.000	
114	Đỗ Thị Đăng	Thôn 3, Thọ Cường		20.000.000	
115	Đỗ Thị Tác	Thôn 3, Thọ Cường		20.000.000	Đăng ký XM
116	Lê Thị Lon	Thôn 5, Thọ Cường	40.000.000		
117	Lê Thị Thới	Thôn 5, Thọ Cường	40.000.000		
118	Lê Thị Liệu	Thôn 6, Thọ Cường		20.000.000	
119	Nghiêm Thị Quý	Thôn 6, Thọ Cường		20.000.000	
120	Lê Thị Phê	Thôn 7, Thọ Cường	40.000.000		
121	Lê Thị Vận	Thôn 7, Thọ Cường	40.000.000		
122	Lê Kim Lương	Thôn 8, Thọ Cường		20.000.000	
123	Nguyễn Thị Lục	Thôn 8, Thọ Cường	40.000.000		
124	Lê Đình Phương	Thôn 8, Thọ Cường	40.000.000		
125	Phạm Xuân Canh	Thôn 1, Thọ Cường		20.000.000	
126	Nguyễn Trung Thành	Thôn 1, Thọ Cường		20.000.000	
127	Lê Đình Mịch	Thôn 5, Thọ Cường		20.000.000	
128	Lê Đình Chiến	Thôn 6, Thọ Cường		20.000.000	
129	Lê Đình Dương	Thôn 6, Thọ Cường		20.000.000	
130	Lê Văn Oánh	Thôn 6, Thọ Cường	40.000.000		
131	Lê Đình Thao	Thôn 6, Thọ Cường	40.000.000		
132	Lê Văn Nhiệm	Thôn 8, Thọ Cường		20.000.000	
133	Lê Xuân Thắm	Thôn 8, Thọ Cường		20.000.000	
134	Trương Thị Nhàng	Thôn 8, Thọ Cường		20.000.000	
135	Lê Đình Chương	Thôn 8, Thọ Cường		20.000.000	
136	Nguyễn Văn Hải	Thôn 8, Thọ Cường	40.000.000		
137	Nguyễn Văn Thái	Thôn 8, Thọ Cường	40.000.000		
138	Lê Đình Lân	Thôn 8, Thọ Cường	40.000.000		
139	Lê Văn Đồng	Thôn 8, Thọ Cường	40.000.000		
10	Xã Hợp Tiến		21	32	
1	Nguyễn Văn Tiến	Xóm 1- Hợp Tiến		20.000.000	

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
2	Nguyễn Cao Thắng	Xóm 3- Hợp Tiến	40.000.000		
3	Nguyễn Văn Cai	Xóm 4- Hợp Tiến		20.000.000	Đăng ký XM
4	Trần Văn Bình	Xóm 7- Hợp Tiến		20.000.000	
5	Nguyễn Trung Chính	Xóm 9- Hợp Tiến	40.000.000		
6	Phạm Quyết Tiến	Xóm 9- Hợp Tiến		20.000.000	
7	Nguyễn Thị Loan	Xóm 2- Hợp Tiến		20.000.000	
8	Lã Mạnh Phi	Xóm 1- Hợp Tiến	40.000.000		
9	Lê Hữu Chân	Xóm 5- Hợp Tiến		20.000.000	
10	Đỗ Thị Truật	Xóm 2- Hợp Tiến		20.000.000	
11	Hà Minh Hứng	Xóm 9- Hợp Tiến	40.000.000		
12	Hoàng Đình Nhân	Xóm 3- Hợp Tiến		20.000.000	
13	Nguyễn Văn Tý (Lê Thị Duyên)	Xóm 1- Hợp Tiến		20.000.000	
14	Đỗ Minh Toàn	Xóm 2- Hợp Tiến		20.000.000	
15	Hà Văn Pho	Xóm 2- Hợp Tiến		20.000.000	
16	Phạm Văn Duyên	Xóm 2- Hợp Tiến		20.000.000	
17	Hà Văn Mậu	Xóm 2- Hợp Tiến		20.000.000	
18	Trương Đình Hòa	Xóm 4- Hợp Tiến		20.000.000	Đăng ký XM
19	Lưu Thị Mỹ	Xóm 5- Hợp Tiến		20.000.000	
20	Nguyễn Xuân Dư	Xóm 5- Hợp Tiến	40.000.000		
21	Lê Thị Thanh	Xóm 5- Hợp Tiến	40.000.000		
22	Trần Văn Lễ	Xóm 7- Hợp Tiến		20.000.000	
23	Đào Huy Chứ (D. Thị Hải)	Xóm 7- Hợp Tiến	40.000.000		
24	Nguyễn Thị Lan	Xóm 7- Hợp Tiến	40.000.000		
25	Lã Văn Phong	Xóm 1- Hợp Tiến		20.000.000	
26	Nguyễn Như Lai	Xóm 1- Hợp Tiến	40.000.000		
27	Lê Xuân Hùng	Xóm 1- Hợp Tiến		20.000.000	
28	Hà Văn Lượng	Xóm 2- Hợp Tiến		20.000.000	
29	Nguyễn Xuân Hòa	Xóm 2- Hợp Tiến		20.000.000	
30	Lê Văn Viên	Xóm 1- Hợp Tiến		20.000.000	
31	Nguyễn Văn Tước	Xóm 2- Hợp Tiến		20.000.000	
32	Hà Văn Quang	Xóm 9- Hợp Tiến		20.000.000	
33	Trần Đức Thắng	Xóm 3- Hợp Tiến	40.000.000		
34	Hoàng Văn Hòe	Xóm 5- Hợp Tiến	40.000.000		
35	Hà Thị Nể (Lê Công Thuận)	Xóm 5- Hợp Tiến		20.000.000	
36	Lê Công Minh	Xóm 3- Hợp Tiến		20.000.000	
37	Hà Ngọc Ánh	Xóm 2- Hợp Tiến		20.000.000	
38	Nguyễn Thị Phái	Xóm 4- Hợp Tiến		20.000.000	
39	Nguyễn Văn Khang	Xóm 5- Hợp Tiến	40.000.000		
40	Nguyễn Văn Đang (N.T. Thêm)	Xóm 8- Hợp Tiến	40.000.000		
41	Phan Văn Hồi	Xóm 5- Hợp Tiến	40.000.000		
42	Hà Quang Vinh	Xóm 1- Hợp Tiến		20.000.000	
43	Hà Xuân Quy	Xóm 2- Hợp Tiến		20.000.000	
44	Trần Đức Long (Tr, Văn Khoa)	Xóm 2- Hợp Tiến		20.000.000	
45	Trần Văn Đạo	Xóm 7- Hợp Tiến	40.000.000		
46	Hà Thị Vân (Đ. Tr. Chính)	Xóm 7- Hợp Tiến	40.000.000		

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
47	Đoàn Hữu Thi	Xóm 4- Hợp Tiến	40.000.000		
48	Lê Thị Xuyên	Xóm 7- Hợp Tiến	40.000.000		
49	Hà Văn Vạn	Xóm 2- Hợp Tiến		20.000.000	
50	Lê Minh Châu	Xóm 7- Hợp Tiến	40.000.000		
51	Hà Thị Khánh	Xóm 7- Hợp Tiến	40.000.000		
52	Nguyễn Trọng Châu	Xóm 3- Hợp Tiến		20.000.000	
53	Dương Thị Nhẫn	Xóm 5, Hợp Tiến	40.000.000		
11	Xã Thọ Dân		45	123	
1	Lê Thị Dậu	Xóm 1- Thọ Dân	40.000.000		
2	Lê Đăng Hạnh	Xóm 1- Thọ Dân	40.000.000		
3	Lê Văn Long	Xóm 3- Thọ Dân	40.000.000		
4	Lê Sỹ Chiến	Xóm 5- Thọ Dân	40.000.000		
5	Lê Thị Duyên	Xóm 5- Thọ Dân	40.000.000		
6	Lê Thị Thắm	Xóm 6- Thọ Dân	40.000.000		
7	lê Thị Chinh	Xóm 6- Thọ Dân	40.000.000		
8	Lê Hòa Mơn	Xóm 6- Thọ Dân	40.000.000		
9	Lê Như Luận	Xóm 7- Thọ Dân	40.000.000		
10	Lê Văn Lô	Xóm 7- Thọ Dân	40.000.000		
11	Lê Tuấn Đạt	Xóm 8- Thọ Dân	40.000.000		
12	Lê Thị Chấn	Xóm 8- Thọ Dân	40.000.000		
13	Lô Thị Tín	Xóm 8- Thọ Dân	40.000.000		
14	Lê Thị Đồng	Xóm 8- Thọ Dân	40.000.000		
15	Tổng Phúc Hùng	Xóm 9- Thọ Dân	40.000.000		
16	Lê Đình Hoàng	Xóm 9- Thọ Dân	40.000.000		
17	Lê Văn Sợi	Xóm 9- Thọ Dân	40.000.000		
18	Lê Hòa Túy	Xóm 9- Thọ Dân	40.000.000		
19	Tổng Thanh Bình	Xóm 9- Thọ Dân	40.000.000		
20	Nguyễn Thị Bi	Xóm 9- Thọ Dân	40.000.000		
21	Lê Thị Cát	Xóm 9- Thọ Dân	40.000.000		
22	Trịnh Xuân Lục	Xóm 11- Thọ Dân	40.000.000		
23	Lê Văn Định	Xóm 11- Thọ Dân	40.000.000		
24	Trịnh Xuân Lương	Xóm 11- Thọ Dân	40.000.000		
25	Nguyễn Duy Mông	Xóm 12- Thọ Dân	40.000.000		
26	Lê Như Huệ	Xóm 12- Thọ Dân	40.000.000		
27	Lê Thị Soi	Xóm 1- Thọ Dân	40.000.000		
28	Lê Thị Ri	Xóm 1- Thọ Dân	40.000.000		
29	Lê Hữu Hậu	Xóm 1- Thọ Dân	40.000.000		
30	Lê Hữu Tuấn	Xóm 1- Thọ Dân	40.000.000		
31	Lê Văn Hằng	Xóm 1- Thọ Dân	40.000.000		
32	Lê Văn Bột	Xóm 2- Thọ Dân	40.000.000		
33	Lê Hòa Cảnh	Xóm 7- Thọ Dân	40.000.000		
34	Lê Hòa Giang	Xóm 7- Thọ Dân	40.000.000		
35	Lê Đình Thụ	Xóm 8- Thọ Dân	40.000.000		
36	Nguyễn Thị Hồng	Xóm 9- Thọ Dân	40.000.000		
37	Lê Thị Nhung	Xóm 1- Thọ Dân		20.000.000	

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
38	Lê Thị Phúc	Xóm 1- Thọ Dân		20.000.000	
39	Lê Văn Hiền	Xóm 1- Thọ Dân		20.000.000	
40	Lê Đình Thu	Xóm 1- Thọ Dân		20.000.000	
41	Lê Thị Thiếc	Xóm 1- Thọ Dân		20.000.000	
42	Lê Văn Lân	Xóm 1- Thọ Dân		20.000.000	
43	Lê Thị Thà	Xóm 2- Thọ Dân		20.000.000	
44	Lê Anh Dân	Xóm 2- Thọ Dân		20.000.000	
45	Lê Như Lý	Xóm 3- Thọ Dân		20.000.000	
46	lê Thị Chúc	Xóm 4- Thọ Dân		20.000.000	
47	Nguyễn Đức Tuấn	Xóm 3- Thọ Dân		20.000.000	
48	Lê Văn A	Xóm 3- Thọ Dân		20.000.000	
49	Lê Hồng Thiên	Xóm 3- Thọ Dân		20.000.000	
50	Lê Đăng Dinh	Xóm 3- Thọ Dân		20.000.000	
51	Lê Thị chúc	Xóm 4- Thọ Dân		20.000.000	
52	Lê Đăng Hồng	Xóm 4- Thọ Dân		20.000.000	
53	Lê Thị Lố	Xóm 4- Thọ Dân		20.000.000	
54	Lê Ngọc Minh	Xóm 4- Thọ Dân		20.000.000	
55	Lê thị Âm	Xóm 5- Thọ Dân		20.000.000	
56	Phan đình Hiền	Xóm 5- Thọ Dân		20.000.000	
57	Nguyễn Thị Phở	Xóm 5- Thọ Dân		20.000.000	
58	Lê Trọng Tuất	Xóm 5- Thọ Dân		20.000.000	
59	Lê Sỹ Thắng	Xóm 5- Thọ Dân		20.000.000	
60	Nguyễn Văn Tien	Xóm 5- Thọ Dân		20.000.000	
61	Lê Thị Ngoan	Xóm 5- Thọ Dân		20.000.000	
62	Lê Quốc Nga	Xóm 5- Thọ Dân		20.000.000	
63	Phạm Văn Long	Xóm 5- Thọ Dân		20.000.000	
64	Lê Thị Mong	Xóm 5- Thọ Dân		20.000.000	
65	Nguyễn Thị Miện	Xóm 6- Thọ Dân		20.000.000	
66	Phan Thị Mây	Xóm 6- Thọ Dân		20.000.000	
67	Lê Thị Vần	Xóm 6- Thọ Dân		20.000.000	
68	Nguyễn văn Chung	Xóm 6- Thọ Dân		20.000.000	
69	Lê Trọng Thế	Xóm 6- Thọ Dân		20.000.000	
70	Lê Sỹ Chung	Xóm 6- Thọ Dân		20.000.000	
71	Lê Thị Phượng	Xóm 6- Thọ Dân		20.000.000	
72	Lê thị Đua	Xóm 7- Thọ Dân		20.000.000	
73	Lê Văn Miến	Xóm 7- Thọ Dân		20.000.000	
74	Lê Văn Hội	Xóm 7- Thọ Dân		20.000.000	
75	Lê Đình Quy	Xóm 7- Thọ Dân		20.000.000	
76	Lê Hữu Dung	Xóm 7- Thọ Dân		20.000.000	
77	Lê Thị Đăng	Xóm 7- Thọ Dân		20.000.000	
78	Tổng Xuân Bón	Xóm 7- Thọ Dân		20.000.000	
79	Lê Anh Phong	Xóm 8- Thọ Dân		20.000.000	
80	Lê Thị Nghiêm	Xóm 8- Thọ Dân		20.000.000	
81	Lê Thị Thảo	Xóm 8- Thọ Dân		20.000.000	
82	Lê Thị Nhẫn	Xóm 8- Thọ Dân		20.000.000	

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở(20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
83	Trần Văn Lộc	Xóm 9- Thọ Dân		20.000.000	
84	Lê Thị Hên	Xóm 9- Thọ Dân		20.000.000	
85	Lê Sửu	Xóm 9- Thọ Dân		20.000.000	
86	Lê Thị Long	Xóm 9- Thọ Dân		20.000.000	
87	Lê Thị Đằm	Xóm 9- Thọ Dân		20.000.000	
88	Lê Văn Đỉnh	Xóm 9- Thọ Dân		20.000.000	
89	Lê Thị Lơ	Xóm 9- Thọ Dân		20.000.000	
90	Lương Kế Ngoan	Xóm 9- Thọ Dân		20.000.000	
91	Nguyễn Thị Chinh	Xóm 10- Thọ Dân		20.000.000	
92	Nguyễn Thị Kính	Xóm 10- Thọ Dân		20.000.000	
93	Lê Hòa Ngộ	Xóm 10- Thọ Dân		20.000.000	
94	Phan văn Chi	Xóm 10- Thọ Dân		20.000.000	
95	Lê Xuân Sinh	Xóm 10- Thọ Dân		20.000.000	
96	Lê văn chi	Xóm 10- Thọ Dân		20.000.000	
97	Lê Văn Thành	Xóm 10- Thọ Dân		20.000.000	
98	Lê Văn Lễ	Xóm 10- Thọ Dân		20.000.000	
99	Nguyễn Ngọc Sang(Lễ)	Xóm 10- Thọ Dân		20.000.000	
100	Lê Thị Ngọt	Xóm 10- Thọ Dân		20.000.000	
101	Lê Xuân Quang	Xóm 10- Thọ Dân		20.000.000	
102	Lê Thị Nhật	Xóm 10- Thọ Dân		20.000.000	
103	Trịnh Thị Đáp	Xóm 10- Thọ Dân		20.000.000	
104	Trịnh Xuân Hạnh	Xóm 11- Thọ Dân		20.000.000	
105	Lê Văn Giang	Xóm 12- Thọ Dân		20.000.000	
106	Lê Trọng Thật	Xóm 12- Thọ Dân		20.000.000	
107	Lê Tuyển Bảy	Xóm 12- Thọ Dân		20.000.000	
108	Lê Thị Lành	Xóm 12- Thọ Dân		20.000.000	
109	Lê Như Kịch	Xóm 1- Thọ Dân		20.000.000	
110	Hà Văn Minh	Xóm 1- Thọ Dân		20.000.000	
111	Hà Thị Vập	Xóm 1- Thọ Dân		20.000.000	
112	Lê Văn Lịch	Xóm 2- Thọ Dân		20.000.000	
113	Phạm Xuân Minh	Xóm 2- Thọ Dân		20.000.000	
114	Cù Thị Cạy	Xóm 7- Thọ Dân		20.000.000	
115	Lê Danh Dìn	Xóm 8- Thọ Dân		20.000.000	
116	Lê Thanh Phán	Xóm 8- Thọ Dân		20.000.000	
117	Lê Như Khải	Xóm 9- Thọ Dân		20.000.000	
118	Lê Xuân Vui	Xóm 9- Thọ Dân		20.000.000	
119	Lê Như Duy	Xóm 9- Thọ Dân		20.000.000	
120	Lê Thị Liên	Xóm 9- Thọ Dân		20.000.000	
121	Mai Thị Huệ	Xóm 11- Thọ Dân		20.000.000	
122	Hoàng Văn Khuê	Xóm 12- Thọ Dân		20.000.000	
123	Lê Văn Đốc	Xóm 3- Thọ Dân		20.000.000	
124	Phạm Thanh Hải	Xóm 5- Thọ Dân	40.000.000		
125	Lê văn Sinh	Xóm 8- Thọ Dân		20.000.000	
126	Lê Như Bốn	Xóm 9- Thọ Dân	40.000.000		
127	Lê Thị Nguyễn	Xóm 9- Thọ Dân		20.000.000	

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
128	Lê Như Chinh	Xóm 9- Thọ Dân		20.000.000	
129	Vũ Tuấn Lễ	Xóm 9- Thọ Dân		20.000.000	
130	Lê Thị Tuyền	Xóm 9- Thọ Dân		20.000.000	
131	Lê Văn Trang	Xóm 11- Thọ Dân		20.000.000	
132	Lê Thị Thắm	Xóm 9- Thọ Dân	40.000.000		
133	Lê Như Thế	Xóm 2- Thọ Dân	40.000.000		
134	Phạm Xuân Tắc	Xóm 2- Thọ Dân		20.000.000	
135	Nguyễn Thị Tý	Xóm 6- Thọ Dân		20.000.000	
136	Lê Hải Sản	Xóm 8- Thọ Dân		20.000.000	
137	Lê Thanh Luyện	Xóm 8- Thọ Dân		20.000.000	
138	Lê Chí Nguyên	Xóm 8- Thọ Dân		20.000.000	
139	Lê Hữu Học	Xóm 8- Thọ Dân		20.000.000	
140	Lê Văn Hạnh	Xóm 8- Thọ Dân		20.000.000	
141	Lê Thanh Nghị	Xóm 8- Thọ Dân		20.000.000	
142	Lê Văn Dễ	Xóm 8- Thọ Dân		20.000.000	
143	Lê Tuấn Sùng	Xóm 8- Thọ Dân		20.000.000	
144	Lê Thị Đỗ	Xóm 10- Thọ Dân		20.000.000	
145	Lê Ngọc Tuấn	Xóm 12- Thọ Dân		20.000.000	
146	Lê Thị Hoàn	Xóm 7- Thọ Dân		20.000.000	
147	Lê Danh Minh	Xóm 8- Thọ Dân		20.000.000	
148	Lê Thị Giang	Xóm 9- Thọ Dân		20.000.000	
149	Phạm Xuân Ý	Xóm 1- Thọ Dân		20.000.000	
150	Trần Thị Nhạn	Xóm 1- Thọ Dân		20.000.000	
151	Phạm Văn Lực	Xóm 1- Thọ Dân	40.000.000		
152	Lê Hữu Cốc	Xóm 1- Thọ Dân		20.000.000	
153	Phạm Thị Chấm	Xóm 1- Thọ Dân		20.000.000	
154	Phan Đình Bằng	Xóm 6- Thọ Dân		20.000.000	
155	Lê Thị Luận	Xóm 7- Thọ Dân		20.000.000	
156	Lê Danh Lim	Xóm 8- Thọ Dân		20.000.000	
157	Lê Văn Thích	Xóm 8- Thọ Dân		20.000.000	
158	Lê Thị Oanh	Xóm 8- Thọ Dân		20.000.000	
159	Lê Thị Dính	Xóm 8- Thọ Dân		20.000.000	
160	Lê Thị Mai	Xóm 10- Thọ Dân		20.000.000	
161	Trịnh Thị Thanh	Xóm 11- Thọ Dân	40.000.000		
162	Hoàng Văn Nuôi	Xóm 9- Thọ Dân		20.000.000	
163	Lê Thị Vong	Xóm 9- Thọ Dân		20.000.000	
164	Trịnh Xuân Đông	Xóm 11- Thọ Dân		20.000.000	
165	Lê Văn Tuấn	Xóm 8- Thọ Dân	40.000.000		
166	Lê Đình Dương	Xóm 9- Thọ Dân		20.000.000	
167	Lê Thị Cẩn	Xóm 9- Thọ Dân	40.000.000		
168	Lê Thị Lầu	Xóm 9- Thọ Dân	40.000.000		
12	Xã Triệu Thành		22	16	
1	Nguyễn Thị Thanh	Xóm 1- Triệu Thành	40.000.000		
2	Lê Thanh Nhân	Xóm 1- Triệu Thành	40.000.000		
3	Hà Thị Điều	Xóm 2- Triệu Thành		20.000.000	

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
4	Phạm Bá Dưỡng	Xóm 2- Triệu Thành		20.000.000	
5	Lê Sỹ Tuấn	Xóm 3- Triệu Thành	40.000.000		
6	Hà Đình Chấm	Xóm 4- Triệu Thành	40.000.000		
7	Hà Đình Triệu	Xóm 4- Triệu Thành		20.000.000	
8	Hà Đình Phan	Xóm 4- Triệu Thành		20.000.000	
9	Hà Đình Tá	Xóm 5- Triệu Thành	40.000.000		
10	Hà Thọ Giới	Xóm 5- Triệu Thành	40.000.000		
11	Lê Văn Huỳnh	Xóm 5- Triệu Thành		20.000.000	
12	Hà Hữu Nghị	Xóm 5 - Triệu Thành		20.000.000	
13	Lê Đình Hoa	Xóm 6- Triệu Thành	40.000.000		
14	Hà Xuân Cầm	Xóm 6- Triệu Thành	40.000.000		
15	Hà Xuân Dung	Xóm 6- Triệu Thành		20.000.000	
16	Lê Văn Tấn	Xóm 7- Triệu Thành	40.000.000		
17	Trần Bá Tiến	Xóm 7- Triệu Thành	40.000.000		
18	Hà Hữu Xuyên	Xóm 7- Triệu Thành	40.000.000		
19	Lê Thị Sáu	Xóm 8- Triệu Thành	40.000.000		
20	Phạm Công Các	Xóm 8- Triệu Thành	40.000.000		
21	Phạm Đình Chính	Xóm 8- Triệu Thành	40.000.000		
22	Phạm Văn Thiêng	Xóm 8- Triệu Thành	40.000.000		
23	Lê Đình Ngân	Xóm 8- Triệu Thành	40.000.000		
24	Lê Thị Tơ (L. V. Quân)	Xóm 8- Triệu Thành	40.000.000		
25	Hà Quang Hạ	Xóm 8- Triệu Thành	40.000.000		
26	Lê Thị Ngư	Xóm 9- Triệu Thành	40.000.000		
27	Phạm Văn Cói	Xóm 9- Triệu Thành		20.000.000	
28	Lê Xuân Ân		40.000.000		
29	Phạm Bá Tường	Xóm 11- Triệu Thành		20.000.000	
30	Hà Nhân Tuất	Xóm 11- Triệu Thành		20.000.000	
31	Lê Ngọc Bình	Xóm 11- Triệu Thành		20.000.000	
32	Lê Sỹ Cự	Xóm 11- Triệu Thành	40.000.000		
33	Lê Xuân Nảo	Xóm 11- Triệu Thành		20.000.000	
34	Đỗ Thị Dân	Xóm 12- Triệu Thành		20.000.000	
35	Đào Văn Thôn	Xóm 10- Triệu Thành		20.000.000	
36	Lê Văn Dũng	Xóm 10- Triệu Thành		20.000.000	
37	Nguyễn Trọng Lai	Xóm 10- Triệu Thành		20.000.000	
38	Phạm Huy Nghênh	Xóm 10- Triệu Thành	40.000.000		
13	Xã Thọ Thế		41	70	
1	Lê Văn Niên	Xóm 1, Thọ Thế	40.000.000		
2	Phạm Ngọc Phương	Xóm 2, Thọ Thế	40.000.000		
3	Hà Duy Tư	Xóm 2, Thọ Thế	40.000.000		
4	Mai Thị Dân	Xóm 2, Thọ Thế	40.000.000		
5	Nguyễn Văn Dân	Xóm 4, Thọ Thế	40.000.000		
6	Lê Hữu Đài	Xóm 5, Thọ thế	40.000.000		
7	Hoàng Cao Lý	Xóm 5, Thọ thế	40.000.000		
8	Nguyễn Thị Nhuận	Xóm 5, Thọ thế		20.000.000	Đăng ký XM
9	Phạm Thị Nang	Xóm 5, Thọ thế	40.000.000		

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
10	Hoàng Thị Lan	Xóm 5, Thọ thế	40.000.000		
11	Hoàng Văn Đắc	Xóm 5, Thọ thế	40.000.000		
12	Lê Tiến Bằng	Xóm 5, Thọ thế	40.000.000		
13	Hoàng Văn Bổng	Xóm 5, Thọ thế	40.000.000		
14	Trần Văn Từ	Xóm 6, Thọ thế	40.000.000		
15	Đoàn Văn Thoa	Xóm 6, Thọ thế	40.000.000		
16	Lê Tiến Giao	Xóm 6, Thọ thế	40.000.000		
17	Dương Đình Ngôi	Xóm 7, Thọ thế		20.000.000	Đăng ký XM
18	Dương Văn Linh	Xóm 7, Thọ thế		20.000.000	Đăng ký XM
19	Dương Đình Thụ	Xóm 8, Thọ Thế		20.000.000	Đăng ký XM
20	Dương văn Thư	Xóm 8, Thọ Thế	40.000.000		
21	Dương Đình Ân	Xóm 8, Thọ Thế	40.000.000		
22	Dương Thị Phương	Xóm 9, Thọ Thế	40.000.000		
23	Lê Thọ Vê	Xóm 9, Thọ Thế	40.000.000		
24	Dương Văn Lạn	Xóm 9, Thọ Thế	40.000.000		
25	Hà Văn Thính	Xóm 9, Thọ Thế	40.000.000		
26	Dương Bá Liên	Xóm 9, Thọ Thế	40.000.000		
27	Dương Văn Nguồn	Xóm 9, Thọ Thế	40.000.000		
28	Nguyễn Văn Thuội	Xóm 9, Thọ Thế	40.000.000		
29	Dương Văn Khoai	Xóm 9, Thọ Thế	40.000.000		
30	Đặng Văn Lâm	Xóm 10, Thọ Thế	40.000.000		
31	Lê Văn Tính	Xóm 10, Thọ Thế	40.000.000		
32	Đặng Văn Chính	Xóm 10, Thọ Thế	40.000.000		
33	Lê Hồng Văn	Xóm 10, Thọ Thế	40.000.000		
34	Đặng Văn Quế	Xóm 10, Thọ Thế	40.000.000		
35	Lê Thị Nhân	Xóm 10, Thọ Thế	40.000.000		
36	Lê Văn Sinh	Xóm 10, Thọ Thế		20.000.000	Đăng ký XM
37	Phạm Văn Lân	Xóm 10, Thọ Thế	40.000.000		
38	Lê Văn Hoà	Xóm 10, Thọ Thế	40.000.000		
39	Lê Ngọc Mới	Xóm 10, Thọ Thế	40.000.000		
40	Lê Văn Thường	Xóm 10, Thọ Thế	40.000.000		
41	Nguyễn Văn Đồng	Xóm 10, Thọ Thế		20.000.000	Đăng ký XM
42	Đặng Văn Long	Xóm 11, Thọ Thế	40.000.000		
43	Đặng Viết Hải	Xóm 11, Thọ Thế		20.000.000	
44	Phạm Thị Phường	Xóm 11, Thọ Thế	40.000.000		
45	Đặng Thị Hợp	Xóm 11, Thọ Thế	40.000.000		
46	Đặng Văn Tân	Xóm 12, Thọ Thế		20.000.000	
47	Đặng Văn Duy	Xóm 12, Thọ Thế	40.000.000		
48	Nguyễn Thị Kê	Xóm 1, Thọ Thế		20.000.000	
49	Đàm Duy Len	Xóm 1, Thọ Thế		20.000.000	
50	Nguyễn Đình Huy	Xóm 2, Thọ Thế		20.000.000	
51	Phạm Ngọc Tây	Xóm 2, Thọ Thế		20.000.000	
52	Lê Đức Cẩm	Xóm 2, Thọ Thế		20.000.000	
53	Phạm Ngọc Thùy	Xóm 2, Thọ Thế		20.000.000	
54	Lê Tam Thống	Xóm 3, Thọ Thế		20.000.000	

STT	Tên xã, thị Trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở(20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
55	Dương Bá Công	Xóm 3, Thọ Thế		20.000.000	
56	Lê Thị Sốt	Xóm 4, Thọ Thế		20.000.000	
57	Lê Văn Phán	Xóm 4, Thọ Thế		20.000.000	
58	Lê Hữu Miêu	Xóm 5, Thọ thế		20.000.000	
59	Hoàng Văn Tân	Xóm 6, Thọ Thế		20.000.000	
60	Nguyễn Văn Ngân	Xóm 6, Thọ Thế		20.000.000	
61	Hoàng Văn Mên	Xóm 6, Thọ Thế		20.000.000	
62	Hoàng Trọng Loan	Xóm 6, Thọ Thế		20.000.000	
63	Hoàng Văn Thanh	Xóm 6, Thọ Thế		20.000.000	
64	Trần Văn Nuôi	Xóm 6, Thọ Thế		20.000.000	
65	Đoàn Văn Diệp	Xóm 6, Thọ Thế		20.000.000	
66	Hoàng Văn Tạo	Xóm 6, Thọ Thế		20.000.000	
67	Trần Duy Minh	Xóm 7, Thọ Thế		20.000.000	
68	Dương Bá Hậu	Xóm 7, Thọ Thế		20.000.000	
69	Hà Thị Đậu	Xóm 7, Thọ Thế		20.000.000	
70	Nguyễn Văn Bảo	Xóm 7, Thọ Thế		20.000.000	
71	Dương Văn Ngân	Xóm 7, Thọ Thế		20.000.000	
72	Dương Văn Hồ	Xóm 7, Thọ Thế		20.000.000	
73	Hoàng Thị Lan	Xóm 7, Thọ Thế		20.000.000	
74	Nguyễn Thị Canh	Xóm 8, Thọ Thế		20.000.000	
75	Dương Văn Nhự	Xóm 8, Thọ Thế		20.000.000	
76	Dương Văn Vũ	Xóm 8, Thọ Thế		20.000.000	
77	Dương Thanh Ba	Xóm 8, Thọ Thế		20.000.000	
78	Dương Bá Dật	Xóm 8, Thọ Thế		20.000.000	
79	Dương Bá Túc	Xóm 8, Thọ Thế		20.000.000	
80	Nguyễn Ngọc Trân	Xóm 8, Thọ Thế		20.000.000	
81	Dương Đình Dự	Xóm 8, Thọ Thế		20.000.000	
82	Dương Thị Khâm	Xóm 8, Thọ Thế		20.000.000	
83	Nguyễn Văn Tân	Xóm 8, Thọ Thế		20.000.000	
84	Lê Thọ Lâm	Xóm 8, Thọ Thế		20.000.000	
85	Dương Văn Minh	Xóm 8, Thọ Thế		20.000.000	
86	Nguyễn Thị Nền	Xóm 8, Thọ Thế		20.000.000	
87	Dương Văn Mọi	Xóm 9, Thọ Thế		20.000.000	
88	Dương Đình Do	Xóm 9, Thọ Thế		20.000.000	
89	Dương Bá Hoà	Xóm 9, Thọ Thế		20.000.000	
90	Dương Văn Cẩn	Xóm 9, Thọ Thế		20.000.000	
91	Dương Thị Tương	Xóm 9, Thọ Thế		20.000.000	
92	Nguyễn Hồng Lân	Xóm 10, Thọ Thế		20.000.000	
93	Lê Xuân Thảo	Xóm 10, Thọ Thế		20.000.000	
94	Đặng Thị Khuyến	Xóm 10, Thọ Thế		20.000.000	
95	Trương Công Căn	Xóm 10, Thọ Thế		20.000.000	
96	Đặng Viết Nga	Xóm 10, Thọ Thế		20.000.000	
97	Lê Văn Nang	Xóm 10, Thọ Thế		20.000.000	
98	Lê Ngọc Đơn	Xóm 10, Thọ Thế		20.000.000	
99	Lê Huy Oánh	Xóm 11, Thọ Thế		20.000.000	

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
100	Lê Văn Cán	Xóm 11, Thọ Thế		20.000.000	
101	Phạm Văn Nhân	Xóm 11, Thọ Thế		20.000.000	
102	Phạm Văn Cấp	Xóm 11, Thọ Thế		20.000.000	
103	Nguyễn Văn Gừng	Xóm 11, Thọ Thế		20.000.000	
104	Đặng Văn Võ	Xóm 11, Thọ Thế		20.000.000	
105	Đặng Văn Lâm	Xóm 11, Thọ Thế		20.000.000	
106	Lê Văn Ngọ	Xóm 12, Thọ Thế		20.000.000	
107	Dương Văn Thanh	Xóm 7, Thọ Thế	40.000.000		
108	Dương Bá Cảnh	Xóm 7, Thọ Thế		20.000.000	
109	Lê Thị Định	Xóm 8, Thọ Thế	40.000.000		
110	Dương Bá Cảnh	Xóm 8, Thọ Thế		20.000.000	
111	Phạm Ngọc Thủy	Xóm 2, Thọ Thế		20.000.000	
14	Xã Thọ Ngọc		44	37	
1	Lê Thị Côi	Xóm 10, xã Thọ Ngọc	40.000.000		
2	Lê Thị Mùi	Xóm 10, xã Thọ Ngọc	40.000.000		
3	Phạm Thị Vây	Xóm 10, xã Thọ Ngọc		20.000.000	
4	Nguyễn Thị Bổng	Xóm 10, xã Thọ Ngọc		20.000.000	
5	Hà Thị Bưởi	Xóm 10, xã Thọ Ngọc		20.000.000	
6	Nguyễn Thị Hào	Xóm 10, xã Thọ Ngọc		20.000.000	
7	Vũ Thị Thơm	Xóm 10, xã Thọ Ngọc	40.000.000		
8	Đỗ Thị Xuân	Xóm 3, xã Thọ Ngọc	40.000.000		
9	Lê Thị Xứng	Xóm 4, xã Thọ Ngọc		20.000.000	
10	Lê Thị Sứ	Xóm 4, xã Thọ Ngọc	40.000.000		
11	Lê Thị Hát	Xóm 7, xã Thọ Ngọc	40.000.000		
12	Phạm Thị Chích	Xóm 8, xã Thọ Ngọc	40.000.000		
13	Doãn Văn Bảy	Xóm 6, xã Thọ Ngọc		20.000.000	
14	Nguyễn Thị Đỗ	Xóm 1, xã Thọ Ngọc	40.000.000		
15	Đỗ Xuân Châm	Xóm 3, xã Thọ Ngọc	40.000.000		
16	Lê Thị Na	Xóm 3, xã Thọ Ngọc	40.000.000		
17	Nguyễn Thị Ước	Xóm 15, xã Thọ Ngọc	40.000.000		
18	Lê Thị Năm	Xóm 9, xã Thọ Ngọc	40.000.000		
19	Nguyễn Thị Oanh	Xóm 7, xã Thọ Ngọc		20.000.000	
20	Vũ Ngọc Thành	Xóm 10, xã Thọ Ngọc		20.000.000	
21	Phạm Ngọc Vượng	Xóm 10, xã Thọ Ngọc		20.000.000	
22	Trần Văn Vinh	Xóm 8, xã Thọ Ngọc	40.000.000		
23	Lê Văn Mông	Xóm 2, xã Thọ Ngọc	40.000.000		
24	Hà Văn Khôi	Xóm 2, xã Thọ Ngọc	40.000.000		
25	Đỗ Đình Độ	Xóm 3, xã Thọ Ngọc	40.000.000		
26	Nguyễn Hữu Nghị	Xóm 3, xã Thọ Ngọc	40.000.000		
27	Ngô Văn Bao	Xóm 2, xã Thọ Ngọc	40.000.000		
28	Hoàng Ngọc Thành	Xóm 2, xã Thọ Ngọc		20.000.000	
29	Nguyễn Văn Quynh	Xóm 1, xã Thọ Ngọc		20.000.000	
30	Hà Xuân Điền	Xóm 1, xã Thọ Ngọc		20.000.000	
31	Hà Văn Thành	Xóm 1, xã Thọ Ngọc		20.000.000	Đăng ký XM
32	Đoàn Văn Gấm	Xóm 13, xã Thọ Ngọc	40.000.000		

STT	Tên xã, thị Trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở(20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
33	Chu Văn Lợi	Xóm 5, xã Thọ Ngọc	40.000.000		
34	Phạm Xuân Định	Xóm 10, xã Thọ Ngọc		20.000.000	
35	Nguyễn Văn Sinh	Xóm 3, xã Thọ Ngọc		20.000.000	Đăng ký XM
36	Nguyễn Văn Nê	Xóm 12, xã Thọ Ngọc	40.000.000		
37	Phạm Trọng Cơ	Xóm 10, xã Thọ Ngọc		20.000.000	
38	Lê Văn Đồng	Xóm 9, xã Thọ Ngọc	40.000.000		
39	Lê Thị Thêm	Xóm 15, Thọ Ngọc		20.000.000	
40	Lê Thị Sương	Xóm 4, Thọ Ngọc	40.000.000		
41	Hà Thị Bông	Xóm 5, Thọ Ngọc		20.000.000	
42	Lê Văn Hiến	Xóm 1, Thọ Ngọc	40.000.000		
43	Nguyễn Ngọc Minh	Xóm 4, Thọ Ngọc	40.000.000		
44	Lê Hồng Thái	Xóm 6, Thọ Ngọc	40.000.000		
45	Phạm Duy Hoan	Xóm 13, Thọ Ngọc		20.000.000	
46	Hà Ngọc Bường	Xóm 4, Thọ Ngọc		20.000.000	Đăng ký XM
47	Hà Tá Nối	Xóm 4, Thọ Ngọc	40.000.000		
48	Ngô Quốc Thạo	Xóm 5, Thọ Ngọc		20.000.000	
49	Ngô Văn Toán	Xóm 5, Thọ Ngọc	40.000.000		
50	Nguyễn Văn Sử	Xóm 8, Thọ Ngọc	40.000.000		
51	Lê Văn Thọ	Xóm 8, Thọ Ngọc		20.000.000	
52	Lê Văn Can	Xóm 13, Thọ Ngọc		20.000.000	
53	Nguyễn Thanh Tuyền	Xóm 13, Thọ Ngọc	40.000.000		
54	Đinh Văn Thế	Xóm 15, Thọ Ngọc		20.000.000	
55	Phạm Ngọc Lan	Xóm 7, Thọ Ngọc		20.000.000	
56	Trương Sỹ Bân	Xóm 7, Thọ Ngọc	40.000.000		
57	Nguyễn Văn Minh	Xóm 1, Thọ Ngọc		20.000.000	
58	Nguyễn Văn Mậu	Xóm 2, Thọ Ngọc		20.000.000	
59	Nguyễn Hữu Châu	Xóm 2, Thọ Ngọc	40.000.000		
60	Nguyễn Xuân Thái	Xóm 3, Thọ Ngọc	40.000.000		
61	Lê Như Do	Xóm 3, Thọ Ngọc	40.000.000		
62	Trần Ngọc Lâm	Xóm 8, Thọ Ngọc		20.000.000	
63	Nguyễn Đức Thuận	Xóm 13, Thọ Ngọc	40.000.000		
64	Lê Văn Dân	Xóm 15, Thọ Ngọc		20.000.000	
65	Nguyễn Văn Cờ	Xóm 5, Thọ Ngọc		20.000.000	
66	Lê Văn Vân	Xóm 3, Thọ Ngọc	40.000.000		
67	Lê Văn Thành	Xóm 3, Thọ Ngọc		20.000.000	Đăng ký XM
68	Hà Văn Nhân	Xóm 4, Thọ Ngọc		20.000.000	
69	Lê Đình Thắm	Xóm 6, Thọ Ngọc		20.000.000	
70	Lê Thanh Ngạc	Xóm 13, Thọ Ngọc	40.000.000		
71	Vũ Thị Tiểu	Xóm 9, Thọ Ngọc	40.000.000		
72	Nguyễn Đức Chấn	Xóm 3, Thọ Ngọc	40.000.000		
73	Lê Đình Ngời	Xóm 3, Thọ Ngọc	40.000.000		
74	Lê Đình Quynh	Xóm 3, Thọ Ngọc		20.000.000	
75	Lê Như Đình	Xóm 2, Thọ Ngọc		20.000.000	
76	Nguyễn Văn Diệu	Xóm 1, Thọ Ngọc	40.000.000		
77	Lê Văn Mão	Xóm 10, Thọ Ngọc	40.000.000		

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
78	Lê Thị Thắm	Xóm 7, Thọ Ngọc	40.000.000		
79	Hoàng Thị Tiến	Xóm 7, Thọ Ngọc	40.000.000		
80	Phạm Văn Thuận	Xóm 7, Thọ Ngọc		20.000.000	Đăng ký XM
81	Trần Văn Loan	Xóm 8, Thọ Ngọc		20.000.000	
15	Xã Thọ Vực		31	14	
1	Lê Xuân Yên	Thôn 1		20.000.000	
2	Nguyễn Văn Ý	Thôn 1		20.000.000	
3	Dương Bá Ngải	Thôn 3	40.000.000		
4	Lê Văn Lai	Thôn 4	40.000.000		
5	Lê Văn Cận	Thôn 4		20.000.000	
6	Trần Văn Vệt	Thôn 4	40.000.000		
7	Nguyễn Đình Văn	Thôn 5		20.000.000	
8	Trần Văn Vinh	Thôn 8	40.000.000		
9	Trịnh Thị Đăng	Thôn 6	40.000.000		
10	Trần Thị Phiến	Thôn 6	40.000.000		
11	Lê Xuân Luân	Thôn 7		20.000.000	
12	Lê Công Đồng	Thôn 6	40.000.000		
13	Lê Thị Hạng	Thôn 9	40.000.000		
14	Dương Thị Ý	Thôn 3	40.000.000		
15	Lê Văn Thịnh	Thôn 3	40.000.000		
16	Lê Thị Cộg	Thôn 4	40.000.000		
17	Nguyễn Thị Thoa	Thôn 8	40.000.000		
18	Lê Thị Thành	Thôn 8		20.000.000	
19	Lê Thị Thoài	Thôn 9	40.000.000		
20	Trần Duy Giai	Thôn 9	40.000.000		
21	Trần Thị Năm	Thôn 9	40.000.000		
22	Nguyễn Văn Giáo	Thôn 9	40.000.000		
23	Trần Duy Bảy	Thôn 9	40.000.000		
24	Lê Văn Thành	Thôn 4	40.000.000		
25	Lê Văn Nam	Thôn 4	40.000.000		
26	Nguyễn Thị Lương	Thôn 4	40.000.000		
27	Lê Công Trầu	Thôn 5	40.000.000		
28	Trần Đình Hùng	Thôn 5	40.000.000		
29	Lê Văn Bông	Thôn 2		20.000.000	
30	Hồ Thị Liễu	Thôn 2		20.000.000	
31	Phạm Đình Bình	Thôn 3		20.000.000	
32	Nguyễn Văn Môn	Thôn 3		20.000.000	
33	Phạm Xuân Thủy	Thôn 3	40.000.000		
34	Đỗ Ngọc Khoa	Thôn 3	40.000.000		
35	Phạm Văn Trường	Thôn 3	40.000.000		
36	Lê Công Chính	Thôn 4	40.000.000		
37	Trần Công Dưỡng	Thôn 4		20.000.000	
38	Lê Khắc Cộn	Thôn 4		20.000.000	
39	Phạm Thị Luận	Thôn 4	40.000.000		
40	Lê Văn Nhuận	Thôn 4	40.000.000		

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
41	Lê Công Thuần	Thôn 5	40.000.000		
42	Nguyễn Văn Lục	Thôn 6	40.000.000		
43	Nguyễn Thị Kiên	Thôn 7		20.000.000	
44	Lê Công Cừ	Thôn 7		20.000.000	
45	Lê Công Bình	Thôn 7	40.000.000		
16	Xã Thọ Sơn		15	29	
1	Hà Xuân Nga	Thôn 8	40.000.000		
2	Ngọc Lê Lan	Thôn 10	40.000.000		
3	Lê Đình Nho	Thôn 14		20.000.000	
4	Nguyễn Xuân Thành	Thôn 2	40.000.000		
5	Nguyễn Thị Thiết	Thôn 6	40.000.000		
6	Hà Minh Xuân	Thôn 8	40.000.000		
7	Nguyễn Văn Hờn	Thôn 14	40.000.000		
8	Vũ Văn Giang	Thôn 14	40.000.000		
9	Nguyễn Thị Tim	Thôn 14	40.000.000		
10	Lê Duy Kham	Thôn 15	40.000.000		
11	Nguyễn Đức Cóm	Thôn 1	40.000.000		
12	Lê Quang Đạo	Thôn 1		20.000.000	
13	Hà Quang Giáp	Thôn 7		20.000.000	
14	Nguyễn Thị Diệu	Thôn 9		20.000.000	
15	Lê Xuân Kế	Thôn 15		20.000.000	
16	Hà Đình Sơn	Thôn 15		20.000.000	
17	Cầm Bá Mẫu	Thôn 16		20.000.000	
18	Lê Viết Các	Thôn 16		20.000.000	
19	Lê Thị Mưu	Thôn 16		20.000.000	
20	Lê Thị Mạc	Thôn 5	40.000.000		
21	Phạm Thị Vang	Thôn 1		20.000.000	
22	Lê Bá Lộc	Thôn 4		20.000.000	
23	Quách Thị Ảnh	Thôn 1		20.000.000	
24	Dương Văn Vân	Thôn 6		20.000.000	
25	Nguyễn Xuân Thanh	Thôn 2		20.000.000	
26	Bùi Văn Đệ	Thôn 4		20.000.000	
27	Bùi Văn Chế	Thôn 15	40.000.000		
28	Phạm Thị Thuần	Thôn 1		20.000.000	
29	Bùi Văn Khuy	Thôn 7		20.000.000	
30	Bùi Văn Tâm	Thôn 15	40.000.000		
31	Bùi Văn Hợi	Thôn 7		20.000.000	
32	Nguyễn Ngọc Hoàn	Thôn 12		20.000.000	
33	Lê Thanh Bình	Thôn 14		20.000.000	
34	Bùi Văn Hùng	Thôn 14		20.000.000	
35	Hoàng Văn Tiến	Thôn 16		20.000.000	
36	Nguyễn Thanh Nghị	Thôn 1		20.000.000	
37	Lê Văn Minh	Thôn 12		20.000.000	
38	Nguyễn Văn Là	Thôn 2		20.000.000	
39	Lê Thị Dần	Thôn 7	40.000.000		

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở(20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
40	Bùi Văn Thor	Thôn 5		20.000.000	
41	Nguyễn Thanh Phúc	Thôn 2		20.000.000	
42	Nguyễn Văn Cam	Thôn 2		20.000.000	
43	Đào Duy Khai	Thôn 4		20.000.000	
44	Lê Sỹ Lộc	Thôn 2	40.000.000		
17	Xã Đồng Tiến		37	37	
1	Nguyễn Tài Cầm	Trúc Chuân -Đồng Tiến	40.000.000		
2	Nguyễn Tài Hạnh	Trúc Chuân -Đồng Tiến		20.000.000	
3	Hoàng Văn Nghĩa	Trúc Chuân -Đồng Tiến	40.000.000		
4	Lê Minh Tào	Trúc Chuân -Đồng Tiến	40.000.000		
5	Đỗ Huy Quang	Trúc Chuân -Đồng Tiến	40.000.000		
6	Hoàng Văn Hồng	Trúc Chuân -Đồng Tiến	40.000.000		
7	Đỗ Viết Loan	Trúc Chuân -Đồng Tiến	40.000.000		
8	Đỗ Đức Cường	Trúc Chuân -Đồng Tiến		20.000.000	
9	Đỗ Đức Dương	Trúc Chuân -Đồng Tiến	40.000.000		
10	Đỗ Viết Thọ	Trúc Chuân -Đồng Tiến		20.000.000	
11	Đỗ Viết Quỳnh	Trúc Chuân -Đồng Tiến	40.000.000		
12	Đỗ Viết Lập	Trúc Chuân -Đồng Tiến		20.000.000	
13	Nguyễn Văn Nga	Trúc Chuân -Đồng Tiến		20.000.000	
14	Đỗ Ngọc Đình	Trúc Chuân -Đồng Tiến		20.000.000	
15	Đỗ Huy Hùng	Trúc Chuân -Đồng Tiến		20.000.000	
16	Hoàng Trung Tâm	Trúc Chuân -Đồng Tiến		20.000.000	
17	Nguyễn Thị Riều	Trúc Chuân -Đồng Tiến		20.000.000	
18	Nguyễn Tài Minh	Đồng Xá - Đồng Tiến	40.000.000		
19	Phạm Khắc Phần	Đồng Xá - Đồng Tiến		20.000.000	
20	Phạm Công Phụng	Đồng Xá - Đồng Tiến		20.000.000	
21	Nguyễn Thọ Liêm	Đồng Xá - Đồng Tiến	40.000.000		
22	Lê Chí Minh	Đồng Xá - Đồng Tiến	40.000.000		
23	Nông Thị Huệ	Đồng Xá - Đồng Tiến	40.000.000		
24	Lê Văn Tọa	Đồng Xá - Đồng Tiến	40.000.000		
25	Lê Đình Thên	Đồng Xá - Đồng Tiến	40.000.000		
26	Nguyễn Công Chư	Đồng Xá - Đồng Tiến	40.000.000		
27	Nguyễn Trọng Luyến	Đồng Xá - Đồng Tiến		20.000.000	
28	Đỗ Viết Tung	Thị Tứ - Đồng Tiến	40.000.000		
29	Hoàng Văn Cảnh	Thị Tứ - Đồng Tiến		20.000.000	
30	Lê Hữu Khu	Đồng Vinh - Đồng Tiến		20.000.000	
31	Nguyễn Nho Cương	Đồng Vinh - Đồng Tiến		20.000.000	
32	Đỗ Đình Dậu	Đồng Vinh - Đồng Tiến		20.000.000	
33	Nguyễn Thị Rai	Đồng Vinh - Đồng Tiến		20.000.000	
34	Nhữ Thị Thu	Đồng Vinh - Đồng Tiến		20.000.000	
35	Nhữ Mai Hạp	Đồng Vinh - Đồng Tiến	40.000.000		
36	Nhữ Mai Toàn	Đồng Vinh - Đồng Tiến		20.000.000	
37	Nguyễn Đình Tinh	Đồng Vinh - Đồng Tiến	40.000.000		
38	Đỗ Đình Hạnh	Đồng Vinh - Đồng Tiến	40.000.000		
39	Nguyễn Nho Cộng	Đồng Vinh - Đồng Tiến	40.000.000		

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
40	Nhữ Mai Dung	Đồng Vinh - Đồng Tiến		20.000.000	
41	Lê Đăng Tự	Phúc Âm - Đồng Tiến		20.000.000	
42	Lê Văn Thắng	Phúc Âm - Đồng Tiến	40.000.000		
43	Lê Công Cốt	Phúc Âm - Đồng Tiến		20.000.000	
44	Lê Văn Giang	Phúc Âm - Đồng Tiến	40.000.000		
45	Trần Quang Lan	Phúc Âm - Đồng Tiến	40.000.000		
46	Nguyễn Giáo Vượng	Phúc Âm - Đồng Tiến		20.000.000	
47	Lê Văn Von	Phúc Âm - Đồng Tiến		20.000.000	
48	Nguyễn Trọng Hội	Đồng Xá - Đồng Tiến	40.000.000		
49	Phạm Doãn Thậu	Đồng Xá - Đồng Tiến	40.000.000		
50	Đỗ Đình Cát	Đồng Xá - Đồng Tiến		20.000.000	
51	Đỗ Đức Ngân	Đồng Xá - Đồng Tiến	40.000.000		
52	Lê Hữu Trúc	Đồng Xá - Đồng Tiến		20.000.000	
53	Lê Thị Bền	Phúc Âm - Đồng Tiến		20.000.000	
54	Lê Thị Thôn	Phúc Âm - Đồng Tiến		20.000.000	
55	Lê Thị Khốc	Phúc Âm - Đồng Tiến	40.000.000		
56	Nguyễn Thị Ngam	Phúc Âm - Đồng Tiến		20.000.000	
57	Nguyễn Thị Chan	Phúc Âm - Đồng Tiến		20.000.000	
58	Nguyễn Huy Sân	Phúc Âm - Đồng Tiến		20.000.000	
59	Lê Đình Bộ	Phúc Âm - Đồng Tiến		20.000.000	
60	Lê Thị Rụ	Phúc Âm - Đồng Tiến	40.000.000		
61	Trần Thị Hổ	Đồng Xá, Đồng Tiến	40.000.000		
62	Vũ Đức Hòa	Phúc Âm - Đồng Tiến	40.000.000		
63	Thị Văn Quát	Phúc Âm - Đồng Tiến		20.000.000	
64	Lê Thị Nga	Phúc Âm - Đồng Tiến		20.000.000	
65	Ngô Đức Hội	Đồng Bèo, Đồng Tiến		20.000.000	
66	Nguyễn Thị Thiệp		40.000.000		
67	Lê Đình Đơn		40.000.000		
68	Đỗ Văn Đăng	Trúc Chuẩn 2	40.000.000		
69	Nguyễn Thị Căng	Phúc Âm 2	40.000.000		
70	Vũ Thị Nhân	Phúc Âm 2		20.000.000	
71	Nguyễn Thị Mai	Trúc Chuẩn 3		20.000.000	
72	Nguyễn Tài Tinh	Trúc Chuẩn	40.000.000		
73	Trần Thị Xinh	Đồng Vinh	40.000.000		
74	Thị Văn Trung	Phúc Âm	40.000.000		
18	Xã Xuân Thịnh		31	27	
1	Bùi Văn Tân	Thôn 1, Xuân Thịnh	40.000.000		
2	Lê Văn Đượm	Thôn 1, Xuân Thịnh		20.000.000	
3	Lê Văn Hòe	Thôn 2, Xuân Thịnh	40.000.000		
4	Lê Đức Chính	Thôn 2, Xuân Thịnh	40.000.000		
5	Lê Đình Quán	Thôn 2, Xuân Thịnh	40.000.000		
6	Lê Văn Tư	Thôn 2, Xuân Thịnh	40.000.000		
7	Lê Thị Liên	Thôn 2, Xuân Thịnh	40.000.000		
8	Trương Thị Uyển	Thôn 2, Xuân Thịnh	40.000.000		
9	Lê Thị Thặng	Thôn 2, Xuân Thịnh	40.000.000		

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
10	Lê Xuân Vinh	Thôn 3, Xuân Thịnh	40.000.000		
11	Lê Đình Thận	Thôn 3, Xuân Thịnh	40.000.000		
12	Lê Xuân Chí	Thôn 3, Xuân Thịnh	40.000.000		
13	Lê Xuân Kim	Thôn 3, Xuân Thịnh		20.000.000	
14	Lê Thị Xuyên	Thôn 3, Xuân Thịnh		20.000.000	
15	Hà Thị Dung	Thôn 3, Xuân Thịnh		20.000.000	
16	Lê Mỹ Hội	Thôn 3, Xuân Thịnh	40.000.000		
17	Lê Xuân Thìn	Thôn 3, Xuân Thịnh	40.000.000		
18	Nguyễn Văn Tích	Thôn 7, Xuân Thịnh	40.000.000		
19	Lê Viết Hải	Thôn 7, Xuân Thịnh		20.000.000	
20	Lê Khắc Luyện	Thôn 4, Xuân Thịnh		20.000.000	
21	Lê Sỹ Hưng	Thôn 4, Xuân Thịnh		20.000.000	
22	Nguyễn Thị Xâm	Thôn 5, Xuân Thịnh	40.000.000		
23	Lê Sỹ Dũng	Thôn 5, Xuân Thịnh		20.000.000	
24	Lê Trọng Độ	Thôn 6, Xuân Thịnh	40.000.000		
25	Lê Thị Tâm	Thôn 6, Xuân Thịnh	40.000.000		
26	Lê Văn Đăng	Thôn 6, Xuân Thịnh	40.000.000		
27	Lê Trạc Việt	Thôn 6, Xuân Thịnh	40.000.000		
28	Hoàng Xuân Phú	Thôn 8, Xuân Thịnh	40.000.000		
29	Lê Văn Vui	Thôn 8, Xuân Thịnh	40.000.000		
30	Trần Duy Dũng	Thôn 8, Xuân Thịnh	40.000.000		
31	Trương Văn Quý	Thôn 1, Xuân Thịnh		20.000.000	Đăng ký XM
32	Lê Thị Lễ (Tr. Văn Thanh)	Thôn 1, Xuân Thịnh	40.000.000		
33	Trương Văn Minh	Thôn 2, Xuân Thịnh		20.000.000	Đăng ký XM
34	Lê Văn Giai	Thôn 2, Xuân Thịnh		20.000.000	
35	Ngô Thị Thành	Thôn 3, Xuân Thịnh	40.000.000		
36	Lê Xuân Canh	Thôn 3, Xuân Thịnh		20.000.000	
37	Lê Ngọc Oánh	Thôn 4, Xuân Thịnh		20.000.000	
38	Lê Quý Khương	Thôn 4, Xuân Thịnh		20.000.000	Đăng ký XM
39	Lê Đức Cải	Thôn 5, Xuân Thịnh		20.000.000	Đăng ký XM
40	Lê Thị Ngẫu	Thôn 5, Xuân Thịnh		20.000.000	Đăng ký XM
41	Lê Văn Hùng	Thôn 5, Xuân Thịnh		20.000.000	Đăng ký XM
42	Lê Hữu Toàn	Thôn 5, Xuân Thịnh		20.000.000	Đăng ký XM
43	Lê Khắc Vinh	Thôn 5, Xuân Thịnh	40.000.000		
44	Lê Thị Hưng	Thôn 6, Xuân Thịnh		20.000.000	Đăng ký XM
45	Nguyễn Văn Thực	Thôn 8, Xuân Thịnh		20.000.000	
46	Lê Thị Trang	Thôn 2, Xuân Thịnh	40.000.000		
47	Lê Thị Ngọt	Thôn 2, Xuân Thịnh		20.000.000	
48	Lê Đức Ban	Thôn 3, Xuân Thịnh	40.000.000		
49	Trương Thị Xây	Thôn 1, Xuân Thịnh	40.000.000		
50	Lê Xuân Hứa	Thôn 3, Xuân Thịnh	40.000.000		
51	Lê Hữu Hoàn	Thôn 4, Xuân Thịnh		20.000.000	Đăng ký XM
52	Lê Thị Ve	Thôn 6, Xuân Thịnh		20.000.000	Đăng ký XM
53	Lê Văn Hùng	Thôn 2, Xuân Thịnh		20.000.000	Đăng ký XM
54	Lê Thị Quát	Thôn 4, Xuân Thịnh		20.000.000	Đăng ký XM

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
55	Lê Trạc Bồng	Thôn 6, Xuân Thịnh		20.000.000	Đăng ký XM
56	Trần Ngọc Minh	Thôn 8, Xuân Thịnh	40.000.000		
57	Lê Trạc Thanh	Thôn 6, Xuân Thịnh	40.000.000		
58	Trương Văn Nguyễn	Thôn 5, Xuân Thịnh		20.000.000	Đăng ký XM
19	Xã Đồng Thắng		11	11	
1	Nguyễn Tất Dục	Xóm 1-Đồng Thắng		20.000.000	
2	Nguyễn Hồng Khanh	Xóm 2-Đồng Thắng		20.000.000	
3	Nguyễn Tất Đơ	Thôn 2-Đồng Thắng	40.000.000		
4	Ngô Thị Tuấn	Thôn 2-Đồng Thắng	40.000.000		
5	Nguyễn Trọng Đoàn	Thôn 2-Đồng Thắng	40.000.000		
6	Nguyễn Tất Chân	Thôn 2-Đồng Thắng		20.000.000	
7	Nguyễn Hữu Lư	Thôn 2-Đồng Thắng		20.000.000	
8	Ngô Đình Sớm	Thôn 2-Đồng Thắng	40.000.000		
9	Ngô Quang Thục	Thôn 2-Đồng Thắng	40.000.000		
10	Ngô Văn Thương	Thôn 2-Đồng Thắng	40.000.000		
11	Nguyễn Tất Hàng	Thôn 2-Đồng Thắng		20.000.000	
12	Đinh Quang Trung	Thôn 2-Đồng Thắng		20.000.000	
13	Ngô Văn Bính	Thôn 3-Đồng Thắng		20.000.000	
14	Phạm Thị Phú	Thôn 3-Đồng Thắng		20.000.000	
15	Nguyễn Thị Thêm	Thôn 3-Đồng Thắng		20.000.000	
16	Bùi Thị Mập	Thôn 6-Đồng Thắng	40.000.000		
17	Ngô Thị Nghiễm	Xóm 6- Đồng Thắng		20.000.000	
18	Đỗ Thị Thính	Xóm 7- Đồng Thắng	40.000.000		
19	Hoàng Công Chuyên	Xóm 8- Đồng Thắng	40.000.000		
20	Lê Thị Thuận	Xóm 8- Đồng Thắng	40.000.000		
21	Nguyễn Thị Guồng	Thôn 2-Đồng Thắng	40.000.000		
22	Nguyễn Tất Dương	Thôn 3-Đồng Thắng		20.000.000	
20	Xã Bình Sơn		16	14	
1	Bùi Văn Thảo	Bao Lâm, Bình Sơn	40.000.000		
2	Phạm Thị Đuôi	Bao Lâm, Bình Sơn	40.000.000		
3	Nguyễn Văn Sơn	Ba Bào, Bình Sơn		20.000.000	
4	Cao Đăng Khải	Đông Tranh, Bình Sơn		20.000.000	
5	Lữ Thị Vụ	Bồn Dồn, Bình Sơn	40.000.000		
6	Lê Thanh Quang	Bồn Dồn, Bình Sơn		20.000.000	
7	Lê Văn Thuận	Bồn Dồn, Bình Sơn	40.000.000		
8	Hà Văn Un	Thoi Bình Sơn	40.000.000		
9	Lữ Đại Cương	Thoi Bình Sơn		20.000.000	
10	Bùi Thị Tăng	Bóng Xanh, Bình Sơn	40.000.000		
11	Quách Thị Cừ	Cây Xe, Bình Sơn	40.000.000		
12	Lê Xuân Tứ	Cây Xe, Bình Sơn	40.000.000		
13	Lê Huy Lược	Thoi, Bình Sơn		20.000.000	
14	Lê Duy Điều	Đông tranh, Bình Sơn		20.000.000	
15	Hoàng Ngọc Toại	Ba Bào, Bình Sơn		20.000.000	
16	Lê Mộng Dân	Đông Tranh, Bình Sơn		20.000.000	

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
17	Lê Hồng Kính	Đông Tranh, Bình Sơn	40.000.000		
18	Lại Cộng Hòa	Đông Tranh, Bình Sơn		20.000.000	
19	Hoàng Trung Tuyến	Bồn Dồn, Bình Sơn	40.000.000		
20	Lê Công Lại	Thoi, Bình Sơn	40.000.000		
21	Hà Văn Lót	Thoi, Bình Sơn	40.000.000		
22	Lê Doanh Khuyên	Bóng Xanh, Bình Sơn		20.000.000	
23	Lê Đình Phiên	Đông Tranh, Bình Sơn		20.000.000	
24	Hà Minh Thơ	Hom Chử, Bình Sơn	40.000.000		
25	Lê Xuân Hạnh	Cây Xe, Bình Sơn	40.000.000		
26	Cao Thị Ty	Nhà Lăn, Bìnhh Sơn		20.000.000	
27	Nguyễn Thị Trường	Nhà Lăn, Bìnhh Sơn		20.000.000	
28	Lê Đình Hạ	Ba Bào, Bình Sơn	40.000.000		
29	Lê Văn Tám	Bao Lâm, Bình Sơn	40.000.000		
30	Bùi Ngọc Tiến	Bồn Dồn, Bình Sơn		20.000.000	
21	Xã Hợp Thành		13	57	
1	Lê Bá Trinh	Lai Trung, Hợp Thành		20.000.000	
2	Phạm Văn Giới	Lai Trung, Hợp Thành		20.000.000	
3	Hà Phương Hải	Lai Trung, Hợp Thành		20.000.000	
4	Hà Xuân Lộ	Lai Trung, Hợp Thành		20.000.000	
5	Nguyễn Tài Bằng	Lai Trung, Hợp Thành		20.000.000	
6	Lê Văn Dũng	Lai Trung, Hợp Thành		20.000.000	
7	Hoàng Văn Huân	Lai Thịnh, Hợp Thành		20.000.000	
8	Đỗ Duy Liễu	Lai Thịnh, Hợp Thành		20.000.000	
9	Lê Thị Đáp	Lai Thịnh, Hợp Thành		20.000.000	
10	Lê Đình Đa	Lai Thịnh, Hợp Thành		20.000.000	
11	Hà Văn Tầu	Lai Thịnh, Hợp Thành		20.000.000	
12	Nguyễn Thị Xê	Lai Thịnh, Hợp Thành		20.000.000	
13	Lê Thị Độ	Lai Thịnh, Hợp Thành		20.000.000	
14	Bùi Đình Tại	Lai Thịnh, Hợp Thành		20.000.000	
15	Lê Kim Chời	Lai Thịnh, Hợp Thành		20.000.000	
16	Lê Thị Tiến	Lai Thịnh, Hợp Thành		20.000.000	
17	Bùi Đình Dương	Lai Thịnh, Hợp Thành	40.000.000		
18	Nguyễn Văn Trọng	Lai Thịnh, Hợp Thành		20.000.000	
19	Bùi Đình Thích	Lai Thành, Hợp Thành		20.000.000	
20	Lê Xuân Nga	Diễn Trung, Hợp Thành		20.000.000	
21	Nguyễn Thị Thiêm	Diễn Trung, Hợp Thành	40.000.000		
22	Đặng Tiến Dũng	Diễn Trung, Hợp Thành		20.000.000	
23	Trần Thị Nhung	Diễn Đông, Hợp Thành		20.000.000	
24	Đặng Xuân Dục	Diễn Đông, Hợp Thành		20.000.000	
25	Nguyễn Xuân Thuận	Diễn Đông, Hợp Thành		20.000.000	
26	Nguyễn Thị Miên	Diễn Bình, Hợp Thành		20.000.000	
27	Lê Thị Hương	Diễn Bình, Hợp Thành		20.000.000	
28	Bùi Thị Chùy	Diễn Bình, Hợp Thành		20.000.000	
29	Nguyễn Trọng Thiện	Diễn Bình, Hợp Thành		20.000.000	
30	Hà Văn Thiện	Diễn Bình, Hợp Thành		20.000.000	

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
31	Hà Thọ Định	Diễn Phú, Hợp Thành		20.000.000	
32	Hà Văn Đón	Diễn Phú, Hợp Thành		20.000.000	
33	Hà Thị Nụ	Diễn Phú, Hợp Thành	40.000.000		
34	Hà Văn Tuấn	Diễn Hòa, Hợp Thành		20.000.000	
35	Nguyễn Tài Phú	Diễn Hòa, Hợp Thành	40.000.000		
36	Hà Sơn La	Diễn Thành, Hợp Thành		20.000.000	
37	Hà Minh Từ	Diễn Thành, Hợp Thành		20.000.000	
38	Hà Văn Nhất	Diễn Thành, Hợp Thành		20.000.000	
39	Hà Văn Ngọc	Diễn Thành, Hợp Thành		20.000.000	
40	Hà Quang Thuận	Diễn Thành, Hợp Thành		20.000.000	
41	Nguyễn Thị Diễm	Diễn Thành, Hợp Thành	40.000.000		
42	Trịnh Thị Nghiêm	Diễn Thành, Hợp Thành	40.000.000		
43	Đinh Hùng Tiến	Lai Châu, Hợp Thành	40.000.000		
44	Lê Thị Hoa	Lai Châu, Hợp Thành		20.000.000	
45	Hà Văn Nhi	Lai Châu, Hợp Thành		20.000.000	
46	Hà Đăng Lữ	Lai Châu, Hợp Thành		20.000.000	
47	Hà Xuân Việt	Lai Châu, Hợp Thành		20.000.000	
48	Hà Thọ Tính	Lai Châu, Hợp Thành		20.000.000	
49	Nguyễn Xuân Tình	Lai Châu, Hợp Thành		20.000.000	
50	Nguyễn Ngọc Phấn	Lai Châu, Hợp Thành		20.000.000	
51	Lại Hợp Miến	Diễn Thành, Hợp Thành		20.000.000	
52	Lê Đăng Thái	Diễn Thành, Hợp Thành	40.000.000		
53	Nguyễn Văn Quyền	Diễn Thành, Hợp Thành		20.000.000	
54	Lê Văn Tách	Diễn Thành, Hợp Thành	40.000.000		
55	Hà Văn Minh	Diễn Thành, Hợp Thành		20.000.000	
56	Đỗ Duy Khoa	Diễn Thành, Hợp Thành	40.000.000		
57	Vũ Thành Công	Diễn Đông, Hợp Thành		20.000.000	
58	Lê Đình Nguyên	Diễn Đông, Hợp Thành		20.000.000	
59	Hà Trung Thống	Diễn Đông, Hợp Thành		20.000.000	
60	Nguyễn Phi Công	Diễn Đông, Hợp Thành		20.000.000	
61	Nguyễn Minh Đức	Diễn Đông, Hợp Thành		20.000.000	
62	Lê Văn Cải	Lai Thịnh, Hợp Thành		20.000.000	
63	Lê Mạnh Tường	Lai Thịnh, Hợp Thành		20.000.000	
64	Hà Thọ Lạch	Lai Thịnh, Hợp Thành		20.000.000	
65	Lê Minh Thạo	Diễn Trung, Hợp Thành		20.000.000	
66	Nguyễn Văn Hạc	Diễn Trung, Hợp Thành	40.000.000		
67	Bùi Đình Sáu	Diễn Trung, Hợp Thành	40.000.000		
68	Lê Thị Nương	Diễn Trung, Hợp Thành		20.000.000	
69	Nguyễn Xuân Hoài	Diễn Trung, Hợp Thành		20.000.000	
70	Lê Thị Nghịch (Chết)	Lai Thành, Hợp Thành			
71	Nguyễn Văn Dũng	Lai Thành, Hợp Thành	40.000.000		
22	Xã Vân Sơn		36	50	
1	Lê Thị Sâm (Lê Thị Thái)	Thôn 1, Vân Sơn	40.000.000		
2	Lê Đình Cúc	Thôn 1, Vân Sơn		20.000.000	
3	Đặng Thị Hự	Thôn 1, Vân Sơn	40.000.000		

STT	Tên xã, thị Trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở(20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
4	Lê Văn Thích	Thôn 2, Vân Sơn		20.000.000	
5	Nguyễn Văn Ba	Thôn 2, Vân Sơn	40.000.000		
6	Lê Thị Linh	Thôn 2, Vân Sơn		20.000.000	
7	Lê Văn Ba	Thôn 2, Vân Sơn	40.000.000		
8	Lê Thị Kháng (Trịnh N, Phúc)	Thôn 2, Vân Sơn	40.000.000		
9	Vũ Thị Lịch	Thôn 2, Vân Sơn	40.000.000		
10	Nguyễn Xuân Luật	Thôn 3, Vân Sơn	40.000.000		
11	Nguyễn Xuân Am	Thôn 4, Vân Sơn	40.000.000		
12	Trần Văn Tới	Thôn 4, Vân Sơn	40.000.000		
13	Trần Văn Mão	Thôn 5, Vân Sơn		20.000.000	
14	Hoàng Văn Thơ	Thôn 5, Vân Sơn		20.000.000	
15	Vũ Đức Thuận	Thôn 6, Vân Sơn	40.000.000		
16	Trần Thị Na	Thôn 6, Vân Sơn	40.000.000		
17	Lê Trọng Định	Thôn 6, Vân Sơn		20.000.000	
18	Hồ Thế Môn	Thôn 6, Vân Sơn		20.000.000	
19	Trịnh Ngọc Công	Thôn 7, Vân Sơn		20.000.000	
20	Lê Văn Thùy	Thôn 7, Vân Sơn		20.000.000	
21	Lê Thị Tý (Lê Quang Nông)	Thôn 7, Vân Sơn		20.000.000	
22	Lê Thị Nghành (Cáo Bá Các)	Thôn 7, Vân Sơn	40.000.000		
23	Tô Thị Ngân (Lê Đình Từ)	Thôn 7, Vân Sơn		20.000.000	
24	Phạm Huy Bồng	Thôn 7, Vân Sơn		20.000.000	
25	Lê Thị Chiến (Vũ Đức Quý)	Thôn 7, Vân Sơn		20.000.000	
26	Hoàng Văn Cừ	Thôn 7, Vân Sơn		20.000.000	
27	Lê Quang Thành	Thôn 7, Vân Sơn		20.000.000	
28	Nguyễn Văn Phú	Thôn 7, Vân Sơn	40.000.000		
29	Quang Thế Đáng	Thôn 8, Vân Sơn		20.000.000	
30	Lê Quang Thêu	Thôn 8, Vân Sơn	40.000.000		
31	Lê Quang Giai	Thôn 8, Vân Sơn	40.000.000		
32	Lê Kim Thịnh	Thôn 8, Vân Sơn	40.000.000		
33	Lê Trọng Hòa	Thôn 8, Vân Sơn		20.000.000	
34	Lê Việt Hồ	Thôn 8, Vân Sơn	40.000.000		
35	Lê Thị Thiêng	Thôn 8, Vân Sơn	40.000.000		
36	Lê Quang Bời	Thôn 8, Vân Sơn		20.000.000	
37	Nguyễn Văn Hà	Thôn 8, Vân Sơn		20.000.000	
38	Nguyễn Thị Thiều (L.Q.Quế)	Thôn 9, Vân Sơn		20.000.000	
39	Đỗ Đức Minh	Thôn 8, Vân Sơn		20.000.000	
40	Nguyễn Duy Giảng	Thôn 9, Vân Sơn		20.000.000	
41	Lê Kim Tiếp	Thôn 9, Vân Sơn		20.000.000	
42	Lê Đình Hùng	Thôn 9, Vân Sơn		20.000.000	
43	Lê Thị Ngân	Thôn 9, Vân Sơn	40.000.000		
44	Lê Quang Nam	Thôn 9, Vân Sơn	40.000.000		
45	Đặng Viết Tám	Thôn 9, Vân Sơn	40.000.000		
46	Trịnh Ngọc Thọ	Thôn 9, Vân Sơn		20.000.000	
47	Lê Thị Rầu (Lê Kinh Rành)	Thôn 9, Vân Sơn		20.000.000	
48	Lê Trọng Minh	Thôn 10, Vân Sơn	40.000.000		

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
49	Đặng Minh Nhật	Thôn 10, Vân Sơn	40.000.000		
50	Lê Thị Cội	Thôn 10, Vân Sơn		20.000.000	
51	Lê Thị Huệ (Phạm. Tr. Nam)	Thôn 10, Vân Sơn		20.000.000	
52	Đỗ Thị Vân	Thôn 10, Vân Sơn		20.000.000	
53	Đào Thị Xính	Thôn 10, Vân Sơn		20.000.000	
54	Lê Trọng Phượng	Thôn 10, Vân Sơn		20.000.000	
55	Hoàng Khắc Bạo	Thôn 10, Vân Sơn		20.000.000	
56	Lê Văn Thành	Thôn 10, Vân Sơn	40.000.000		
57	Lê Trọng Minh	Thôn 10, Vân Sơn		20.000.000	
58	Lê Thị Hòa	Thôn 10, Vân Sơn	40.000.000		
59	Đặng Duy Sự	Thôn 10, Vân Sơn		20.000.000	
60	Lê Văn Thiện	Thôn 10, Vân Sơn		20.000.000	
61	Hoàng Khắc Trường	Thôn 10, Vân Sơn		20.000.000	
62	Nguyễn Văn Trật	Thôn 10, Vân Sơn		20.000.000	
63	Lê Duy Từ	Thôn 10, Vân Sơn	40.000.000		
64	Lê Thị Cuốn	Thôn 10, Vân Sơn	40.000.000		
65	Lê Nhiều	Thôn 10, Vân Sơn		20.000.000	
66	Lê Giai	Thôn 10, Vân Sơn		20.000.000	
67	Đặng Duy Minh	Thôn 10, Vân Sơn		20.000.000	
68	Đặng Duy Thành	Thôn 10, Vân Sơn		20.000.000	
69	Lê Thanh Nghị	Thôn 11, Vân Sơn		20.000.000	
70	Lê Duy Từ	Thôn 11, Vân Sơn	40.000.000		
71	Lê Trọng Tuynh	Thôn 10, Vân Sơn	40.000.000		
72	Doãn Thái Hạ	Thôn 10, Vân Sơn	40.000.000		
73	Lê Thị Khánh	Thôn 1, Vân Sơn	40.000.000		
74	Vũ Quang Trung	Thôn 2, Vân Sơn	40.000.000		
75	Trần Văn Dẻo	Thôn 5, Vân Sơn		20.000.000	
76	Nguyễn Văn Tế	Thôn 5, Vân Sơn		20.000.000	
77	Lê Kim Kỳ	Thôn 7, Vân Sơn		20.000.000	
78	Lê Đình Thang	Thôn 7, Vân Sơn	40.000.000		
79	Lê Văn Thóa	Thôn 8, Vân Sơn		20.000.000	
80	Đào Thị Đông (L. Kim Nhật)	Thôn 8, Vân Sơn	40.000.000		
81	Phạm Huy Huynh (L. T. Tâm)	Thôn 8, Vân Sơn	40.000.000		
82	Lê Thị Thân (Lê Văn Giảng)	Thôn 9, Vân Sơn	40.000.000		
83	Lê Đình Hùng (Lê Kim Tiền)	Thôn 9, Vân Sơn		20.000.000	
84	Hoàng Thị Cốc (Lê K. Thành)	Thôn 9, Vân Sơn		20.000.000	
85	Trịnh Thị Thế (Đ. Duy Vượng)	Thôn 9, Vân Sơn		20.000.000	
86	Trịnh Ngọc Thọ	Thôn 9, Vân Sơn		20.000.000	
23	Xã An Nông		59	26	
1	Đào Xuân Cây	Đức Long 1, An Nông	40.000.000		
2	Nguyễn Văn Tôn	Đức Long 1, An Nông	40.000.000		
3	Đào Xuân Toan	Đức Long 1, An Nông	40.000.000		
4	Lê Thị Lượng	Đức Long 2, An Nông	40.000.000		
5	Hà Thị Biên	Đức Long 2, An Nông	40.000.000		
6	Nguyễn Hữu Vinh	Đức Long 2, An Nông	40.000.000		

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
7	Đào Huy Dân	Đức Long 2, An Nông	40.000.000		
8	Nguyễn Xuân Sáng	Đức Long 3, An Nông	40.000.000		
9	Nguyễn Thị Nghi	Đức Long 3, An Nông	40.000.000		
10	Trần Thị Thật	Đức Long 3, An Nông	40.000.000		
11	Trần Hữu Hùng	Đức Long 4, An Nông	40.000.000		
12	Trần Thị Lan	Đức Long 4, An Nông	40.000.000		
13	Lê Quốc Tế	Vĩnh trù 1, An Nông	40.000.000		
14	Phạm Hồng Quang	Vĩnh trù 1, An Nông	40.000.000		
15	Trần Đình Tá	Vĩnh trù 1, An Nông	40.000.000		
16	Lê Thị Dũng	Vĩnh trù 1, An Nông	40.000.000		
17	Nguyễn Thị Hà	Vĩnh trù 1, An Nông	40.000.000		
18	Vũ Thị Miên	Vĩnh trù 2, An Nông	40.000.000		
19	Trần Thị Sâm	Vĩnh trù 2, An Nông	40.000.000		
20	Hoàng Văn Việt	Vĩnh trù 2, An Nông	40.000.000		
21	Phạm Đình Các	Vĩnh trù 2, An Nông		20.000.000	
22	Đào Công Sáng	Vĩnh trù 2, An Nông	40.000.000		
23	Trịnh Ngọc Đàm	Vĩnh trù 2, An Nông	40.000.000		
24	Trần Hữu Tráng	Vĩnh trù 2, An Nông		20.000.000	
25	Trần Đình Đạt	Vĩnh trù 2, An Nông	40.000.000		
26	Lê Thị Đoan	Vĩnh trù 2, An Nông		20.000.000	
27	Trần Thị Lài	Vĩnh trù 2, An Nông	40.000.000		
28	Trần Minh Tạc	Vĩnh trù 2, An Nông		20.000.000	
29	Trần Đình Tuyền	Vĩnh trù 2, An Nông	40.000.000		
30	Phạm Đình Chấn	Vĩnh trù 3, An Nông	40.000.000		
31	Nguyễn Văn Phước	Vĩnh trù 3, An Nông	40.000.000		
32	Trần Hữu Cự	Vĩnh trù 3, An Nông	40.000.000		
33	Vũ Trọng Lý	Vĩnh trù 3, An Nông	40.000.000		
34	Hoàng Văn Cường	Vĩnh trù 3, An Nông	40.000.000		
35	Hà Thị Thuần	Vĩnh trù 3, An Nông	40.000.000		
36	Trần Hữu Khán	Vĩnh trù 3, An Nông	40.000.000		
37	Đào Thị Lợi	Vĩnh trù 3, An Nông	40.000.000		
38	Trần Đình Rục	Vĩnh trù 3, An Nông	40.000.000		
39	Phạm Đình Bá	Vĩnh trù 3, An Nông	40.000.000		
40	Trần Hữu Biền	Vĩnh trù 4, An Nông	40.000.000		
41	Ngô Quốc Vê	Đô trình 1, An Nông	40.000.000		
42	Hoàng Thị Lới	Đô trình 1, An Nông	40.000.000		
43	Đào Công Xuân	Đô trình 1, An Nông	40.000.000		
44	Đỗ Văn Hỷ	Đô trình 1, An Nông	40.000.000		
45	Đào Xuân Gia	Đô trình 2, An Nông	40.000.000		
46	Đào Xuân Minh	Đô trình 2, An Nông	40.000.000		
47	Lê Thị Vòng	Đô trình 2, An Nông	40.000.000		
48	Đào Thị Hải	Đô trình 2, An Nông	40.000.000		
49	Lê Cảnh Đáp	Đô trình 3, An Nông	40.000.000		
50	Hoàng Văn Chức	Đô trình 3, An Nông	40.000.000		
51	Nguyễn Văn Bình	Đô trình 3, An Nông	40.000.000		

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
52	Lê Cảnh Mộc	Đô trình 4, An Nông	40.000.000		
53	Dương Văn Khang	Đô trình 4, An Nông	40.000.000		
54	Lê Ích Mây	Đô trình 4, An Nông		20.000.000	Đăng ký XM
55	Lê Văn Tuấn	Gia phú, An Nông		20.000.000	Đăng ký XM
56	Vũ Thị Chức	Gia phú, An Nông	40.000.000		
57	Đào Xuân Tài	Đức long 1, An Nông		20.000.000	
58	Đào Hữu Thông	Đức Long 2, An Nông		20.000.000	
59	Đào Huy Sơn	Đức Long 2, An Nông		20.000.000	
60	Đào Huy Toán	Đức Long 2, An Nông		20.000.000	
61	Nguyễn Văn Đình	Đức Long 2, An Nông		20.000.000	
62	Nguyễn Văn Đình	Đức Long 2, An Nông		20.000.000	
63	Đào Hữu Đăng	Đức Long 2, An Nông		20.000.000	
64	Nguyễn Thị Quỳnh	Đức Long 3, An Nông		20.000.000	
65	Phạm Minh Lâm	Vĩnh trù 1, An Nông		20.000.000	
66	Trần Hữu Tôn	Vĩnh trù 2, An Nông		20.000.000	
67	Trần Đình Kiên	Vĩnh trù 2, An Nông		20.000.000	
68	Vũ Trọng Quỳnh	Vĩnh trù 3, An Nông	40.000.000		
69	Trần Hữu Vinh	Vĩnh trù 3, An Nông		20.000.000	
70	Trần Thị Bổng	Vĩnh trù 3, An Nông	40.000.000		
71	Trần Đình Bình	Vĩnh trù 3, An Nông	40.000.000		
72	Hàn Thị Dị	Vĩnh trù 3, An Nông		20.000.000	
73	Hoàng Thị Mỹ	Vĩnh trù 3, An Nông		20.000.000	
74	Trịnh Thị Nga	Vĩnh trù 3, An Nông		20.000.000	
75	Trần Công Diện	Đô trình 2, An Nông	40.000.000		
76	Hoàng Thị Bồn	Đô trình 2, An Nông		20.000.000	
77	Dương Thị Khuê	Đô trình 3, An Nông		20.000.000	Đăng ký XM
78	Đào Công Thơm	Đô trình 3, An Nông		20.000.000	
79	Lê Ích Hùng	Đô trình 4, An Nông	40.000.000		
80	Dương Văn Giáp	Đô trình 4, An Nông	40.000.000		
81	Lê Văn Chính	Đô trình 4, An Nông		20.000.000	
82	Nguyễn Thị Đình	Vĩnh trù 3, An Nông	40.000.000		
83	Đào Thị Tú	Đô Trình 4, An Nông	40.000.000		
84	Lê Văn Thạo	Đức Long 3, An Nông		20.000.000	
85	Trịnh Hồng Minh	Gia phú, An Nông	40.000.000		
24	Xã Dân Quyền		18	6	
1	Vũ Văn Cấp	Thôn 1, Dân Quyền	40.000.000		
2	Vũ Xuân Đắc	Thôn 2, Dân Quyền	40.000.000		
3	Lê Hữu Lý	Thôn 2, Dân Quyền		20.000.000	
4	Mai Thị Quế	Thôn 3, Dân Quyền			
5	Vũ Khả Trung	Thôn 3, Dân Quyền		20.000.000	
6	Lê Thị Lý	Thôn 4, Dân Quyền	40.000.000		
7	Nguyễn Văn Tích	Thôn 5, Dân Quyền	40.000.000		
8	Lê Thị Nhuận	Thôn 5, Dân Quyền		20.000.000	
9	Lê Xuân Sỹ	Thôn 5, Dân Quyền	40.000.000		
10	Lê Thị Ráng	Thôn 6, Dân Quyền		20.000.000	

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
11	Lê Văn Nhiễu	Thôn 6, Dân Quyền	40.000.000		
12	Lê Xuân Thời	Thôn 6, Dân Quyền	40.000.000		
13	Lê Thị Thái	Thôn 6, Dân Quyền	40.000.000		
14	Lê Đình Đức	Thôn 7, Dân Quyền	40.000.000		
15	Lê Kim Trước	Thôn 7, Dân Quyền	40.000.000		
16	Lê Vinh Khánh	Thôn 8, Dân Quyền	40.000.000		
17	Lê Duy Lại	Thôn 8, Dân Quyền		20.000.000	
18	Lê Thọ Trình	Thôn 8, Dân Quyền	40.000.000		
19	Nguyễn Xuân Khang	Thôn 8, Dân Quyền		20.000.000	
20	Trần Văn Thìn	Thôn 8, Dân Quyền	40.000.000		
21	Lê Đình Sức	Thôn 9, Dân Quyền	40.000.000		
22	Lê Đình Nhuận	Thôn 9, Dân Quyền	40.000.000		
23	Lê Xuân Lương	Thôn 9, Dân Quyền	40.000.000		
24	Lê Văn Tính	Thôn 9, Dân Quyền	40.000.000		
25	Lê Thanh Tân	Thôn 9, Dân Quyền	40.000.000		
25	Xã Minh Sơn		45	58	
1	Vũ Văn Tiến	Thôn 1	40.000.000		
2	Lê Xuân Chúc	Thôn 1	40.000.000		
3	Nguyễn Bá Xuân	Thôn 1	40.000.000		
4	Lê Thị Sâm	Thôn 1	40.000.000		
5	Nguyễn Văn Tạo	Thôn 1		20.000.000	
6	Nguyễn Văn Ngôn	Thôn 1		20.000.000	
7	Nguyễn Văn Nhàn	Thôn 1		20.000.000	
8	Lê Văn Soạn	Thôn 1		20.000.000	
9	Nguyễn Thị Chế	Thôn 1		20.000.000	
10	Nguyễn Tài Độ	Thôn 1		20.000.000	
11	Nguyễn Thị Thê	Thôn 1		20.000.000	
12	Nguyễn Lương Cán	Thôn 2	40.000.000		
13	Nguyễn Thị Từ	Thôn 2		20.000.000	
14	Nguyễn Thế Truyền	Thôn 3		20.000.000	
15	Vũ Xuân Thư	Thôn 3	40.000.000		
16	Nguyễn Trọng Mừng	Thôn 3	40.000.000		
17	Lê Văn Giao	Thôn 3	40.000.000		
18	Nguyễn Văn Hòa	Thôn 3		20.000.000	
19	Lê Ngọc Chính	Thôn 3		20.000.000	
20	Nguyễn Văn Dưỡng	Thôn 4	40.000.000		
21	Hoàng Thị Kiệm	Thôn 4	40.000.000		
22	Nguyễn Thị Đào	Thôn 4		20.000.000	
23	Mai Văn Ba	Thôn 4	40.000.000		
24	Trịnh Thị Bàn	Thôn 4		20.000.000	
25	Vũ Văn Bình	Thôn 4		20.000.000	
26	Ngô Hồng Quang	Thôn 4		20.000.000	
27	Ngô Đức Thiện	Thôn 4		20.000.000	
28	Ngô Xuân Lâm	Thôn 4	40.000.000		
29	Trịnh Xuân Thịnh	Thôn 4	40.000.000		

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở(20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
30	Trần Đức Tý	Thôn 4		20.000.000	
31	Ngô Xuân Lập	Thôn 4		20.000.000	
32	Trịnh Thị Mông	Thôn 5	40.000.000		
33	Lê Ngọc Bảo	Thôn 5	40.000.000		
34	Trịnh Ngọc Ngà	Thôn 5	40.000.000		
35	Lê Thị Hương	Thôn 5	40.000.000		
36	Ngô Văn Hân	Thôn 5	40.000.000		
37	Vũ Thị Hải	Thôn 5	40.000.000		
38	Hồ Xuân Hùng	Thôn 5		20.000.000	
39	Nguyễn Thị Thừa	Thôn 5		20.000.000	
40	Ngô Hồng Châm	Thôn 5		20.000.000	
41	Trịnh Thị Thóc	Thôn 5		20.000.000	
42	Trịnh Trung Chính	Thôn 5		20.000.000	
43	Hà Hồng Nhiên	Thôn 7	40.000.000		
44	Mai Thị Sự	Thôn 7	40.000.000		
45	Mai Văn Thử	Thôn 7	40.000.000		
46	Hà Văn Tự(Bố)	Thôn 7	40.000.000		
47	Đinh Xuân Hạt	Thôn 7	40.000.000		
48	Lê Thị Hằng	Thôn 7	40.000.000		
49	Trần Thị Sáng	Thôn 7	40.000.000		
50	Mai Thị Thìn	Thôn 7	40.000.000		
51	Đỗ Thành Vinh	Thôn 7		20.000.000	
52	Nguyễn Công Tráng	Thôn 7		20.000.000	
53	Trần Thọ Thuật	Thôn 3		20.000.000	
54	Nguyễn Trọng Phẩm	Thôn 7		20.000.000	
55	Lê Văn Thạch	Thôn 1		20.000.000	
56	Nguyễn Minh Tuấn	Thôn 2		20.000.000	
57	Nguyễn Tài Hào	Thôn 2		20.000.000	
58	Nguyễn Thị Hoàn	Thôn 4	40.000.000		
59	Lưu Thị Nụ	Thôn 5		20.000.000	
60	Hoàng Đình Cẩn	Thôn 5		20.000.000	
61	Nguyễn Văn Tùng	Thôn 5	40.000.000		
62	Trịnh Minh Phiến	Thôn 5	40.000.000		
63	Đặng Xuân Trường	Thôn 7	40.000.000		
64	Lê Thị Đàm	Thôn 1	40.000.000		
65	Trần Văn Điệp	Thôn 3		20.000.000	
66	Nguyễn Thị Ván(Mẹ)	Thôn 4		20.000.000	
67	Ngô Văn Thục	Thôn 5		20.000.000	
68	Nguyễn Văn Vỹ	Thôn 4		20.000.000	
69	Lê Ngọc Thông	Thôn 5	40.000.000		
70	Hoàng Thị Thức(Mẹ)	Thôn 7	40.000.000		
71	Bùi Thị Tinh(Mẹ)	Thôn 7	40.000.000		
72	Vũ Thị Mễ	Thôn 1		20.000.000	
73	Trịnh Thị Ty	Thôn 2	40.000.000		
74	Trịnh Thị Dục	Thôn 4		20.000.000	

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
75	Ngô Văn Pháo	Thôn 4		20.000.000	
76	Nguyễn Văn Hùng	Thôn 2		20.000.000	
77	Mai Văn Nguyên	Thôn 3	40.000.000		
78	Bùi Văn Vè	Thôn 4		20.000.000	
79	Mai Văn Mai	Thôn 7		20.000.000	
80	Nguyễn Khắc Định	Thôn 8		20.000.000	
81	Nguyễn Thị Đỗ	Thôn 2		20.000.000	
82	Trịnh Văn Đắc	Thôn 5	40.000.000		
83	Nguyễn Tài Kiều	Thôn 1	40.000.000		
84	Trần Thị Vân	Thôn 2	40.000.000		
85	Trịnh Thị Hiền	Thôn 2	40.000.000		
86	Nguyễn Văn Khanh	Thôn 2	40.000.000		
87	Nguyễn Chí Thành	Thôn 2		20.000.000	
88	Lê Thị Chung	Thôn 2		20.000.000	
89	Trịnh Văn Thực	Thôn 2		20.000.000	
90	Nguyễn Thị Luật	Thôn 2		20.000.000	
91	Ngô Thị Thu	Thôn 3		20.000.000	
92	Nguyễn Tài Hòa	Thôn 3		20.000.000	
93	Lê Nguyên Tự	Thôn 3		20.000.000	
94	Nguyễn Thị Đạm	Thôn 5		20.000.000	
95	Hà Văn Giới	Thôn 7	40.000.000		
96	Mai Xuân Thành	Thôn 7		20.000.000	
97	Trịnh Ngọc Thành	Thôn 8	40.000.000		
98	Nguyễn Duy Dân	Thôn 8		20.000.000	
99	Phan Hải Lan	Thôn 8		20.000.000	
100	Hoàng Quốc Nhị	Thôn 8		20.000.000	
101	Nguyễn Trọng Thuận	Thôn 8		20.000.000	
102	Nguyễn Quang Vinh	Thôn 8		20.000.000	
103	Đàm Thị Trà	Thôn 5	40.000.000		
26	Xã Hợp Thắng		15	53	
1	Bùi Thị Nhâm	Thôn 5, Hợp Thắng		20.000.000	
2	Trịnh Thị Nguyên	Thôn 5, Hợp Thắng		20.000.000	
3	Trịnh Hữu Thái	Thôn 5, Hợp Thắng	40.000.000		
4	Nguyễn Luyện Mạnh	Thôn 4, Hợp Thắng		20.000.000	
5	Nguyễn Văn Chinh	Thôn 4, Hợp Thắng	40.000.000		Đăng ký SC
6	Nguyễn Văn Ty	Thôn 1, Hợp Thắng		20.000.000	
7	Nguyễn Thị Nhâm	Thôn 1, Hợp Thắng		20.000.000	
8	Nguyễn Thị Yến	Thôn 2, Hợp Thắng	40.000.000		Đăng ký SC
9	Lê Minh Đức	Thôn 5, Hợp Thắng		20.000.000	
10	Hà Thị Mầu	Thôn 3, Hợp Thắng	40.000.000		
11	Lê Thọ Thiện	Thôn 3, Hợp Thắng	40.000.000		
12	Triệu Trọng Thiều	Thôn 1, Hợp Thắng		20.000.000	
13	Nguyễn Văn Chinh	Thôn 5, Hợp Thắng	40.000.000		
14	Lê Huy Sự	Thôn 9, Hợp Thắng	40.000.000		
15	Triệu Trọng Thắng	Thôn 1, Hợp Thắng		20.000.000	

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
16	Trịnh Duy Hình	Thôn 1, Hợp Thắng		20.000.000	
17	Đỗ Xuân Lộc	Thôn 1, Hợp Thắng		20.000.000	
18	Nguyễn Hữu Giáp	Thôn 1, Hợp Thắng		20.000.000	Đăng ký XM
19	Nguyễn Viêt Thọ	Thôn 1, Hợp Thắng		20.000.000	
20	Triệu Trọng Bình	Thôn 1, Hợp Thắng		20.000.000	
21	Nguyễn Công Lưu	Thôn 1, Hợp Thắng		20.000.000	Đăng ký XM
22	Phạm Xuân Lương	Thôn 1, Hợp Thắng		20.000.000	
23	Trịnh Duy Tiến	Thôn 1, Hợp Thắng		20.000.000	
24	Lê Đăng Thiện	Thôn 1, Hợp Thắng		20.000.000	Đăng ký XM
25	Hà Thị Nhuận	Thôn 3, Hợp Thắng		20.000.000	
26	Trịnh Duy Kinh	Thôn 10, Hợp Thắng		20.000.000	
27	Lê Huy Cam	Thôn 11, Hợp Thắng		20.000.000	
28	Trần Thị Thận	Thôn 3, Hợp Thắng		20.000.000	
29	Triệu Trọng Tuất	Thôn 2, Hợp Thắng	40.000.000		
30	Bùi Xuân Lới	Thôn 7, Hợp Thắng		20.000.000	
31	Nguyễn Thị Thín	Thôn 9, Hợp Thắng		20.000.000	
32	Nguyễn Văn Thạch	Thôn 3, Hợp Thắng		20.000.000	
33	Hoàng Mai	Thôn 3, Hợp Thắng		20.000.000	
34	Nguyễn Hồng Lục	Thôn 6, Hợp Thắng		20.000.000	
35	Lê Hữu Quang	Thôn 4, Hợp Thắng		20.000.000	
36	Nguyễn Hồng Bộn	Thôn 7, Hợp Thắng		20.000.000	
37	Lê Thị Nghi	Thôn 7, Hợp Thắng		20.000.000	
38	Phạm Văn Võ	Thôn 7, Hợp Thắng		20.000.000	
39	Nguyễn Văn Ngọc	Thôn 7, Hợp Thắng		20.000.000	
40	Nguyễn Tuấn Hùng	Thôn 7, Hợp Thắng		20.000.000	
41	Lê Thị Vẽ	Thôn 3, Hợp Thắng		20.000.000	
42	Phạm Văn Việt	Thôn 6, Hợp Thắng		20.000.000	
43	Trịnh Ngọc Đồng	Thôn 6, Hợp Thắng		20.000.000	
44	Bùi Xuân Cộn	Thôn 6, Hợp Thắng		20.000.000	
45	Lê Thị Trung	Thôn 6, Hợp Thắng		20.000.000	
46	Đào Xuân Lục	Thôn 1, Hợp Thắng		20.000.000	
47	Mai Xuân Thịnh	Thôn 4, Hợp Thắng	40.000.000		
48	Phan Văn Lưu	Thôn 2, Hợp Thắng		20.000.000	
49	Mai Xuân Vân	Thôn 4, Hợp Thắng	40.000.000		Đăng ký SC
50	Hoàng Thị Thường	Thôn 4, Hợp Thắng	40.000.000		
51	Lê Trọng Năm	Thôn 5, Hợp Thắng		20.000.000	
52	Cù Văn Tới	Thôn 2, Hợp Thắng		20.000.000	
53	Trịnh Thị Khái	Thôn 6, Hợp Thắng		20.000.000	
54	Phạm Văn Biêng	Thôn 6, Hợp Thắng		20.000.000	
55	Bùi Xuân Nặc	Thôn 6, Hợp Thắng		20.000.000	
56	Lê Huy Chi	Thôn 11, Hợp Thắng		20.000.000	
57	Lê Huy Khanh	Thôn 11, Hợp Thắng		20.000.000	
58	Lê Văn Mưu	Thôn 11, Hợp Thắng		20.000.000	
59	Nguyễn Hữu Thành	Thôn 4, Hợp Thắng		20.000.000	
60	Nguyễn Văn Bường	Thôn 6, Hợp Thắng		20.000.000	

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
61	Trần Văn Chân	Thôn 1, Hợp Thắng		20.000.000	
62	Hoàng Văn Thanh	Thôn 1, Hợp Thắng	40.000.000		
63	Trần Văn Quý	Thôn 1, Hợp Thắng		20.000.000	Đăng ký XM
64	Nguyễn Tiến Định	Thôn 5, Hợp Thắng		20.000.000	
65	Khuong Sỹ Tường	Thôn 10, Hợp Thắng	40.000.000		
66	Nguyễn Văn Bằng	Thôn 6, Hợp Thắng	40.000.000		
67	Phạm Văn Sinh	Thôn 7, Hợp Thắng		20.000.000	
68	Trịnh Thị Lài	Thôn 5, Hợp Thắng	40.000.000		
27	Xã Xuân Lộc		8	18	
1	Lê Văn Ván	Thôn 1, Xuân Lộc		20.000.000	
2	Nguyễn Văn Niên	Thôn 1, Xuân Lộc		20.000.000	
3	Lê Thị Thâu	Thôn 2, Xuân Lộc	40.000.000		
4	Lê Đình Hải	Thôn 3, Xuân Lộc	40.000.000		
5	Ngô Thị Dân	Thôn 3, Xuân Lộc	40.000.000		
6	Đào Nguyên Tiến	Thôn 3, Xuân Lộc	40.000.000		
7	Lê Thị Mau	Thôn 3, Xuân Lộc		20.000.000	
8	Nguyễn Thị Lợi	Thôn 3, Xuân Lộc		20.000.000	
9	Lê Đình Bảy	Thôn 3, Xuân Lộc	40.000.000		
10	Lê Viết Hậu	Thôn 4, Xuân Lộc		20.000.000	
11	Lê Văn Thân	Thôn 4, Xuân Lộc		20.000.000	
12	Lê Minh Đệ	Thôn 4, Xuân Lộc		20.000.000	
13	Nguyễn Thị Thử	Thôn 4, Xuân Lộc		20.000.000	
14	Nguyễn Thị Nhị	Thôn 4, Xuân Lộc	40.000.000		
15	Nguyễn Văn Thanh	Thôn 5, Xuân Lộc		20.000.000	
16	Nguyễn Thị Trinh	Thôn 5, Xuân Lộc		20.000.000	
17	Nguyễn Xuân Lai	Thôn 5, Xuân Lộc		20.000.000	
18	Lê Đình Quý	Thôn 5, Xuân Lộc		20.000.000	
19	Lê Thị Liên	Thôn 6, Xuân Lộc	40.000.000		
20	Nghiêm Việt Thành	Thôn 6, Xuân Lộc		20.000.000	
21	Lưu Tiến Hùng	Thôn 6, Xuân Lộc		20.000.000	
22	Vũ Văn Hải	Thôn 7, Xuân Lộc		20.000.000	
23	Lê Thị Đặng	Thôn 7, Xuân Lộc	40.000.000		
24	Lê Thị Dị	Thôn 9, Xuân Lộc		20.000.000	
25	Lê Thị Mai	Thôn 9, Xuân Lộc		20.000.000	
26	Nguyễn Văn Thường	Thôn 9, Xuân Lộc		20.000.000	
28	Xã Thọ Bình		30	53	
1	Nguyễn Thị Gương	Thôn 1	40.000.000		
2	Lê Đình Hòa	Thôn 1	40.000.000		
3	Phạm Văn Bính	Thôn 1		20.000.000	
4	Nguyễn Xuân Khởi	Thôn 1		20.000.000	
5	Nguyễn Hữu Huê	Thôn 1		20.000.000	
6	Phạm Văn Quỳnh	Thôn 1		20.000.000	
7	Trần Đăng Nghiêm	Thôn 1		20.000.000	
8	Nguyễn Văn Tiến	Thôn 1	40.000.000		
9	Lê Duy Đăng	Thôn 1		20.000.000	

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
10	Hoàng Hoa phôn	Thôn 2	40.000.000		
11	Nguyễn Trọng Song	Thôn 2		20.000.000	
12	Hoàng Hoa Tín	Thôn 2		20.000.000	
13	Ngân Văn Thường	Thôn 2		20.000.000	
14	Hoàng Hoa Giáp	Thôn 2		20.000.000	
15	Lương Văn Nghĩa	Thôn 2		20.000.000	
16	Ngân Văn Được	Thôn 2		20.000.000	
17	Hoàng Hoa Nghệ	Thôn 2		20.000.000	
18	Ngân Văn Thiều	Thôn 2		20.000.000	
19	Đỗ Thanh Tùng	Thôn 3	40.000.000		
20	Lê Quang Minh	Thôn 3		20.000.000	Đăng ký XM
21	Lê Văn Dũng	Thôn 3		20.000.000	
22	Lê Năng Liễn	Thôn 3		20.000.000	
23	Lê Thị Khôi	Thôn 3	40.000.000		
24	Lê Xuân Toàn	Thôn 3		20.000.000	Đăng ký XM
25	Nguyễn Văn Vượng	Thôn 3		20.000.000	
26	Nguyễn Đình Hào	Thôn 4		20.000.000	
27	Đỗ Đình Hồng	Thôn 4		20.000.000	
28	Lê Hồ Xuân	Thôn 4		20.000.000	
29	Nguyễn Trọng Chính	Thôn 4		20.000.000	
30	Nguyễn Thị Nương	Thôn 4		20.000.000	
31	Vũ Văn Ven	Thôn 5	40.000.000		
32	Thiều Văn Tạo	Thôn 6		20.000.000	
33	Nguyễn Văn Tý	Thôn 6	40.000.000		
34	Thiều Văn Sỹ	Thôn 6		20.000.000	
35	Phạm Quang Cảnh	Thôn 7	40.000.000		
36	Lê Thế Xứng	Thôn 7		20.000.000	
37	Trương Văn Quý	Thôn 7		20.000.000	
38	Lê Văn Thanh	Thôn 7		20.000.000	Đăng ký XM
39	Phạm Văn Trọng	Thôn 7	40.000.000		
40	Trịnh Viết Cương	Thôn 8		20.000.000	
41	Trịnh Khải A	Thôn 8	40.000.000		
42	Trần Quang Sấm	Thôn 10	40.000.000		
43	Lê Sỹ Nể	Thôn 11		20.000.000	
44	Lê Trọng Quang	Thôn 11	40.000.000		
45	Nguyễn Văn Được	Thôn 12		20.000.000	
46	Quách Văn Thành	Thôn 12	40.000.000		
47	Quách Văn Hoan	Thôn 12		20.000.000	
48	Ngân Văn Dậu	Thôn 12		20.000.000	
49	Hà Quang Đình	Thôn 12	40.000.000		
50	Phạm Văn Dũng	Thôn 13	40.000.000		
51	Đặng Ngọc Sang	Thôn 13		20.000.000	
52	Lê Văn Lượng	Thôn 13		20.000.000	
53	Nguyễn Đình Thắng	Thôn 13	40.000.000		
54	Bùi Văn Tài	Thôn 15	40.000.000		

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
55	Hà Công Thời	Thôn 16		20.000.000	
56	Hoàng Viết Đình	Thôn 17		20.000.000	
57	Hà Thị Dưa	Thôn 17		20.000.000	
58	Lê Viết Thất	Thôn 18	40.000.000		
59	Hoàng Thị Tại	Thôn 1	40.000.000		
60	Nguyễn Văn Sinh	Thôn 1	40.000.000		
61	Ngân Văn Yên	Thôn 2	40.000.000		
62	Lê Thị Phương	Thôn 3		20.000.000	
63	Lê Khắc Minh	Thôn 3		20.000.000	
64	Lê Thị Ngãi	Thôn 8		20.000.000	
65	Nguyễn Xuân Nhân	Thôn 10		20.000.000	
66	Lê Thị Lé	Thôn 10	40.000.000		
67	Mai Văn Niêm	Thôn 11	40.000.000		
68	Nguyễn Văn Hạnh	Thôn 11	40.000.000		
69	Bùi Ngọc Chiên	Thôn 13		20.000.000	
70	Vì Văn Chơn	Thôn 14	40.000.000		
71	Lương Thị Àng	Thôn 14	40.000.000		
72	Vì Xuân Kỳ	Thôn 14		20.000.000	
73	Hà Văn Búng	Thôn 17		20.000.000	
74	Trịnh Văn Thân	Thôn 17	40.000.000		
75	Lê Thị Thảo	Thôn 16		20.000.000	Đăng ký XM
76	Lương Văn Tiến	Thôn 16		20.000.000	
77	Lê Đình Chiến	Thôn 17		20.000.000	
78	Ngân Văn Thịnh	Thôn 17		20.000.000	
79	Hoàng Thị Nguyệt	Thôn 15		20.000.000	
80	Hoàng Trung Kháng	Thôn 1	40.000.000		
81	Trần Thị Lờ	Thôn 1	40.000.000		
82	Lương Văn Inh	Thôn 2		20.000.000	
83	Trịnh Đình Thiệng	Thôn 4		20.000.000	
29	Xã Dân Lực		21	26	
1	Nguyễn Thị Phục(Mẹ)	Ấn mộc, Dân Lực	40.000.000		
2	Nguyễn Thị Bích(Vợ)	Ấn mộc, Dân Lực	40.000.000		
3	Nguyễn Gia Bảo	Ấn mộc, Dân lực		20.000.000	
4	Nguyễn Tăng Sáu	Ấn mộc, Dân lực		20.000.000	
5	Nguyễn Thị Đào	Đô Trang, Dân Lực	40.000.000		
6	Nguyễn Văn Ca	Đô Trang, Dân Lực		20.000.000	
7	Nguyễn Ngọc Cách	Đô Trang, Dân Lực	40.000.000		
8	Võ Tá Toàn	Đô Trang, Dân Lực	40.000.000		
9	Nguyễn Văn May	Đô Trang, Dân Lực		20.000.000	
10	Nguyễn Văn Hờ	Đô Trang, Dân Lực		20.000.000	
11	Nguyễn Đức Sáu	Đô Trang, Dân Lực		20.000.000	
12	Nguyễn Văn Ấp	Đô Trang, Dân Lực		20.000.000	
13	Phạm Văn Lợi	Đô Xá, Dân Lực		20.000.000	
14	Vũ Xuân Quỳnh	Đô Xá, Dân Lực		20.000.000	
15	Đỗ Thị Tinh	Đô Xá, Dân Lực	40.000.000		

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
55	Hà Công Thời	Thôn 16		20.000.000	
56	Hoàng Viết Đình	Thôn 17		20.000.000	
57	Hà Thị Dưa	Thôn 17		20.000.000	
58	Lê Viết Thát	Thôn 18	40.000.000		
59	Hoàng Thị Tại	Thôn 1	40.000.000		
60	Nguyễn Văn Sinh	Thôn 1	40.000.000		
61	Ngân Văn Yên	Thôn 2	40.000.000		
62	Lê Thị Phượng	Thôn 3		20.000.000	
63	Lê Khắc Minh	Thôn 3		20.000.000	
64	Lê Thị Ngải	Thôn 8		20.000.000	
65	Nguyễn Xuân Nhân	Thôn 10		20.000.000	
66	Lê Thị Lé	Thôn 10	40.000.000		
67	Mai Văn Niêm	Thôn 11	40.000.000		
68	Nguyễn Văn Hạnh	Thôn 11	40.000.000		
69	Bùi Ngọc Chiến	Thôn 13		20.000.000	
70	Vi Văn Chon	Thôn 14	40.000.000		
71	Lương Thị Àng	Thôn 14	40.000.000		
72	Vi Xuân Kỳ	Thôn 14		20.000.000	
73	Hà Văn Búng	Thôn 17		20.000.000	
74	Trịnh Văn Thân	Thôn 17	40.000.000		
75	Lê Thị Thảo	Thôn 16		20.000.000	Đăng ký XM
76	Lương Văn Tiến	Thôn 16		20.000.000	
77	Lê Đình Chiến	Thôn 17		20.000.000	
78	Ngân Văn Thịnh	Thôn 17		20.000.000	
79	Hoàng Thị Nguyệt	Thôn 15		20.000.000	
80	Hoàng Trung Kháng	Thôn 1	40.000.000		
81	Trần Thị Lờ	Thôn 1	40.000.000		
82	Lương Văn Inh	Thôn 2		20.000.000	
83	Trịnh Đình Thiêng	Thôn 4		20.000.000	
29	Xã Dân Lực		21	26	
1	Nguyễn Thị Phục(Mẹ)	Ấn mộc, Dân Lực	40.000.000		
2	Nguyễn Thị Bích(Vợ)	Ấn mộc, Dân Lực	40.000.000		
3	Nguyễn Gia Bảo	Ấn mộc, Dân lực		20.000.000	
4	Nguyễn Tăng Sáu	Ấn mộc, Dân lực		20.000.000	
5	Nguyễn Thị Đào	Đô Trang, Dân Lực	40.000.000		
6	Nguyễn Văn Ca	Đô Trang, Dân Lực		20.000.000	
7	Nguyễn Ngọc Cách	Đô Trang, Dân Lực	40.000.000		
8	Võ Tá Toàn	Đô Trang, Dân Lực	40.000.000		
9	Nguyễn Văn May	Đô Trang, Dân Lực		20.000.000	
10	Nguyễn Văn Hở	Đô Trang, Dân Lực		20.000.000	
11	Nguyễn Đức Sáu	Đô Trang, Dân Lực		20.000.000	
12	Nguyễn Văn Ấp	Đô Trang, Dân Lực		20.000.000	
13	Phạm Văn Lợi	Đô Xá, Dân Lực		20.000.000	
14	Vũ Xuân Quỳnh	Đô Xá, Dân Lực		20.000.000	
15	Đỗ Thị Tinh	Đô Xá, Dân Lực	40.000.000		

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
16	Bùi Đình Khanh	Phúc Hải, Dân lực	40.000.000		
17	Nguyễn Hữu Tất	Phúc Hải, Dân Lực		20.000.000	
18	Đào Xuân Sinh	Phúc Hải, Dân lực		20.000.000	
19	Chu Kim Cẩm	Thị Tứ, Dân Lực		20.000.000	
20	Hoàng Anh Quán	Thị Tứ, Dân Lực		20.000.000	
21	Nguyễn Văn Bông	Thiện Chính, Dân Lực	40.000.000		
22	Trịnh Thị Thiết	Thiện Chính, Dân Lực	40.000.000		
23	Trịnh Huy Hoa	Thiện Chính, Dân Lực		20.000.000	
24	Nguyễn Hữu Hiếu	Thiện Chính, Dân Lực		20.000.000	
25	Nguyễn Mạnh Tuấn	Thiện Chính, Dân Lực	40.000.000		
26	Trịnh Huy Thành	Thiện Chính, Dân Lực	40.000.000		
27	Lê Văn Tổng	Thiện Chính, Dân Lực	40.000.000		
28	Bùi Thị Lộc	Thiện Chính, Dân Lực	40.000.000		
29	Hoàng Thị Minh	Thiện Chính, Dân Lực		20.000.000	
30	Nguyễn Văn Phước	Thiện Chính, Dân Lực		20.000.000	
31	Dương Văn Học	Thiện Chính, Dân Lực		20.000.000	
32	Trịnh Đình Biên	Thiện Chính, Dân Lực	40.000.000		
33	Trần Văn Chế	Thiện Chính, Dân Lực		20.000.000	
34	Nguyễn Hữu Do	Tiên mộc, Dân Lực	40.000.000		
35	Nguyễn Gia Châu	Tiên mộc, Dân Lực		20.000.000	
36	Tổng Đình Mạnh	Tiên mộc, Dân Lực		20.000.000	
37	Nguyễn Thị Cam	Tiên mộc, Dân Lực	40.000.000		
38	Nguyễn Hữu Thành	Tiên mộc, Dân Lực		20.000.000	
39	Phạm Văn Vy	Tiên mộc, Dân Lực		20.000.000	
40	Nguyễn Thị Tảo	Tiên mộc, Dân Lực		20.000.000	
41	Ngô Thị Hiệp	Tiên mộc, Dân Lực	40.000.000		
42	Hoàng Xuân Sơn	Tiên mộc, Dân Lực	40.000.000		
43	Tổng Văn Cẩm	Xuân Tiên, Dân Lực	40.000.000		
44	Tổng Thị Hời	Xuân Tiên, Dân Lực		20.000.000	
45	Nguyễn Hữu Tu	Xuân Tiên, Dân Lực		20.000.000	
46	Nguyễn Bá Bền	Phúc Hải, Dân Lực	40.000.000		
47	Nguyễn Thị Lơ	Xuân Tiên, Dân Lực	40.000.000		
30	Xã Khuyến Nông		46	39	
1	Lê Đình Thanh	Xóm 10	40.000.000		
2	Lê Sỹ Lực	Xóm 7	40.000.000		
3	Nguyễn Đăng Hiếu	Xóm 5	40.000.000		
4	Lê Sỹ Châng	Xóm 7	40.000.000		
5	Lê Thanh Hải	Xóm 7	40.000.000		
6	Mai Văn Khâm	Xóm 8	40.000.000		
7	Lê Thị Hoa	Xóm 9	40.000.000		
8	Lê Đình Chiền	Xóm 10	40.000.000		
9	Lê Thị Bảo	Xóm 7	40.000.000		
10	Nguyễn Sỹ Bảo	Xóm 12	40.000.000		
11	Nguyễn Thị Hơ	Xóm 12	40.000.000		
12	Đỗ Xuân Độ	Xóm 2	40.000.000		

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
13	Nguyễn Xuân Cừ	Xóm 2	40.000.000		
14	Nguyễn Thị Hưng	Xóm 5	40.000.000		
15	Trần Thị Hương	Xóm 4	40.000.000		
16	Lê Văn Táo	Xóm 4	40.000.000		
17	Phạm Đình Khuyên	Xóm 13	40.000.000		
18	Lê Huy Nụ	Xóm 13	40.000.000		
19	Phạm Đình Bi	Xóm 13	40.000.000		
20	Cao Đình Bá	Xóm 7	40.000.000		
21	Lê Vinh Láo	Xóm 8	40.000.000		
22	Lê Văn Tịnh	Xóm 8	40.000.000		
23	Phạm Thị Le	Xóm 9	40.000.000		
24	Lê Thị Mong	Xóm 9	40.000.000		
25	Lê Huy Đạt	Xóm 10		20.000.000	
26	Phạm Thanh Chi	Xóm 12		20.000.000	
27	Phạm Văn Phung	Xóm 5		20.000.000	
28	Phạm Đình Cảnh	Xóm 4		20.000.000	
29	Nguyễn Thị Tài	Xóm 7		20.000.000	
30	Nguyễn Đình Đông	Xóm 6		20.000.000	
31	Lê Vinh Cảnh	Xóm 8		20.000.000	
32	Nguyễn Sỹ Tới	Xóm 13		20.000.000	
33	Đoàn Viết Khương	Xóm 4		20.000.000	
34	Lê Sỹ Cầm	Xóm 7		20.000.000	
35	Nguyễn Trọng Lễ	Xóm 1		20.000.000	
36	Nguyễn Trọng Bổng	Xóm 1		20.000.000	
37	Nguyễn Đình Nam	Xóm 6		20.000.000	
38	Nguyễn Sỹ Lự	Xóm 4	40.000.000		
39	Nguyễn Bá Thước	Xóm 2		20.000.000	
40	Lê Văn Thế	Xóm 8	40.000.000		
41	Lê Thị Tuyền	Xóm 12	40.000.000		
42	Phạm Đình HoAT	Xóm 12	40.000.000		
43	Nguyễn Thị Duyên	Xóm 12	40.000.000		
44	Nguyễn Văn Thạo	Xóm 8		20.000.000	
45	Lê Thị Tèo	Xóm 7		20.000.000	
46	Nguyễn Thị Khương	Xóm 7	40.000.000		
47	Nguyễn Sỹ Bình	Xóm 12	40.000.000		
48	Nguyễn Văn Quảng	Xóm 1	40.000.000		
49	Phạm Văn Luyện	Xóm 5	40.000.000		
50	Nguyễn Văn Luyện	Xóm 7		20.000.000	
51	Ngô Kim Khản	Xóm 4	40.000.000		
52	Nguyễn Văn Tậu	Xóm 7		20.000.000	
53	Lê Doãn Tám	Xóm 7	40.000.000		
54	Lê Sỹ Lối	Xóm 7	40.000.000		
55	Lê Tư Ninh	Xóm 7	40.000.000		
56	Cao Thị Gài	Xóm 7		20.000.000	
57	Lê Sỹ Hùng	Xóm 7		20.000.000	

STT	Tên xã, thị Trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
58	Lê Thị Đồng	Xóm 9	40.000.000		
59	Lê Thị Tứ	Xóm 9		20.000.000	
60	Lê Đình Thạnh	Xóm 9		20.000.000	
61	Lê Huy Ba	Xóm 9		20.000.000	
62	Lê Đình Tự	Xóm 9		20.000.000	
63	Nguyễn Văn Niên	Xóm 6		20.000.000	
64	Nguyễn Đình Thái	Xóm 6		20.000.000	
65	Phạm Văn Thứ	Xóm 6	40.000.000		
66	Nguyễn Thị Rung	Xóm 2	40.000.000		
67	Nguyễn Sỹ Chiên	Xóm 13	40.000.000		
68	Lê Văn Loan	Xóm 8	40.000.000		
69	Mai Bá Chữ	Xóm 8		20.000.000	
70	Lê Vinh Lơ	Xóm 8	40.000.000		
71	Mai Thị Duyên	Xóm 8		20.000.000	
72	Lê Văn Ý	Xóm 8		20.000.000	
73	Lê Văn Chính	Xóm 8	40.000.000		
74	Lê Văn Thủy	Xóm 8		20.000.000	
75	Mai Văn Tơ	Xóm 8		20.000.000	
76	Lê Đình Lại	Xóm 8		20.000.000	
77	Lê Hồng Sơn	Xóm 8		20.000.000	
78	Lê Ngọc Lãi	Xóm 11		20.000.000	
79	Phạm Đình Sách	Xóm 11		20.000.000	
80	Nguyễn Thương Tấu	Xóm 12		20.000.000	
81	Nguyễn Thị Văn	Xóm 10		20.000.000	
82	Lê Đình Minh	Xóm 10		20.000.000	
83	Lê Thị Nghinh	Xóm 10		20.000.000	
84	Lê Thị Tòng	Xóm 10	40.000.000		
85	Nguyễn Thị Tâm	Xóm 10	40.000.000		
31	Xã Hợp Lý		37	50	
1	Ngô Văn Toanh	Xóm1-Hợp Lý	40.000.000		
2	Trần Xuân Bộ	Xóm1-Hợp Lý	40.000.000		Đăng ký SC
3	Trần Thị Quy	Xóm1-Hợp Lý	40.000.000		
4	Đỗ Thị Đường	Xóm1-Hợp Lý		20.000.000	Đăng ký XM
5	Trần Thanh Dương	Xóm1-Hợp Lý	40.000.000		
6	Cù Văn Giang	Xóm1-Hợp Lý		20.000.000	
7	Trần Văn Hợp	Xóm1-Hợp Lý	40.000.000		
8	Trần Xuân Hoạt	Xóm1-Hợp Lý		20.000.000	Đăng ký XM
9	Bùi Văn Bích	Xóm1-Hợp Lý		20.000.000	
10	Lê Hồng Sâm	Xóm1-Hợp Lý		20.000.000	
11	Ngô Minh Thư	Xóm1-Hợp Lý	40.000.000		
12	Phạm Văn Tinh	Xóm1-Hợp Lý	40.000.000		
13	Lê Đăng Thín	Xóm1-Hợp Lý	40.000.000		
14	Nguyễn Hữu Điệp	Xóm1-Hợp Lý		20.000.000	
15	Trần Văn Cương	Xóm2-Hợp Lý		20.000.000	Đăng ký XM
16	Lê Văn Thành	Xóm2-Hợp Lý	40.000.000		

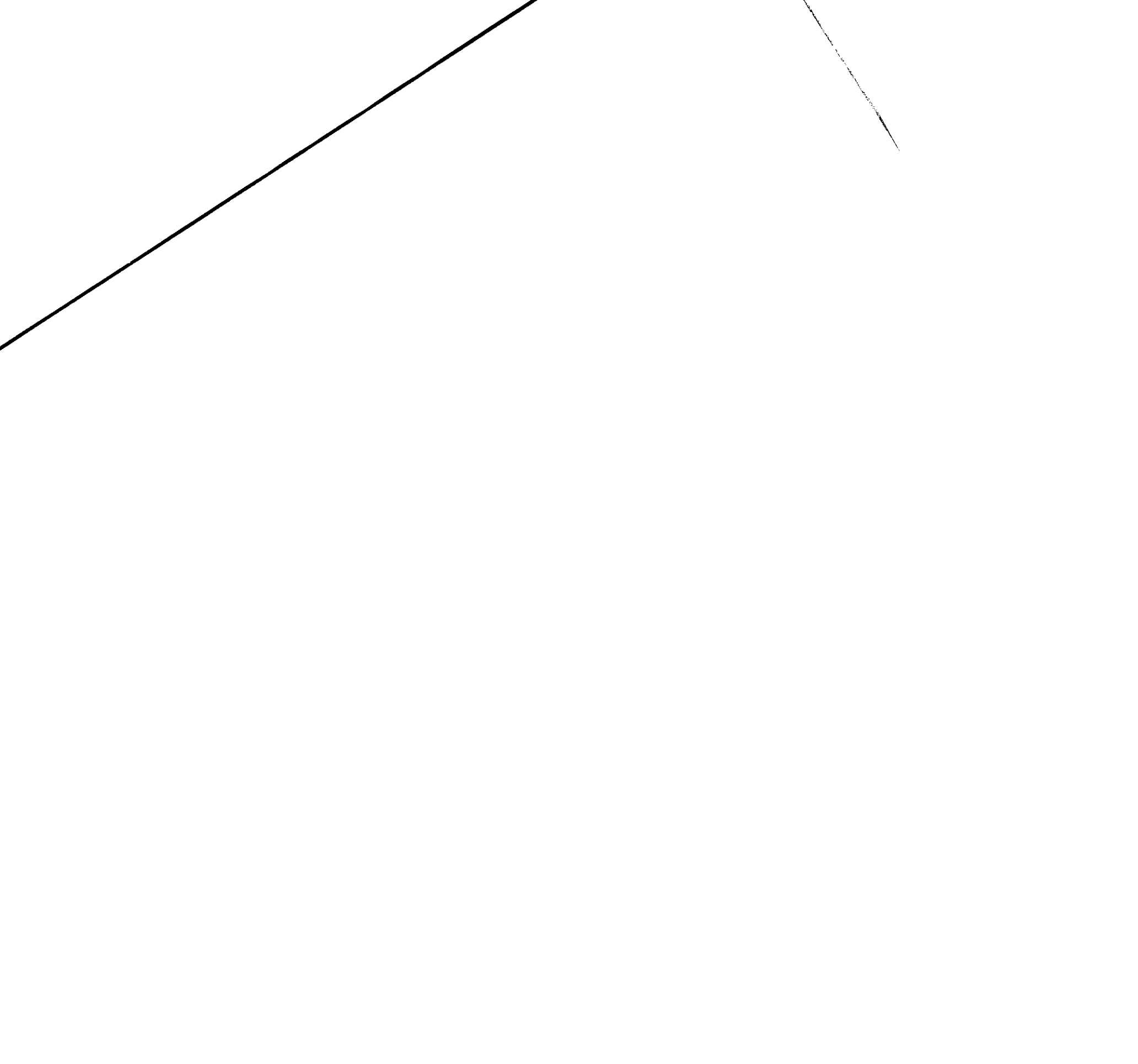
STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
17	Nguyễn Văn Chín	Xóm2-Hợp Lý		20.000.000	Đăng ký XM
18	Lê Viết Dương	Xóm2-Hợp Lý	40.000.000		
19	Lê Thị Thinh	Xóm2-Hợp Lý	40.000.000		
20	Lê Thị Ninh	Xóm2-Hợp Lý	40.000.000		
21	Lê Văn Vui	Xóm2-Hợp Lý	40.000.000		
22	Lê Văn Hán	Xóm2-Hợp Lý	40.000.000		
23	Phạm Xuân Hùng	Xóm 2- Hợp Lý		20.000.000	
24	Cù Thị Chi	Xóm2-Hợp Lý		20.000.000	Đăng ký XM
25	Trần Đình Lập	Xóm2-Hợp Lý	40.000.000		
26	Lê Thị Thứ	Xóm2-Hợp Lý		20.000.000	Đăng ký XM
27	Lê Thị Chi	Xóm2-Hợp Lý	40.000.000		
28	Đàm Duy Thanh	Xóm2-Hợp Lý	40.000.000		
29	Nguyễn Thị Dân	Xóm3-Hợp Lý		20.000.000	
30	Lê Thị Miên	Xóm3-Hợp Lý	40.000.000		
31	Lê Thị Sợi	Xóm3-Hợp Lý		20.000.000	
32	Trần Đình Bình	Xóm3-Hợp Lý		20.000.000	
33	Trịnh Văn Hạnh	Xóm4-Hợp Lý		20.000.000	
34	Trịnh Văn Năm	Xóm4-Hợp Lý		20.000.000	
35	Hoàng Ngọc Mão	Xóm5-Hợp Lý		20.000.000	
36	Lê Thị Yết	Xóm5-Hợp Lý	40.000.000		
37	Nguyễn Thị Ngợi	Xóm5-Hợp Lý		20.000.000	
38	Lê Khắc Vinh	Xóm67-Hợp Lý		20.000.000	
39	Trần Văn Nghĩ	Xóm67-Hợp Lý	40.000.000		
40	Trịnh Thị Hào	Xóm8-Hợp Lý		20.000.000	
41	Nguyễn Thị Chung	Xóm8-Hợp Lý	40.000.000		
42	Nguyễn Thanh Bình	Xóm8-Hợp Lý		20.000.000	
43	Lê Đình Tấn	Xóm8-Hợp Lý	40.000.000		Đăng ký SC
44	Nguyễn Thị Thực	Xóm8-Hợp Lý		20.000.000	Đăng ký XM
45	Đỗ Thị Hào	Xóm8-Hợp Lý	40.000.000		
46	Trần Xuân Lập	Xóm8-Hợp Lý		20.000.000	
47	Hoàng Văn Thái	Xóm9-Hợp Lý		20.000.000	
48	Hà Xuân Vinh	Xóm9-Hợp Lý		20.000.000	
49	Đỗ Thị Phương	Xóm9-Hợp Lý	40.000.000		
50	Nguyễn Văn Quán	Xóm9-Hợp Lý		20.000.000	
51	Trần Xuân Khang	Xóm9-Hợp Lý		20.000.000	
52	Đỗ Ngọc Lân	Xóm9-Hợp Lý	40.000.000		
53	Vũ Văn Tuấn	Xóm9-Hợp Lý	40.000.000		
54	Lê Xuan Tiến	Xóm10-Hợp Lý		20.000.000	
55	Lại Văn An	Xóm10-Hợp Lý	40.000.000		
56	Trịnh Đình Ba	Xóm10-Hợp Lý	40.000.000		
57	Thiều Văn Tường	Xóm10-Hợp Lý		20.000.000	
58	Nguyễn Tiến Chúc	Xóm10-Hợp Lý	40.000.000		
59	Nguyễn Văn Mai	Xóm10-Hợp Lý	40.000.000		
60	Nguyễn Trọng Hồng	Xóm10-Hợp Lý	40.000.000		
61	Phan Thị Phụ	Xóm10-Hợp Lý	40.000.000		

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
62	Lương Thị Dương	Xóm 11-Hợp Lý		20.000.000	Đăng ký XM
63	Lê Thị Vạy	Xóm 11-Hợp Lý	40.000.000		Đăng ký SC
64	Nguyễn Sỹ Toàn	Xóm 11-Hợp Lý		20.000.000	
65	Đỗ Xuân Thậu	Xóm 11-Hợp Lý		20.000.000	
66	Đỗ Thị Giai	Xóm 11-Hợp Lý	40.000.000		
67	Lê Thị Độ	Xóm 11-Hợp Lý	40.000.000		
68	Lê Sỹ Trung	Xóm 11-Hợp Lý		20.000.000	
69	Định Văn Tài	Xóm 11-Hợp Lý		20.000.000	
70	Lê Quang Văn	Xóm 11-Hợp Lý		20.000.000	Đăng ký XM
71	Lê Thị Ngoan	Xóm 11-Hợp Lý		20.000.000	
72	Đỗ Văn Hòa	Xóm 11-Hợp Lý		20.000.000	
73	Mai Văn Nhâm	Xóm 12-Hợp Lý		20.000.000	Đăng ký XM
74	Lương Văn Thảo	Xóm 12-Hợp Lý		20.000.000	
75	Trịnh Văn Thụ	Xóm 12-Hợp Lý		20.000.000	
76	Lương Văn Ngạn	Xóm 12-Hợp Lý		20.000.000	Đăng ký XM
77	Đỗ Thị Phương	Xóm 12-Hợp Lý		20.000.000	
78	Nguyễn Thị Thắm	Xóm 12-Hợp Lý		20.000.000	Đăng ký XM
79	Lê Ngọc Trang	Xóm 13-Hợp Lý		20.000.000	
80	Lê Văn Côi	Xóm 13-Hợp Lý		20.000.000	
81	Trịnh Văn Nganh	Xóm 13-Hợp Lý	40.000.000		
82	Lại Cương Quyết	Xóm 13-Hợp Lý		20.000.000	
83	Bùi Văn Bằng	Xóm 13-Hợp Lý		20.000.000	
84	Đào Thị Việt	Xóm 13-Hợp Lý		20.000.000	
85	Nguyễn Sỹ Thọ	Xóm 13-Hợp Lý		20.000.000	
86	Nguyễn Thị Nga	Xóm 13-Hợp Lý		20.000.000	
87	Trịnh Thị Chấn	Xóm 1, Hợp Lý	40.000.000		
32	Xã Đồng Lợi		68	79	
1	Nguyễn Thị A	Long vân 2, Đồng Lợi		20.000.000	
2	Nguyễn Thị Đăng	Lộc trạch 2, Đồng Lợi	40.000.000		
3	Lữ Thị Tuyền (Phạm Bá Tiên)	Thọ Lộc, Đồng Lợi	40.000.000		
4	Lê Thị Nhàng	Long vân 2, Đồng Lợi	40.000.000		
5	Vũ Thị Quyền (L. Sỹ Toàn)	Long vân 2, Đồng Lợi	40.000.000		
6	Lê Thị Khiên	Long vân 1, Đồng Lợi	40.000.000		
7	Vũ Thị Thanh	Long vân 2, Đồng Lợi	40.000.000		
8	Vũ Đình Tới	Long vân 1, Đồng Lợi	40.000.000		
9	Nguyễn Văn Cẩn	Long vân 1, Đồng Lợi	40.000.000		
10	Lê Văn Bốn	Long vân 2, Đồng Lợi	40.000.000		
11	Lê Sỹ Đăng	Long vân 2, Đồng Lợi		20.000.000	
12	Lê Thanh Tuấn	Long vân 1 đồng lợi		20.000.000	
13	Cao Ngọc Khoa	Long vân 1 đồng lợi	40.000.000		
14	Lê Đăng Bảo	Long vân 1 đồng lợi		20.000.000	
15	Nguyễn Văn Giao	Long vân 1 đồng lợi	40.000.000		
16	Lê Thành	Long vân 2 đồng lợi	40.000.000		
17	Lê Văn Ninh	Long vân 1 đồng lợi		20.000.000	
18	Lê Huy Chấn	Long vân 1 đồng lợi	40.000.000		

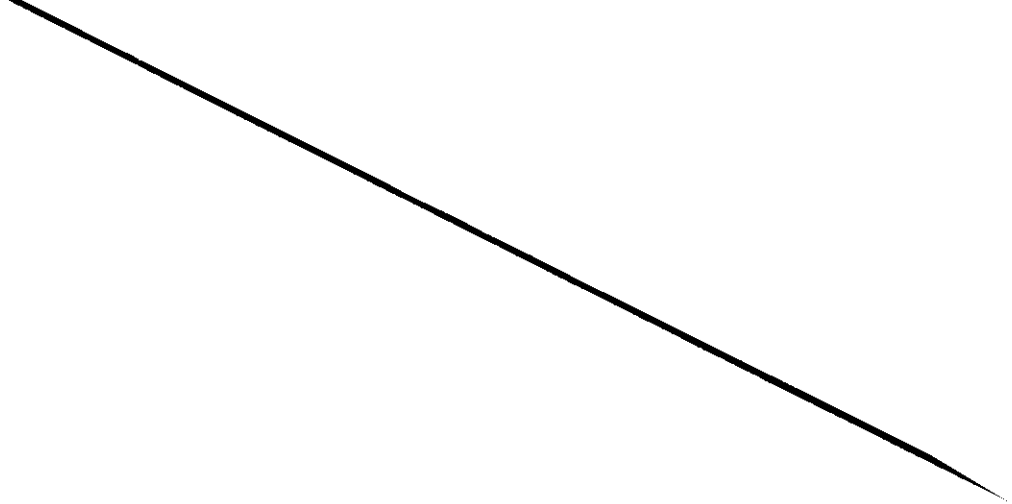
STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
19	Lê Văn Chức	Long vân 1 đồng lợi		20.000.000	
20	Vũ Thị Thung (L. Thị Thơm)	Long vân 2 đồng lợi	40.000.000		
21	Lê Khắc Thành	Long vân 1 đồng lợi	40.000.000		
22	Trần Thị Hà	Long vân 2 đồng lợi		20.000.000	
23	Lê Văn Thảo	Long vân 2 đồng lợi		20.000.000	
24	Nguyễn Minh Nhất	Lộc nham đồng lợi		20.000.000	
25	Lữ Thị Hạp	Lộc nham đồng lợi	40.000.000		
26	Lê Sỹ Thảo	Lộc nham đồng lợi	40.000.000		
27	Nguyễn Thị Nam	Long vân 2 đồng lợi		20.000.000	
28	Lã Ngọc Sân	Thọ lộc đồng lợi	40.000.000		
29	Đinh Thị Thuận	Long vân 1 đồng lợi		20.000.000	
30	Nguyễn Thị khương	Long vân 1 đồng lợi	40.000.000		
31	Đào Quang Trung	Thọ lộc đồng lợi		20.000.000	
32	Lã Văn Bôn	Thọ lộc đồng lợi		20.000.000	
33	Lã Văn Hoàn	Thọ lộc đồng lợi		20.000.000	
34	Lê Thọ Bình	Long vân 1 đồng lợi		20.000.000	
35	Nguyễn Thanh Tụng	Quản nham 2 đồng lợi		20.000.000	
36	Mai Xuân Dồng	Lộc trạch 1, xã Đồng		20.000.000	Đăng ký XM
37	Phạm Văn Quang	Lộc trạch 1, xã Đồng		20.000.000	Đăng ký XM
38	Hoàng Thanh Tính	Lộc trạch 2, xã Đồng		20.000.000	
39	Trần Quang Vinh	Lộc trạch 1, xã Đồng	40.000.000		
40	Bùi Huy Khiêm	Lộc trạch 1, xã Đồng	40.000.000		
41	Hoàng Văn Kênh	Lộc trạch 2, xã Đồng		20.000.000	
42	Trần Xuân Hội	Lộc trạch 2, xã Đồng		20.000.000	
43	Nguyễn Đình Kiện	Quản nham 1 đồng lợi		20.000.000	
44	Lã Quang Hưng	Thọ lộc đồng lợi		20.000.000	Đăng ký XM
45	Nguyễn Đình Tạc	Quản nham 1 đồng lợi	40.000.000		
46	Lê Ngọc Liên	Lộc trạch 2, xã Đồng	40.000.000		
47	Trần Văn Choắt	Lộc trạch 2, xã Đồng		20.000.000	
48	Mai Văn Viễn	Lộc trạch 2, xã Đồng	40.000.000		
49	Nguyễn Tài Doanh	Lộc trạch 2, xã Đồng	40.000.000		
50	Nguyễn Thị Thép	Lộc trạch 2, xã Đồng	40.000.000		
51	Hoàng Văn Kiệt	Lộc trạch 2, xã Đồng		20.000.000	
52	Trần Xuân Đốc	Lộc trạch 2, xã Đồng	40.000.000		
53	Trần Quang Hào	Lộc trạch 2, xã Đồng		20.000.000	
54	Phạm Trọng Bảo	Lộc trạch 2, xã Đồng		20.000.000	
55	Nguyễn Văn Ba	Lộc trạch 2, xã Đồng		20.000.000	
56	Hoàng Văn Tới	Lộc trạch 2, xã Đồng	40.000.000		
57	Trần Viết Ai	Lộc trạch 2, xã Đồng		20.000.000	
58	Trần Viết Nghiễn	Lộc trạch 2, xã Đồng	40.000.000		
59	Trần Viết Phong	Lộc trạch 2, xã Đồng		20.000.000	
60	Phạm Văn Vinh	Lộc trạch 2, xã Đồng	40.000.000		
61	Nguyễn Văn Thắng	Lộc trạch 2, xã Đồng	40.000.000		
62	Trần Văn Khánh	Lộc trạch 1, xã Đồng	40.000.000		
63	Phạm Bá Tục	Lộc trạch 1, xã Đồng			

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
64	Trần Thị Chắt	Lộc trạch 1, xã Đồng		20.000.000	
65	Hoàng Văn Chứ	Lộc trạch 1, xã Đồng	40.000.000		
66	Mai Thị Sánh	Lộc trạch 1, xã Đồng	40.000.000		
67	Mai Văn Đợi	Lộc trạch 1, xã Đồng	40.000.000		
68	Phạm Hồng Thái	Lộc trạch 1, xã Đồng	40.000.000		
69	Hoàng Văn Ninh	Lộc trạch 1, xã Đồng		20.000.000	
70	Lê Văn Niên	Long vân 2 đồng lợi	40.000.000		
71	Lê Ngọc Tênh	Long vân 2 đồng lợi		20.000.000	
72	Nguyễn Viết Nhân	Long vân 2 đồng lợi		20.000.000	
73	Lê Văn Tam	Long vân 2 đồng lợi	40.000.000		
74	Lê Thị Tôn	Long vân 2 đồng lợi	40.000.000		
75	Nguyễn Thị Hưng	Long vân 2 đồng lợi		20.000.000	
76	Lê Văn Liêm	Long vân 2 đồng lợi		20.000.000	
77	Lê Cao Độ	Long vân 2 đồng lợi		20.000.000	
78	Lê Sỹ Thi	Long vân 2 đồng lợi		20.000.000	
79	Lê Văn Súly	Long vân 2 đồng lợi		20.000.000	
80	Lê Cao Đào	Long vân 2 đồng lợi		20.000.000	Đăng ký XM
81	Nguyễn Xuân Bình	Lộc Nham, Đồng Lợi		20.000.000	
82	Nguyễn Trung Cầm	Lộc Nham, Đồng Lợi		20.000.000	
83	Ngô Bá Tính	Lộc Nham, Đồng Lợi		20.000.000	Đăng ký XM
84	Nguyễn Thanh Kính	Lộc Nham, Đồng Lợi	40.000.000		
85	Nguyễn Đình Ký	Lộc Nham, Đồng Lợi	40.000.000		
86	Nguyễn Xuân Tiến	Lộc Nham, Đồng Lợi		20.000.000	
87	Nguyễn Xuân Chính	Lộc Nham, Đồng Lợi	40.000.000		
88	Nguyễn Thị Ngân	Lộc Nham, Đồng Lợi		20.000.000	
89	Nguyễn Ngọc Cừ	Lộc Nham, Đồng Lợi		20.000.000	
90	Nguyễn Đình Lễ	Lộc Nham, Đồng Lợi	40.000.000		
91	Đỗ Thị Viên	Lộc Nham, Đồng Lợi	40.000.000		
92	Nguyễn Đình Tầm	Lộc Nham, Đồng Lợi		20.000.000	
93	Nguyễn Đức Cột	Lộc Nham, Đồng Lợi		20.000.000	
94	Tô Thị Loan	Lộc Nham, Đồng Lợi	40.000.000		
95	Lê Thị Choang	Lộc Nham, Đồng Lợi		20.000.000	
96	Lê Thị Vang	Lộc Nham, Đồng Lợi		20.000.000	
97	Lê Sỹ Phương	Long Vân 1, Đồng Lợi			
98	Hoàng Thị Vịnh	Long Vân 1, Đồng Lợi	40.000.000		
99	Vũ Đình Lương	Long Vân 1, Đồng Lợi		20.000.000	
100	Nguyễn Thanh Thượng	Long Vân 1, Đồng Lợi	40.000.000		
101	Lê Bá Lanh	Thọ Lộc, Đồng Lợi		20.000.000	Đăng ký XM
102	Trần Thị Hay	Thọ Lộc, Đồng Lợi		20.000.000	
103	Lã Văn Tê	Thọ Lộc, Đồng Lợi	40.000.000		
104	Lã Văn Kim	Thọ Lộc, Đồng Lợi	40.000.000		
105	Phan Ngọc Kính	Thọ Lộc, Đồng Lợi		20.000.000	
106	Đỗ Viết Lĩnh	Thọ Lộc, Đồng Lợi		20.000.000	
107	Trần Ân	Thọ Lộc, Đồng Lợi		20.000.000	
108	Hoàng Thị Vóc	Thọ Lộc, Đồng Lợi			

STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
109	Lê Xuân Tùng	Thọ Lộc, Đồng Lợi		20.000.000	
110	Hoàng Thị Hót	Thọ Lộc, Đồng Lợi	40.000.000		
111	Trần Việt Biên	Thọ Lộc, Đồng Lợi	40.000.000		
112	Bùi Văn Nhân	Thọ Lộc, Đồng Lợi		20.000.000	
113	Lê Thị Tèo	Thọ Lộc, Đồng Lợi	40.000.000		
114	La Thị Nhung	Thọ Lộc, Đồng Lợi	40.000.000		
115	Bùi Văn Dục	Thọ Lộc, Đồng Lợi	40.000.000		
116	Lê Xuân Tường	Thọ Lộc, Đồng Lợi		20.000.000	
117	Lữ Văn Trụ	Thọ Lộc, Đồng Lợi	40.000.000		
118	Nguyễn Văn Chuyên	Quần nham 2 đồng lợi		20.000.000	Đăng ký XM
119	Nguyễn Văn Tụy	Quần nham 2 đồng lợi		20.000.000	
120	Nguyễn Đình Chông	Quần nham 1 đồng lợi	40.000.000		
121	Nguyễn Văn Nhã	Quần nham 1 đồng lợi	40.000.000		
122	Nguyễn Văn Giám	Quần nham 1 đồng lợi		20.000.000	
123	Nguyễn Văn Thuyết	Quần nham 2 đồng lợi	40.000.000		
124	Lê Sỹ Quỳnh	Long Vân 2, Đồng Lợi		20.000.000	
125	Lê Thị Nhuế	Long Vân 2, Đồng Lợi		20.000.000	
126	Lê Ngọc Bôn	Quần Nham 1, Đồng	40.000.000		
127	Trần Việt Lùng	Lộc Trạch 2, Đồng Lợi	40.000.000		
128	Trần Văn Sở	Lộc Trạch 2, Đồng Lợi		20.000.000	
129	Lê Công Đợi	Long Vân 1, Đồng Lợi	40.000.000		
130	Võ Giang Nam	Long Vân 1, Đồng Lợi		20.000.000	Đăng ký XM
131	Lê Khắc Bảo	Long Vân 1, Đồng Lợi		20.000.000	
132	Lã Thị Thịnh	Long Vân 1, Đồng Lợi		20.000.000	
133	Vũ Đình Tác	Long Vân 1, Đồng Lợi	40.000.000		
134	Ngô Đức Thiệu	Long Vân 1, Đồng Lợi	40.000.000		
135	Lê Thị Lắm	Long Vân 1, Đồng Lợi		20.000.000	
136	Lê Công Hân	Long Vân 1, Đồng Lợi	40.000.000		
137	Nguyễn Đình Cảnh	Lộc Nham, Đồng Lợi	40.000.000		
138	Lê Thị Loan	Lộc Nham, Đồng Lợi		20.000.000	
139	Vũ Đình Hỷ	Lộc Nham, Đồng Lợi		20.000.000	
140	Nguyễn Hữu Cây	Thọ Lộc, Đồng Lợi		20.000.000	
141	Lê Bá Bổng	Thọ Lộc, Đồng Lợi		20.000.000	
142	Nguyễn Văn Chính	Thọ Lộc, Đồng Lợi		20.000.000	
143	Nguyễn Văn Luận	Quần nham 2 đồng lợi		20.000.000	Đăng ký XM
144	Tạ Văn Huân	Thọ Lộc, Đồng Lợi		20.000.000	
145	Nguyễn Văn Cảnh	Quần Nham 2, Đồng		20.000.000	
146	Nguyễn Vinh Quang	Lộc Nham, Đồng Lợi		20.000.000	
147	Vũ Xuân Nghị	Lộc Nham, Đồng Lợi		20.000.000	
33	Xã Thái Hòa		8	10	
1	Hoàng Khắc Bùi	Thái Bình, Thái Hòa		20.000.000	
2	Vũ Trọng Tuấn	Thái Sơn, Thái Hòa		20.000.000	
3	Lê Thị Mỡ	Thái Minh, Thái Hòa		20.000.000	
4	Thiều Quang Bửu	Thái Lai, Thái Hòa		20.000.000	
5	Nguyễn Thị Bình	Thái Lai, Thái Hòa		20.000.000	



STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
6	Lê Văn Cưu	Thái Yên, Thái Hòa			
7	Lê Đồng Cự	Thái Phong, Thái Hòa		20.000.000	
8	Lê Đình Điền	Thái Phong, Thái Hòa		20.000.000	
9	Nguyễn Văn Xừ	Thái Bình, Thái Hòa		20.000.000	
10	Vũ Trọng Xã	Thái Bình, Thái Hòa	40.000.000		
11	Lê Văn Thơi	Thái Minh, Thái Hòa	40.000.000		
12	Nguyễn Thị Tánh	Thái Lâm, Thái Hòa	40.000.000		
13	Lê Thị Luyện	Thái Lai, Thái Hòa	40.000.000		
14	Lê Cao Đường	Thái Yên, Thái Hòa	40.000.000		
15	Lê Văn Mậy	Thái Nhân 1, Thái Hòa	40.000.000		
16	Lê Văn Lăng	Thái Bình, Thái Hòa	40.000.000		
17	Nguyễn Xuân Ty	Thái Lâm, Thái Hòa	40.000.000		
18	Hoàng Duy Cốc	Thái Minh, Thái Hòa		20.000.000	
34	Xã Nông Trường	Thái Bình, Thái Hòa		20.000.000	
1	Đào Huy Thôn		34	23	
2	Nghiêm Ngọc Bích	Thôn 1- Nông Trường	40.000.000		
3	Lê Thị Miên	Thôn 1-Nông Trường	40.000.000		
4	Tô Minh Cường	Thôn 1-Nông Trường		20.000.000	
5	Lê Thị Biển	Thôn 2-Nông Trường	40.000.000		
6	Hồ Thị Thà	Thôn 2 - Nông Trường		20.000.000	
7	Phạm Đình Uơm	Thôn 2 - Nông Trường		20.000.000	
8	Nguyễn Thị Đạo	Thôn 2 - Nông Trường	40.000.000		
9	Nguyễn Thị Xuân	Thôn 2 - Nông Trường	40.000.000		
10	Đoàn Thị Thơm	Thôn 2 - Nông Trường	40.000.000		
11	Nguyễn Xuân Tuấn	Thôn 2 - Nông Trường		20.000.000	
12	Lê Thị Nghiu	Thôn 2 - Nông Trường		20.000.000	
13	Vũ Đức Rươi	Thôn 3 - Nông Trường	40.000.000		
14	Trần Trọng Tâm	Thôn 3 - Nông Trường	40.000.000		
15	Nguyễn Văn Kế	Thôn 3 - Nông Trường		20.000.000	
16	Tô Vĩnh Ngân	Thôn 3 - Nông Trường		20.000.000	
17	Tô Vĩnh Diệm	Thôn 3, - Nông Trường		20.000.000	
18	Trần Thị Gái	Thôn 4 - Nông Trường		20.000.000	
19	Hoàng Thị Nông	Thôn 4 - Nông Trường	40.000.000		
20	Đào Huy Khuyến	Thôn 4 - Nông Trường	40.000.000		
21	Đào Huy Bích	Thôn 4 - Nông Trường	40.000.000		
22	Vũ Đức Bảy	Thôn 4 - Nông Trường	40.000.000		
23	Tô Đình Vũ	Thôn 4- Nông Trường	40.000.000		
24	Đào Thị Nén	Thôn 4-Nông Trường	40.000.000		
25	NGuyễn Đăng Huân	Thôn 4-Nông Trường		20.000.000	
26	Thiều Hữu Hân	Thôn 5 - Nông Trường		20.000.000	
27	Lê Văn Thà	Thôn 5 - Nông Trường		20.000.000	
28	Phạm Đình Hà	Thôn 5 - Nông Trường		20.000.000	
29	Hồ sỹ Phương	Thôn 5 - Nông Trường	40.000.000		
30	Hoàng Thị Phụ	Thôn 5-Nông Trường	40.000.000		
31	Hồ Nho	Thôn 5-Nông Trường	40.000.000		



STT	Tên xã, thị trấn và tên người có công được hỗ trợ	Địa chỉ nhà ở được hỗ trợ	Thuộc diện xây dựng mới nhà ở (40 triệu đồng/hộ)	Thuộc diện sửa chữa nhà ở (20 triệu đồng/hộ)	Ghi chú
32	Nguyễn Bằng	Thôn 6 - Nông Trường	40.000.000		
33	Hồ Sỹ Hùng	Thôn 6 - Nông Trường	40.000.000		
34	Phạm Công Thịnh	Thôn 6-Nông Trường		20.000.000	
35	Lê Thị Vinh	Thôn 7 - Nông Trường		20.000.000	
36	Hoàng Thị Khuyến	Thôn 7- Nông Trường	40.000.000		
37	Lê Duy Nhung	Thôn 7-Nông Trường		20.000.000	
38	Đỗ Đắc Nhân	Thôn 7-Nông Trường	40.000.000		
39	Mai Văn Tú	Thôn 8 - Nông Trường		20.000.000	
40	Lê Ngọc Đức	Thôn 8 - Nông Trường	40.000.000		
41	Lê Hồng Thông	Thôn 8 - Nông Trường	40.000.000		
42	Lê Thị Vịnh	Thôn 8 - Nông Trường		20.000.000	
43	Vũ Đức Nhuận	Thôn 8-Nông Trường	40.000.000		
44	Đào Huy Hời	Thôn 8-Nông Trường	40.000.000		
45	Lê Thị Quây	Thôn 9-Nông Trường	40.000.000		
46	Đào Huy Phiên	Thôn 9-Nông Trường	40.000.000		
47	Lê Văn Sơn	Thôn 9-Nông Trường		20.000.000	
48	Lương Đình Thật	Thôn 10 -Nông Trường	40.000.000		
49	Đào Hữu Rường	Thôn 10 - Nông Trường	40.000.000		
50	Vũ Văn Xy	Thôn 10 - Nông Trường	40.000.000		
51	Trần Mạnh Dũng	Thôn 10 - Nông Trường		20.000.000	
52	Nguyễn Thị Hoan	Thôn 10 - Nông Trường		20.000.000	
53	Tô Thị Thực	Thôn 10 - Nông Trường	40.000.000		
54	Trần Quốc Nàn	Thôn 11 - Nông Trường	40.000.000		
55	Phạm Thị Ngự	Thôn 11 - Nông Trường		20.000.000	
56	Nguyễn Thị Báu	Thôn 11 - Nông Trường		20.000.000	
57	Lương Đình Mơi	Thôn 11 - Nông Trường	40.000.000		
Tổng số hộ			1.139	1.670	
Tổng cộng số tiền			45.560.000.000	33.400.000.000	

1. Tổng số hộ được hỗ trợ: 2.809 hộ (Bằng chữ: Hai nghìn tám trăm linh chín hộ)
2. Số tiền hỗ trợ để xây dựng mới nhà ở: 45.560.000.000 đồng
(bằng chữ: Bốn lăm tỷ, năm trăm sáu mươi triệu đồng)
3. Số tiền hỗ trợ để sửa chữa nhà ở: 33.400.000.000 đồng
(bằng chữ: Ba ba tỷ, bốn trăm triệu đồng)
4. Tổng số tiền: 78.960.000.000 đồng (Bảy tám tỷ, chín trăm sáu mươi triệu đồng)